

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

ĐỀ ÁN PHÁT TRIỂN KINH TẾ TẬP THỂ
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH CÀ MAU
GIAI ĐOẠN 2025 – 2030

Cà Mau, tháng 12/2024

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

UBND	: Ủy ban nhân dân
HĐND	: Hội đồng nhân dân
KTTT	: Kinh tế tập thể
THT	: Tổ hợp tác
HTX	: Hợp tác xã
LH HTX	: Liên hiệp hợp tác xã
HTX NN	: Hợp tác xã nông nghiệp
KT-XH	: Kinh tế - Xã hội
ĐBSCL	: Đồng bằng sông Cửu Long
GRDP	: Tổng sản phẩm trong tỉnh
UNDP	: Chương trình phát triển Liên hiệp quốc
CNXH	: Chủ nghĩa xã hội
CĐ	: Cao đẳng
ĐH	: Đại học
DVNN	: Dịch vụ nông nghiệp
GĐ	: Giám đốc
LKSX	: Liên kết sản xuất
BĐKH	: Biến đổi khí hậu
SHTT	: Sở hữu trí tuệ

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng 1. Số HTX tham gia khảo sát trên địa bàn tỉnh Cà Mau.....	22
Bảng 2. Địa bàn hoạt động của các HTX theo từng huyện.....	24
Bảng 3. Số lượng các dịch vụ HTX tổ chức thực hiện	26
Bảng 4. Hiện trạng tổ chức Đại hội thường niên theo huyện	31
Bảng 5. Thông tin về trụ sở của HTX theo huyện	32
Bảng 6. Nguồn gốc đất làm trụ sở của HTX.....	33
Bảng 7. Các HTX tự xếp hạng trên địa bàn cấp xã.....	33
Bảng 8. Các HTX tự xếp hạng trên địa bàn cấp huyện.....	34
Bảng 9. Các chính sách hiện đang được hỗ trợ tại các HTX qua khảo sát.....	39
Bảng 10. Thông tin các HTX khu vực Đồng bằng sông Cửu Long	46

DANH MỤC HÌNH ẢNH, BIỂU ĐỒ

Hình 1. Số lượng HTX giai đoạn 1955 – 2022	17
Hình 2. Tỷ lệ (%) Giám đốc HTX NN phân theo nhóm tuổi.....	21
Hình 3. Trình độ quản lý Giám đốc HTX năm 2022	21
Hình 4. Thời gian thành lập HTX.....	23
Hình 5. Số lượng thành viên của HTX.....	23
Hình 6. Địa bàn hoạt động của HTX.....	24
Hình 7. Loại hình HTX	25
Hình 8. Các dịch vụ HTX thực hiện lúc thành lập.....	26
Hình 9. Mô hình quản lý của HTX.....	27
Hình 10. Số lượng thành viên của HĐQT HTX.....	27
Hình 11. Giới tính của thành viên HĐQT HTX.....	28
Hình 12. Độ tuổi Chủ tịch HĐQT	28
Hình 13. Thâm niên làm việc của Chủ tịch HĐQT.....	28
Hình 14. Trình độ học vấn Chủ tịch HĐQT.....	29
Hình 15. HTX có nhu cầu hỗ trợ cán bộ có trình độ từ Cao đẳng trở lên về làm việc .	29
Hình 16. Mong muốn tuyển dụng cán bộ về làm việc	29
Hình 17. Tuyển dụng cán bộ về làm tại bộ phận.....	30
Hình 18. Hiện trạng tổ chức Đại hội thường niên.....	30
Hình 19. Tình hình đăng ký thuế VAT	32
Hình 20. Thông tin về trụ sở của HTX.....	32
Hình 21. Đánh giá chính sách đào tạo, bồi dưỡng nhân lực.....	40
Hình 22. Đánh giá chính sách xúc tiến, thương mại	41
Hình 23. Đánh giá chính sách hỗ trợ máy móc, thiết bị sơ chế, chế biến sản phẩm.....	41
Hình 24. Đánh giá chính sách đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động HTX.....	41
Hình 25. Đánh giá chính sách hỗ trợ HTX làm dịch vụ cho doanh nghiệp để tăng khả năng liên kết chuỗi.....	42
Hình 26. Đánh giá chính sách ưu đãi tín dụng	42
Hình 27. Đánh giá chính sách hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng.....	42
Hình 28. Đánh giá chính sách hỗ trợ đất đai cho HTX làm trụ sở/nhà kho	43
Hình 29. Đánh giá chính sách hỗ trợ THT lập HTX.....	43

Hình 30. Đánh giá chính sách hỗ trợ HTX nhỏ sáp nhập với HTX lớn.....	43
Hình 31. Đánh giá chính sách hỗ trợ kết nối kinh doanh cho HTX	44
Hình 32. Nền tảng số của các HTX.....	50
Hình 33. Mức độ cập nhật tin tức lên các nền tảng số của HTX.....	50

MỤC LỤC

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT	i
DANH MỤC BẢNG BIỂU	ii
DANH MỤC HÌNH ẢNH, BIỂU ĐỒ	iii
MỤC LỤC	v
PHẦN MỞ ĐẦU	1
I. SỰ CẦN THIẾT	1
II. CƠ SỞ PHÁP LÝ	2
1. Văn bản của Trung ương	2
2. Văn bản của tỉnh Cà Mau	4
III. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG ĐỀ ÁN	5
1. Mục đích	5
2. Quan điểm xây dựng Đề án	6
IV. PHẠM VI VÀ ĐỐI TƯỢNG CỦA ĐỀ ÁN	7
1. Phạm vi của Đề án	7
2. Đối tượng của Đề án	7
V. PHƯƠNG PHÁP THỰC HIỆN	7
1. Phương pháp phân tích tổng hợp và phân tích hệ thống	7
2. Phương pháp tham vấn	8
PHẦN THỨ NHẤT	9
ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ - XÃ HỘI TỈNH CÀ MAU	9
I. KHÁI QUÁT ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN	9
1. Vị trí địa lý	9
2. Khí hậu - Thời tiết	9
3. Địa hình	9
4. Đất đai	10
5. Nguồn nước	10
6. Khoáng sản	10
II. THỰC TRẠNG KINH TẾ - XÃ HỘI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH CÀ MAU GIAI ĐOẠN 2020 – 2023	10
1. Dân số	10
2. Lao động	10
3. Thực trạng phát triển kinh tế	11
3.1. Tăng trưởng kinh tế	11
3.2. Sản xuất ngư, nông, lâm nghiệp	11
3.3. Công thương nghiệp	11
3.4. Lĩnh vực giao thông vận tải	12
3.5. Tài chính, ngân hàng	12
III. ĐÁNH GIÁ CHUNG	12

PHẦN THỨ HAI	14
ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ TẬP THỂ	14
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH CÀ MAU	14
I. SƠ LƯỢC VỀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ TẬP THỂ TRÊN THẾ GIỚI VÀ VIỆT NAM	14
1. Sơ lược một số mô hình KTTT trên thế giới	14
1.1. Mô hình HTX ở Đức	14
1.2. Mô hình HTX ở Nhật Bản	14
1.3. Mô hình HTX ở Thái Lan.....	15
1.4. Sự đóng góp của khu vực KTTT trên thế giới và bài học cho Việt Nam.....	16
2. Lịch sử hình thành và phát triển HTX tại Việt Nam	16
2.1. Các giai đoạn hình thành và phát triển HTX tại Việt Nam.....	16
2.2. Vai trò của HTX nông nghiệp trong hệ thống kinh tế nông nghiệp ở Việt Nam	18
2.3. Quan điểm, chủ trương, đường lối và căn cứ pháp lý phát triển KTTT ở Việt Nam	19
II. THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ TẬP THỂ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH CÀ MAU	22
1. Thực trạng phát triển kinh tế tập thể tỉnh Cà Mau.....	22
1.1. Đánh giá hiện trạng phát triển các hợp tác xã trên địa bàn tỉnh.....	22
1.2. Đánh giá hiện trạng phát triển các liên hiệp hợp tác xã	35
1.3. Đánh giá hiện trạng phát triển các tổ hợp tác.....	35
2. Thực trạng cơ chế chính sách hỗ trợ trong phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã lĩnh vực nông nghiệp trên địa bàn tỉnh	36
2.1. Chính sách cán bộ và nguồn nhân lực.....	36
2.2. Chính sách đất đai	36
2.3. Chính sách tài chính, tín dụng.....	36
2.4. Chính sách hỗ trợ khoa học và công nghệ	37
2.5. Chính sách hỗ trợ tiếp thị và mở rộng thị trường.....	37
2.6. Chính sách đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng	38
2.7. Chính sách khác.....	38
3. Thực trạng công tác quản lý Nhà nước về phát triển KTTT trên địa bàn tỉnh	44
3.1. Về tổ chức bộ máy quản lý nhà nước về KTTT	44
3.2. Về việc thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước về KTTT	44
4. Thực trạng KTTT tỉnh Cà Mau so với mặt bằng chung của các tỉnh khu vực ĐBSCL	46
5. Phân tích đánh giá thị trường các ngành hàng nông sản chủ lực của tỉnh Cà Mau gắn với phát triển HTX	46

6. Thực trạng ứng dụng công nghệ số và các nền tảng trung gian trong sản xuất, quản lý, điều hành và kinh doanh trong HTX	48
7. Thực trạng ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp	50
8. Thực trạng năng lực sơ chế, chế biến và bảo quản nông sản của HTX	51
9. Thực trạng quản lý tiêu chuẩn chất lượng nông sản trong HTX	52
10. Thực trạng triển khai, quản lý và sử dụng mã vùng trồng trong HTX	52
11. Thực trạng phát triển HTX gắn với OCOP và du lịch nông thôn	53
12. Thực trạng liên kết sản xuất và tiêu thụ nông sản theo chuỗi giữa doanh nghiệp và HTX	54
13. Thực trạng hạ tầng sản xuất của HTX	55
III. ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ TẬP THỂ, HỢP TÁC XÃ NÔNG NGHIỆP TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH	56
1. Những kết quả đạt được	56
2. Hạn chế, tồn tại	57
3. Nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế	58
IV. CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG VÀ CƠ HỘI, THÁCH THỨC TRONG PHÁT TRIỂN KINH TẾ TẬP THỂ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH	59
1. Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến phát triển KTTT trên địa bàn tỉnh	59
1.1. Điểm mạnh	59
1.2. Điểm yếu	60
2. Cơ hội và thách thức trong phát triển KTTT trên địa bàn tỉnh	61
2.1. Cơ hội	61
2.2. Thách thức	62
3. Kết luận	63
PHẦN THỨ BA	64
MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP THỰC HIỆN	64
GIAI ĐOẠN 2025 – 2030	64
I. MỤC TIÊU	64
1. Mục tiêu tổng quát	64
2. Mục tiêu cụ thể	64
II. NHIỆM VỤ VÀ NỘI DUNG ĐỀ ÁN	65
1. Tăng cường vai trò lãnh đạo của các cấp ủy đảng, chỉ đạo của chính quyền và sự tham gia của các tổ chức chính trị - xã hội để phát triển KTTT tỉnh Cà Mau đến 2030	65
2. Hỗ trợ phát triển toàn diện mô hình HTX/LH HTX điểm và các mô hình HTX vệ tinh của HTX/LH HTX điểm	66
3. Hỗ trợ nâng cao năng lực quản lý điều hành HTX, năng lực liên kết với doanh nghiệp	66
4. Hỗ trợ nâng cao chất lượng nguồn nhân lực	66

5. Hỗ trợ nâng cao khả năng kinh doanh và tiêu thụ nông sản của HTX	67
6. Hỗ trợ nâng cao khả năng sơ chế, chế biến, bảo quản và thương mại nông sản	67
7. Hỗ trợ HTX sản xuất, xúc tiến thương mại và kinh doanh sản phẩm OCOP và du lịch nông thôn	67
8. Hỗ trợ nâng cao khả năng ứng dụng công nghệ số và các nền tảng trung gian	67
9. Hỗ trợ HTX ứng dụng các tiêu chuẩn chất lượng nông sản	68
10. Hỗ trợ xây dựng thí điểm mô hình kinh tế tuần hoàn hiệu quả trong sản xuất nông nghiệp	68
11. Hỗ trợ ứng dụng cơ giới hóa	68
12. Hỗ trợ HTX nâng cao năng lực cấp giống, nuôi, sơ chế, chế biến, làm đại diện cho thành viên để liên kết doanh nghiệp nhằm nâng cao chuỗi giá trị thủy sản (tôm, nghêu, cua, cá...)	68
13. Hỗ trợ HTX xây dựng, thuê trụ sở làm việc, hạ tầng và trang thiết bị	69
14. Hỗ trợ HTX phát triển dịch vụ cho vay nội bộ (tín dụng nội bộ)	69
16. Tuyên truyền, phổ biến nội dung, sơ kết, tổng kết, nhân rộng kết quả thực hiện Đề án	69
III. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN ĐỀ ÁN	69
1. Về cơ chế chính sách	69
2. Về tài chính	70
2.1. Đối với nguồn ngân sách Trung ương hỗ trợ	70
2.2. Đối với nguồn ngân sách tỉnh, huyện	70
2.3. Đối với nguồn vốn của HTX, doanh nghiệp và các thành phần kinh tế khác	70
3. Về ứng dụng, chuyển giao khoa học công nghệ, chuyển đổi số và nhân rộng mô hình	71
4. Về đào tạo nguồn nhân lực	71
5. Về xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường gắn với xây dựng thương hiệu, nhãn hiệu hàng hóa nông sản	72
6. Về đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động các HTX	72
7. Về tăng cường hoạt động liên kết, phát triển chuỗi giá trị ngành hàng theo thế mạnh của tỉnh, phát triển HTX liên vùng, logistics	73
IV. DANH MỤC CÁC NỘI DUNG HỖ TRỢ	74
V. KHÁI TOÁN TỔNG NHU CẦU VỐN	75
1. Vốn đầu tư	75
2. Cơ cấu nguồn vốn và phân kỳ đầu tư	75
VI. HIỆU QUẢ ĐỀ ÁN	75
1. Hiệu quả kinh tế	75

2. Hiệu quả xã hội	76
3. Hiệu quả về môi trường	76
4. Đánh giá mức độ áp dụng của Đề án	76
VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN	77
1. Tiến trình thực hiện	77
2. Phân công thực hiện	78
2.1. Sở Kế hoạch và Đầu tư	78
2.2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	78
2.3. Sở Tài chính	79
2.4. Sở Tài nguyên và Môi trường	79
2.5. Sở Khoa học và Công nghệ	79
2.6. Sở Công Thương	80
2.7. Sở Thông tin và Truyền thông	80
2.8. Sở Giao thông Vận tải	80
2.9. Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch	80
2.10. Sở Nội vụ	80
2.11. Sở Tư pháp	80
2.12. Hội LH Phụ nữ/Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh tỉnh	81
2.13. Hội nông dân tỉnh	81
2.14. Liên minh HTX tỉnh	81
2.15. Văn phòng điều phối nông thôn mới	82
2.16. Mặt trận Tổ quốc và các thành viên	82
2.17. UBND các huyện, thành phố	82
2.18. Đảng ủy, UBND cấp xã	83
2.19. Báo Cà Mau, Đài Phát thanh - Truyền hình Cà Mau	83
2.20. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh Cà Mau	83
2.21. Sở, ban, ngành tỉnh địa phương	83
TÀI LIỆU THAM KHẢO	84

PHẦN MỞ ĐẦU

I. SỰ CẦN THIẾT

Trong hơn 25 năm qua, khu vực kinh tế tập thể ở Việt Nam đã trải qua những giai đoạn phát triển đáng kể, đặc biệt là mô hình hợp tác xã kiểu mới, với sự chuyển mình mạnh mẽ từ mô hình HTX kiểu cũ kém hiệu quả sang mô hình tự chủ, tự chịu trách nhiệm. Bản chất, giá trị và các nguyên tắc hoạt động, vai trò của KTTT và HTX vẫn luôn phù hợp với đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta. Các tổ chức kinh tế hợp tác như HTX, tổ hợp tác, và liên hiệp HTX đã đóng góp quan trọng vào sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Bằng cách liên kết các thành viên, chia sẻ nguồn lực và kinh nghiệm, các mô hình này đã góp phần ổn định an sinh xã hội và phát triển kinh tế ở nhiều địa phương. Đặc biệt, trong lĩnh vực nông nghiệp, các HTX đã giúp nông dân hợp tác trong sản xuất, tiêu thụ nông sản, nâng cao giá trị sản phẩm và cải thiện đời sống.

Tuy nhiên, mặc dù khu vực KTTT đã có những thành tựu nhất định, nhưng vẫn còn nhiều vấn đề tồn tại, ảnh hưởng đến khả năng phát triển bền vững. Nhiều HTX hiện nay vẫn chưa phát huy được hết tiềm năng của mình. Một số HTX hoạt động kém hiệu quả do chưa tuân thủ đầy đủ các quy định của Luật HTX, các quan hệ sở hữu, tổ chức quản lý và phân phối chưa đảm bảo tính minh bạch và hiệu quả. Các HTX còn gặp khó khăn về nguồn vốn, công nghệ, và thiếu đội ngũ quản lý có năng lực. Hầu hết các HTX vẫn hoạt động chủ yếu nhờ vốn tự có, quy mô nhỏ bé, dẫn đến hiệu quả thấp và khả năng cạnh tranh yếu. Ngoài ra, việc thu hút các thành phần kinh tế khác tham gia vào các HTX còn hạn chế, khiến các HTX chưa phát huy được sức mạnh tổng hợp của cộng đồng và các nguồn lực.

Tại tỉnh Cà Mau, dù KTTT và HTX nông nghiệp đã có những đóng góp quan trọng vào sự phát triển kinh tế - xã hội, nhưng các HTX vẫn chưa thể hiện vai trò chủ lực trong phát triển nông nghiệp, nông thôn. Các HTX nông nghiệp tại tỉnh này còn yếu về năng lực quản lý, thiếu vốn đầu tư, công nghệ và kỹ thuật. Các mô hình HTX chủ yếu quy mô nhỏ, hoạt động đơn lẻ và chưa tạo được sự liên kết chặt chẽ giữa các thành viên và các đối tác khác. Ngoài ra, công tác quản lý nhà nước và phối hợp giữa các cơ quan chức năng trong phát triển KTTT vẫn chưa thực sự hiệu quả, dẫn đến việc triển khai các chính sách hỗ trợ chưa đạt được kết quả như mong đợi.

Do đó, việc xây dựng “Đề án phát triển kinh tế tập thể tỉnh Cà Mau giai đoạn 2025-2030” là vô cùng cần thiết. Đề án này sẽ giúp đánh giá toàn diện thực trạng phát triển KTTT, đặc biệt là HTX nông nghiệp, từ đó xác định rõ những tiềm năng, thế mạnh của tỉnh cũng như những khó khăn, thách thức còn tồn tại. Trên cơ sở đó, các mục tiêu, phương hướng và giải pháp phát triển sẽ được đề ra, nhằm tận dụng tối đa nguồn lực của tỉnh, phát triển các HTX một cách bền vững và hiệu quả hơn. Đặc biệt, việc phát triển mô hình HTX nông nghiệp có thể giúp nâng cao giá trị sản phẩm nông nghiệp, cải thiện đời sống cho nông dân, đồng thời góp phần vào sự phát triển toàn diện của kinh tế xã hội tỉnh Cà Mau trong giai đoạn 2025-2030.

II. CƠ SỞ PHÁP LÝ

1. Văn bản của Trung ương

Luật Hợp tác xã số 17/2023/QH15;

Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể trong giai đoạn mới;

Kết luận số 70-KL/TW ngày 9 tháng 3 năm 2020 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 khóa IX về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể;

Nghị quyết số 120/NQ-CP ngày 17 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ về phát triển bền vững Đồng bằng sông Cửu Long thích ứng với biến đổi khí hậu;

Nghị quyết số 134/NQ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ về ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Kết luận số 70-KL/TW ngày 9 tháng 3 năm 2020 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 khóa IX về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể;

Nghị quyết số 09/NQ-CP ngày 2 tháng 2 năm 2023 của Chính phủ về ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể trong giai đoạn mới;

Nghị quyết số 106/NQ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2023 của Chính phủ về phát triển hợp tác xã nông nghiệp trong tái cơ cấu ngành nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới;

Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngày 24 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ về khuyến nông;

Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 5 tháng 7 năm 2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp;

Nghị định số 62/2019/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa;

Nghị định số 92/2024/NĐ-CP ngày 17 tháng 8 năm 2024 của Chính phủ về đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã;

Nghị định số 113/2024/NĐ-CP ngày 12 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hợp tác xã;

Quyết định số 417/QĐ-TTg ngày 13 tháng 4 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Chương trình hành động tổng thể thực hiện Nghị quyết số 120/NQ-CP ngày 17 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ về phát triển bền vững Đồng bằng sông Cửu Long thích ứng với biến đổi khí hậu;

Quyết định số 324/QĐ-TTg ngày 2 tháng 3 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình tổng thể phát triển nông nghiệp bền vững thích ứng với biến đổi khí hậu vùng Đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Quyết định số 1804/QĐ-TTg ngày 13 tháng 11 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã giai đoạn 2021 – 2025;

Quyết định số 167/QĐ-TTg ngày 3 tháng 2 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án lựa chọn, hoàn thiện, nhân rộng mô hình hợp tác xã kiểu mới hiệu quả tại các địa phương trên cả nước giai đoạn 2021 – 2025;

Quyết định số 255/QĐ-TTg ngày 25 tháng 2 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Kế hoạch cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2021-2025;

Quyết định số 340/QĐ-TTg ngày 12 tháng 3 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chiến lược phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã giai đoạn 2021-2030;

Quyết định số 1318/QĐ-TTg ngày 22 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Kế hoạch phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã giai đoạn 2021 - 2025;

Quyết định số 150/QĐ-TTg ngày 28 tháng 1 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chiến lược phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Quyết định số 854/QĐ-TTg ngày 19 tháng 7 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án nâng cao năng lực thích ứng với biến đổi khí hậu của hợp tác xã nông nghiệp vùng Đồng bằng sông Cửu Long, giai đoạn 2021-2025;

Quyết định số 01/QĐ-TTg ngày 3 tháng 1 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án “Hỗ trợ hợp tác xã do phụ nữ tham gia quản lý, tạo việc làm cho lao động nữ đến năm 2030”;

Quyết định số 1490/QĐ-TTg ngày 27 tháng 11 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án "Phát triển bền vững một triệu héc-ta chuyên canh

lúa chất lượng cao và phát thải thấp gắn với tăng trưởng xanh vùng Đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030”;

Quyết định số 1088/QĐ-BNN-KTHT ngày 25 tháng 3 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về phê duyệt Đề án Thí điểm xây dựng vùng nguyên liệu nông, lâm sản đạt chuẩn phục vụ tiêu thụ trong nước và xuất khẩu giai đoạn 2022-2025;

Chi thị số 19/CT-TTg ngày 3 tháng 6 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về đẩy mạnh chuyển đổi số trong khu vực kinh tế hợp tác, hợp tác xã;

Quyết định số 182/QĐ-TTg ngày 20 tháng 2 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án “Hội Nông dân Việt Nam tham gia phát triển kinh tế tập thể trong nông nghiệp đến năm 2030”.

2. Văn bản của tỉnh Cà Mau

Nghị quyết số 17/2019/NQ-HĐND ngày 6 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Cà Mau;

Nghị quyết số 11/2022/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức chi hỗ trợ đào tạo đối với thành viên, người lao động kinh tế tập thể và hỗ trợ đưa lao động trẻ về làm việc tại tổ chức kinh tế tập thể trên địa bàn tỉnh Cà Mau đến năm 2025;

Nghị quyết số 14/2022/NQ-HĐND ngày 9 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định nội dung hỗ trợ, trình tự, thủ tục, mẫu hồ sơ thực hiện phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị, phát triển sản xuất cộng đồng, phát triển sản xuất theo nhiệm vụ thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Cà Mau;

Chương trình hành động số 02/CTr-UBND ngày 10 tháng 3 năm 2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết số 134/NQ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ về Chương trình hành động thực hiện Kết luận số 70-KL/TW ngày 9 tháng 3 năm 2020 của Bộ Chính trị;

Chương trình số 37-CTr/TU ngày 17 tháng 11 năm 2022 của Tỉnh ủy Cà Mau thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể trong giai đoạn mới;

Quyết định số 2461/QĐ-UBND ngày 29 tháng 9 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện Chiến lược phát triển nông nghiệp, nông thôn bền vững gắn với cơ cấu lại ngành nông nghiệp tỉnh Cà Mau giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Báo cáo số 461-BC/TU ngày 19 tháng 6 năm 2019 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tổng kết 15 năm thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 18 tháng 3 năm 2002 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả phát triển kinh tế tập thể;

Báo cáo số 138-BC/TU ngày 29 tháng 10 năm 2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tổng kết 20 năm thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 18 tháng 3 năm 2002 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả phát triển kinh tế tập thể;

Báo cáo số 47/BC-HĐND ngày 27 tháng 8 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về kết quả giám sát tình hình đổi mới, phát triển kinh tế tập thể trên địa bàn tỉnh Cà Mau;

Báo cáo số 204/BC-UBND ngày 13 tháng 7 năm 2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về định hướng Chiến lược phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã giai đoạn 2021 - 2030;

Báo cáo số 296/BC-UBND ngày 2 tháng 11 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau tổng kết 10 năm thi hành Luật Hợp tác xã năm 2012;

Kế hoạch số 93/KH-UBND ngày 1 tháng 9 năm 2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về phát triển kinh tế tập thể tỉnh Cà Mau giai đoạn 2021 - 2025;

Kế hoạch số 16-KH/TU ngày 8 tháng 2 năm 2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Cà Mau thực hiện Chương trình số 02-CTr/TU ngày 22 tháng 1 năm 2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XVI, nhiệm kỳ 2021 - 2025;

Kế hoạch số 76/KH-UBND ngày 31 tháng 3 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể trong giai đoạn mới trên địa bàn tỉnh Cà Mau;

Kế hoạch số 182/KH-UBND ngày 2 tháng 8 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện Đề án nâng cao năng lực thích ứng với biến đổi khí hậu của hợp tác xã nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Cà Mau giai đoạn 2022 - 2025.

III. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

1. Mục đích

Phát triển KTTT mang tính đột phá, đạt hiệu quả cao và đảm bảo tính bền vững; góp phần đưa thực trạng KTTT của tỉnh đi từ yếu lên mức trung bình - khá trở lên so với mặt bằng chung ở khu vực ĐBSCL, tạo sự đồng thuận cao từ công tác lãnh chỉ đạo đến các hoạt động triển khai, hỗ trợ cho phát triển KTTT.

Xây dựng và phát triển những mô hình HTX điểm và LH HTX điểm làm tiền đề vững chắc để phát triển KTTT trên toàn tỉnh. Tiếp tục củng cố, mở rộng và phát triển KTTT trong các ngành, lĩnh vực, lấy hình thức HTX làm nòng cốt, thu hút nông

dân, hộ kinh doanh cá thể, doanh nghiệp và nhiều tổ chức cùng tham gia hợp tác và liên kết. Tích hợp những nguồn lực sẵn có, cùng tập trung phát triển liên kết sản xuất và tiêu thụ theo chuỗi giá trị gắn với yêu cầu của thị trường, thúc đẩy phát triển và nhân rộng các HTX chuyên sâu gắn với các vùng nguyên liệu lớn, vùng sản xuất hàng hóa tập trung có quy mô lớn; các HTX ứng dụng công nghệ cao, đảm bảo tiêu chuẩn chất lượng, thích ứng với biến đổi khí hậu; các HTX sản xuất và chế biến gắn với sản phẩm đặc trưng, sản phẩm OCOP của tỉnh... trên cơ sở tôn trọng bản chất, giá trị và nguyên tắc của KTTT, gắn với mục tiêu chung nhằm nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho thành viên và cộng đồng trong khu vực.

2. Quan điểm xây dựng Đề án

Đề án phát triển kinh tế tập thể trên địa bàn tỉnh Cà Mau, giai đoạn 2024 - 2030 (trừ loại hình HTX giao thông vận tải và Quỹ tín dụng nhân dân) được xây dựng với những quan điểm chính yếu sau:

1) Đề ra những giải pháp thiết thực và phù hợp để nâng cao hiệu quả trong công tác quản lý Nhà nước về KTTT. Nhà nước làm tốt vai trò kiến tạo thông qua đổi mới cơ chế, chính sách, thể chế và các hỗ trợ cần thiết để tạo môi trường thuận lợi cho việc phát triển KTTT và HTX. Riêng đối với lĩnh vực nông nghiệp, KTTT và HTX làm nòng cốt cho các hoạt động tổ chức lại sản xuất và tiêu thụ.

2) Xây dựng và phát triển được các mô hình HTX điểm và LH HTX điểm, chuyển giao học tập kinh nghiệm và nhân rộng mô hình. Qua đó, phát triển KTTT và HTX đúng với bản chất, là không gian mở, có Thành viên được gia tăng về số lượng, mở rộng thành phần và nâng cao năng lực tham gia hợp tác; dịch vụ đa dạng phát huy lợi thế số đông như “mua chung, bán chung” và đặc biệt quan tâm đến những dịch vụ đời sống; phát triển hài hòa cả về lợi ích và lợi nhuận để thu hút thành viên tham gia, bảo đảm tái đầu tư cho các khâu sản xuất, kinh doanh dịch vụ và hoạt động như một tổ chức kinh tế đặc thù.

3) Tích hợp và tận dụng triệt để các chủ trương, chính sách của tỉnh vào đẩy mạnh phát triển KTTT. Tăng cường các hoạt động xúc tiến thương mại, tận dụng tối đa các cơ hội và lợi thế trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế để thúc đẩy phát triển sản xuất, mở rộng thị trường.

4) Ngân sách Nhà nước thí điểm hỗ trợ đầu tư các hạng mục giúp khu vực KTTT và HTX phát huy năng lực tổ chức các dịch vụ hoạt động cho thành viên. Bên cạnh đó, huy động những nguồn lực và hạ tầng sẵn có để cùng phát triển KTTT. Việc phát triển KTTT và HTX bảo đảm nguyên tắc tự nguyện, xuất phát từ nhu cầu, lợi ích của người dân và các tổ chức tham gia, phát huy tối đa lợi thế các địa phương trên địa bàn tỉnh.

5) Nâng cao năng lực quản lý và tổ chức sản xuất, kinh doanh cho HTX. Theo đó thúc đẩy liên kết sản xuất và tiêu thụ theo chuỗi giá trị thông qua HTX làm trung tâm. Phát triển và nhân rộng các mô hình sản xuất, kinh doanh bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu, gắn với vùng nguyên liệu lớn, phù hợp với thị trường.

6) Phát triển KTTT và HTX chủ yếu dựa vào khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và ứng dụng chuyển đổi số, phù hợp với định hướng phát triển kinh tế, xã hội của địa phương, gắn với tái cơ cấu ngành nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh.

7) Phát triển KTTT và HTX ở tất cả các lĩnh vực, trong đó ưu tiên lĩnh vực HTX nông nghiệp bền vững theo yêu cầu của thị trường, dựa trên các ngành hàng có ưu thế để nâng cao chất lượng và hiệu quả sản xuất kinh doanh, thu hút các thành phần kinh tế đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn.

IV. PHẠM VI VÀ ĐỐI TƯỢNG CỦA ĐỀ ÁN

1. Phạm vi của Đề án

Đề án tập trung hoạt động: xây dựng mô hình HTX điểm, LH HTX điểm và các HTX vệ tinh hoạt động có hiệu quả để thông qua các HTX thực hiện các hoạt động thương mại hóa nông sản, đảm bảo tiêu chuẩn chất lượng, thí điểm hình thức tổ chức sản xuất, sơ chế - chế biến và giảm tổn thất sau thu hoạch, mô hình thí điểm để thích ứng biến đổi khí hậu gắn với đáp ứng yêu cầu thị trường nhằm nâng cao hiệu quả canh tác, chế biến, bảo quản sau thu hoạch, bảo vệ môi trường, tăng khả năng cạnh tranh của các loại nông, thủy sản trên thị trường. Sau đó triển khai học tập và nhân rộng mô hình.

Địa bàn thực hiện: Các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

2. Đối tượng của Đề án

Tất cả các loại hình HTX và tổ hợp tác được quy định tại Luật Hợp tác xã số 23/2012/QH13 và Luật Hợp tác xã số 17/2023/QH15, trừ loại hình HTX giao thông vận tải và Quỹ tín dụng nhân dân không thuộc đối tượng được áp dụng trong Đề án này.

V. PHƯƠNG PHÁP THỰC HIỆN

Đơn vị thực hiện: UBND và các cơ quan quản lý KTTT cấp huyện là đơn vị thực hiện chính kế hoạch phát triển KTTT của huyện giai đoạn 2025 - 2030 theo hướng dẫn từ đơn vị tư vấn. Đơn vị tư vấn hướng dẫn cho UBND huyện cách thức thực hiện, từ đó, UBND huyện tập hợp các phòng ban của huyện, UBND xã,... để thảo luận kế hoạch phát triển KTTT của địa phương mình.

Cách thức thực hiện: mỗi huyện chọn 2 mô hình HTX điểm, mỗi mô hình HTX điểm sẽ có 03 HTX vệ tinh. Đồng thời, xác định các nội dung cụ thể để hỗ trợ cho các HTX điểm và các HTX vệ tinh. Xác định các danh mục hỗ trợ, đầu tư phát triển quy mô thành viên của từng HTX cũng như xác định các nguồn lực và các giải pháp cụ thể để hỗ trợ HTX.

Phương pháp thực hiện (do đơn vị tư vấn thực hiện):

1. Phương pháp phân tích tổng hợp và phân tích hệ thống

Phương pháp phân tích tổng hợp và phân tích hệ thống được áp dụng để thu thập, phân tích và tổng hợp số liệu, dữ liệu có liên quan từ các Sở, ban, ngành, UBND

các huyện, thành phố và các HTX (HTX), quy trình thực hiện bao gồm các bước sau:

1.1. Thu thập thông tin

- Thông tin thứ cấp:

+ Thu thập, phân tích và tổng hợp số liệu, dữ liệu từ các Sở, ban, ngành, UBND các huyện và các HTX (HTX).

+ Kế thừa số liệu từ các đề án, dự án có liên quan trước đây.

+ Các cơ quan chủ trì như Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sẽ giới thiệu đơn vị tư vấn với huyện ủy, UBND huyện và các phòng, ban cấp huyện nơi triển khai Đề án để đơn vị tư vấn thu thập và đối chiếu thông tin.

- Thông tin sơ cấp: Đơn vị tư vấn sẽ tiến hành khảo sát, điều tra và thu thập số liệu liên quan từ các địa phương.

1.2. Phương pháp thực hiện

Bước 1: Tập huấn cho các địa phương. Đơn vị tư vấn sẽ tổ chức tập huấn cho các địa phương về các nội dung và quy trình thực hiện Đề án.

Bước 2: Triển khai thực hiện tại địa phương. Các huyện ủy, UBND cấp huyện sẽ tự triển khai các nội dung của Đề án tại địa phương.

Bước 3: Tổng hợp và xây dựng Đề án tổng thể của tỉnh. Đơn vị tư vấn sẽ tổng hợp nội dung triển khai của các huyện, thành phố và xây dựng Đề án tổng thể cho tỉnh.

2. Phương pháp tham vấn

Tham vấn các bên bao gồm Sở, ban, ngành, UBND các huyện/thành phố đối với các vấn đề có liên quan đến Đề án.

PHẦN THỨ NHẤT

ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ - XÃ HỘI TỈNH CÀ MAU

I. KHÁI QUÁT ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN

1. Vị trí địa lý

Cà Mau, tỉnh cực Nam của Việt Nam, thuộc khu vực Đồng bằng sông Cửu Long, được tái lập vào ngày 01/01/1997. Lãnh thổ tỉnh gồm hai phần: đất liền và vùng biển.

- Phần đất liền: diện tích 5.294,87 km², chiếm 12,97% diện tích khu vực Đồng bằng sông Cửu Long và 1,58% diện tích cả nước. Diện tích đất nuôi trồng thủy sản trên 266.735 ha, đất trồng lúa 129.204 ha, đất lâm nghiệp 103.723 ha. Cà Mau nằm ở vị trí từ 8034' đến 9033' vĩ độ Bắc và 104043' đến 105025' kinh độ Đông, cách Thành phố Hồ Chí Minh 370 km và thành phố Cần Thơ 180 km. Tỉnh giáp với Kiên Giang, Bạc Liêu, biển Đông và Vịnh Thái Lan. Mũi Cà Mau là nơi duy nhất trên đất liền có thể ngắm mặt trời mọc từ biển Đông và lặn xuống biển Tây. Cà Mau nằm ở trung tâm khu vực biển Đông Nam Á, thuận lợi cho giao lưu kinh tế quốc tế.

- Vùng biển: vùng biển và thềm lục địa của tỉnh có diện tích 71.000 km², bao gồm các đảo Hòn Khoai, Hòn Chuối, Hòn Buông và Hòn Đá Bạc. Đường bờ biển dài gần 254 km, trong đó có 107 km bờ biển Đông và 147 km bờ biển Tây. Biển Cà Mau tiếp giáp với các vùng biển của Thái Lan, Malaysia, Indonesia, là trung tâm giao lưu kinh tế của vùng biển quốc tế Đông Nam Á.

2. Khí hậu - Thời tiết

Cà Mau có khí hậu nhiệt đới gió mùa cận xích đạo, với hai mùa mưa nắng rõ rệt. Nhiệt độ trung bình năm là 27,9°C, cao nhất vào tháng 5 (30,2°C) và thấp nhất vào tháng 1 (26,5°C), thích hợp cho phát triển nông nghiệp và thủy sản.

Mùa mưa không còn tập trung từ tháng 5-11 như trước, mà mưa rải rác trong năm, với những đợt nắng hạn hoặc mưa lớn vào mùa khô. Lượng mưa trung bình năm khoảng 1.998,3 mm, với 165 ngày mưa. Độ ẩm trung bình là 81%, giảm xuống 74% vào tháng 3.

3. Địa hình

Cà Mau là vùng đồng bằng thấp, thường xuyên bị ngập nước, độ cao bình quân từ 0,5 đến 1,5 m so với mực nước biển. Địa hình nghiêng dần từ bắc xuống nam và từ đông bắc xuống tây nam, với nhiều vùng trũng như U Minh và Trần Văn Thời. Chủ yếu là đất phù sa, thích hợp cho nuôi trồng thủy sản và trồng lúa.

Vùng biển và thềm lục địa Cà Mau rộng 71.000 km², bao gồm các đảo Hòn Khoai, Hòn Chuối, Hòn Đá Bạc. Bờ biển phía đông và phía tây có hiện tượng xói lở và bồi đắp, đặc biệt tại Bãi bồi Mũi Cà Mau.

4. Đất đai

Cà Mau có 5 nhóm đất chính: đất mặn (208.496 ha), đất phèn (271.926 ha), đất than bùn (8.000 ha), đất bãi bồi (15.488 ha), và đất kênh rạch. Diện tích đất nông nghiệp toàn tỉnh là 351.355 ha (67,63%), đất lâm nghiệp 104.805 ha (20,18%).

5. Nguồn nước

Nguồn nước chủ yếu của Cà Mau là nước mưa và nước biển qua các nhánh sông. Nước ngọt tập trung ở rừng tràm U Minh và các vùng phía bắc huyện Trần Văn Thời, Thới Bình, thích hợp cho nông nghiệp. Nước mặn và lợ chiếm phần lớn và phục vụ nuôi trồng thủy sản. Nước ngầm của tỉnh có trữ lượng lớn, khoảng 5,8 triệu m³/ngày, chủ yếu phục vụ sinh hoạt và sản xuất.

6. Khoáng sản

Cà Mau có tiềm năng dầu khí lớn tại khu vực Malay - Thổ Chu, với trữ lượng khoảng 172 tỷ m³ khí. Rừng tràm U Minh có trữ lượng than bùn lớn nhất cả nước, diện tích có than bùn khoảng 5000 ha. Các đảo Hòn Khoai và Hòn Đá Bạc có đá macma nhưng không đủ lớn để khai thác. Các mỏ sét gạch ngói cũng được phát hiện ở Tân Thành, Giồng Kè và ấp Chánh, cung cấp nguyên liệu cho ngành gạch ngói địa phương.

II. THỰC TRẠNG KINH TẾ - XÃ HỘI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH CÀ MAU GIAI ĐOẠN 2020 – 2023

1. Dân số

Tính đến năm 2022, dân số tỉnh Cà Mau có 1.208.752 người. Mật độ dân số trung bình của tỉnh Cà Mau là 230 người/km², thấp hơn mật độ dân số trung bình cả nước và các tỉnh trong khu vực. Tốc độ tăng dân số trung bình 1,6 %/năm; tỷ lệ nữ giới chiếm 50,9% dân số¹. Dân cư sinh sống trên địa bàn tỉnh Cà Mau có 14 thành phần dân tộc, trong đó có 3 dân tộc chính gồm Kinh, Khmer và Hoa².

2. Lao động

Số người trong độ tuổi lao động chiếm 60% dân số; trong đó, lực lượng lao động hoạt động trong nền kinh tế chiếm 50,83% dân số và chiếm 83,56% lao động trong độ tuổi. Lao động giản đơn chiếm 82% lực lượng lao động.

¹ Thành phố Cà Mau có mật độ dân số cao nhất, với 797 người/km², kể đến là huyện Cái Nước 357 người/km² và Trần Văn Thời 273 người/km²; mật độ dân cư thấp là huyện U Minh 120 người/km² và Ngọc Hiển 109 người/km². Dân số đô thị toàn tỉnh hiện nay là 20%; trong đó thành phố Cà Mau có tỷ lệ dân đô thị 65%.

² Người Kinh chiếm đa số, chiếm trên 96% dân số và sinh sống hầu hết ở các nơi trong tỉnh. Tiếp theo là người Khmer chiếm 2,73% dân số, sống tập trung tại các ngôi chùa ở cả thành thị và nông thôn, tạo thành các xóm người Khmer, sinh sống bằng nghề trồng lúa, rau màu, chăn nuôi, khai thác thủy sản, mua bán nhỏ. Người Hoa chiếm 0,76% dân số, chủ yếu sống ở khu vực thành thị, sinh sống bằng nghề mua bán.

Cơ cấu lao động theo ngành chủ yếu vẫn là nông nghiệp và thủy sản. Trình độ học vấn, ngành nghề, trình độ đào tạo, đạt mức trung bình của vùng. Số lao động được đào tạo và lao động có tay nghề, kỹ thuật khoảng 110.000 người, chiếm 18% so với lực lượng lao động; trong đó sơ cấp, học nghề 30.000 người; trung học chuyên nghiệp 15.000 người; cao đẳng, đại học, trên đại học 6.500 người, còn lại là lao động có kỹ thuật, tay nghề. Tỷ lệ lao động ở khu vực I: 74%; khu vực II: 11% và khu vực III: 15%.

3. Thực trạng phát triển kinh tế

3.1. Tăng trưởng kinh tế

Tổng sản phẩm trong tỉnh (GRDP theo giá so sánh) năm 2023 đạt 45.471 tỷ đồng, tăng 7,83% đạt kế hoạch đề ra (tăng từ 7% trở lên).

Cơ cấu kinh tế năm 2023: khu vực ngư, nông, lâm nghiệp chiếm tỷ trọng 31,8%; khu vực công nghiệp - xây dựng chiếm tỷ trọng 31,4%; khu vực dịch vụ chiếm tỷ trọng 32,9%; thuế nhập khẩu, thuế sản phẩm chiếm tỷ trọng 3,9%.

GRDP bình quân đầu người năm 2023 đạt 68,4 triệu đồng.

Tổng vốn đầu tư toàn xã hội năm 2023 đạt 24.000 tỷ đồng .

3.2. Sản xuất ngư, nông, lâm nghiệp

a) *Thủy sản*: tổng sản lượng thủy sản năm 2023 đạt 634.369 tấn bằng 99,1% kế hoạch, tăng 3% so với năm 2022; trong đó, sản lượng tôm đạt 241.151 tấn, bằng 99,2% kế hoạch, tăng 5,9% so với năm 2022.

Phát triển nuôi trồng thủy sản theo hướng hiệu quả, bền vững, đa dạng hóa đối tượng và phương thức nuôi , tổ chức liên kết sản xuất theo chuỗi... Tổng sản lượng nuôi trồng thủy sản đạt 398.881 tấn, bằng 98,5% kế hoạch, tăng 4% so với năm 2022.

Các hoạt động khai thác thủy sản tiếp tục được duy trì, sản lượng khai thác ổn định. Tổng sản lượng khai thác thủy sản đạt 235.488 tấn, vượt 0,2% kế hoạch, tăng 1,3% so với năm 2022.

b) *Trồng trọt, chăn nuôi*: tập trung phát triển sản xuất lúa theo mô hình liên kết xây dựng vùng nguyên liệu và tiêu thụ sản phẩm lúa an toàn và lúa hữu cơ; tổng sản lượng lúa đạt 568.375 tấn, vượt 13,7% kế hoạch, tăng 4,5% so với năm 2022.

c) *Lâm nghiệp*: diện tích rừng tập trung năm 2023 đạt 93.093 ha; tỷ lệ che phủ rừng và cây phân tán đạt 26%, đạt kế hoạch.

d) *Xây dựng nông thôn mới*: có 60/82 xã đạt chuẩn nông thôn mới, tăng 06 xã so với năm 2022, bằng 73,2% tổng số xã, đạt kế hoạch.

3.3. Công thương nghiệp

Tình hình hoạt động của các nhà máy chế biến thủy sản và các nhà máy trong cụm khí - điện - đạm khá ổn định nên các chỉ tiêu về sản phẩm công nghiệp chủ yếu năm 2023 đều đạt, vượt kế hoạch và tăng so với năm 2022, cụ thể, sản lượng điện

sản xuất đạt 5.873 triệu KWh, vượt 19,9% kế hoạch, tăng 43%; sản lượng chế biến tôm đạt 189.888 tấn, bằng 94,9% kế hoạch, tăng 9,3%; sản lượng phân bón đạt 1.038 triệu tấn, vượt 3,8% kế hoạch, tăng 0,1%; sản lượng khí thương phẩm đạt 1.621 triệu m³, vượt 11,8% kế hoạch, tăng 22,1%; sản lượng LPG- Condensate đạt 132.180 tấn, vượt 15,9% kế hoạch, tăng 45,4%.

Năm 2023, có 04 dự án điện năng lượng tái tạo đã đưa vào vận hành thương mại với tổng công suất 145 MW; 01 dự án điện gió Viên An (01 phần 25 MW/50MW đã vận hành thương mại). Đề án xuất khẩu điện đã được UBND tỉnh trình Bộ Công Thương thẩm định.

Tình hình cung cấp các mặt hàng thiết yếu được đảm bảo, hàng hóa phong phú, đa dạng, đảm bảo chất lượng, giá cả ổn định. Năm 2023, Chỉ số Thương mại điện tử tỉnh Cà Mau xếp hạng 40/63 tỉnh, thành (tăng 07 hạng so với năm 2022). Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng năm 2023 đạt 91.031 tỷ đồng, vượt 19,9% kế hoạch, tăng 18,1% so với năm 2022, Hoạt động xuất khẩu gặp nhiều khó khăn, đơn hàng giảm sâu nên kim ngạch xuất khẩu chỉ đạt 1.202 triệu USD, bằng 92,5% kế hoạch, giảm 8,3% so với năm 2022.

3.4. Lĩnh vực giao thông vận tải

Công tác quản lý, bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông được tập trung thực hiện. Triển khai đúng tiến độ các hoạt động bảo dưỡng thường xuyên, sửa chữa định kỳ các công trình giao thông. Chú trọng thực hiện các dự án, công trình giao thông trọng điểm trên địa bàn tỉnh. Công tác xây dựng giao thông nông thôn được quan tâm chỉ đạo, qua đó đã thực hiện hoàn thành 450 km đường bê tông, vượt 125% kế hoạch.

3.5. Tài chính, ngân hàng

Công tác xây dựng dự toán thu, quản lý, điều hành ngân sách được thực hiện đúng quy định, chống thất thu và tiết kiệm chi có hiệu quả. Thu ngân sách năm 2023 đạt 5.748 tỷ đồng, vượt 18,9% dự toán, trong đó, thu nội địa đạt 5.578,3 tỷ đồng, vượt 18,2% dự toán, tăng 11% so với năm 2022; thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu 169,5 tỷ đồng, vượt 50% dự toán, giảm 50,9% so với năm 2022. Chi ngân sách cả năm đạt 12.004,5 tỷ đồng, vượt 2,1% so với dự toán.

Tổng nguồn vốn đạt 74.150 tỷ đồng, tăng 8,74% so với năm 2022. Trong đó, nguồn vốn huy động đạt 41.649 tỷ đồng, tăng 8,40% so với năm 2022. Tổng dư nợ cho vay đạt 68.092 tỷ đồng, tăng 8,54% so với năm 2022. Tỷ lệ nợ xấu/tổng dư nợ cho vay toàn tỉnh 3,2%, giảm 0,24% so với năm 2022.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

Đến cuối năm 2023, nền kinh tế tỉnh Cà Mau tiếp tục tăng trưởng mạnh mẽ, đứng thứ 3 khu vực Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) và thứ 16 cả nước. Tổng sản phẩm trong tỉnh (GRDP) đạt 45.471 tỷ đồng, tăng 7,83% so với cùng kỳ, vượt kế hoạch đề ra (7%). GRDP bình quân đầu người đạt gần 70 triệu đồng, tăng 13% so với năm trước, và năng suất lao động tăng 6,5%. Tổng vốn đầu tư toàn xã hội đạt 24.000 tỷ đồng, tăng 8,9%.

Công tác phát triển kinh tế - xã hội tại các địa phương có nhiều thành tích nổi bật. Cụ thể, 5/9 địa phương thực hiện đạt và vượt 100% chỉ tiêu kế hoạch, trong đó huyện Đầm Dơi vượt 14/17 chỉ tiêu, huyện Cái Nước vượt 7/12 chỉ tiêu. Các địa phương còn lại cũng thực hiện đạt và vượt trên 90% chỉ tiêu kế hoạch.

Tỉnh đã tập trung đẩy mạnh giải phóng mặt bằng, xây dựng kết cấu hạ tầng, đặc biệt là hạ tầng giao thông. Các công trình trọng điểm gồm Dự án cao tốc Hậu Giang - Cà Mau, tuyến tránh Quốc lộ 1 qua TP Cà Mau, các tuyến đường Cà Mau - Đầm Dơi, Cái Nước - Vàm Đính - Cái Đoi Vàm, U Minh - Khánh Hội, cầu Gành Hào và cầu Sông Đốc. Đồng thời, tỉnh cũng cải cách hành chính và cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh.

Về văn hóa - xã hội, các chính sách an sinh cho hộ nghèo, hộ cận nghèo và đối tượng bảo trợ xã hội được thực hiện tốt, an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội được duy trì, tạo điều kiện cho kinh tế phát triển.

Tuy nhiên, vẫn còn một số khó khăn, hoạt động sản xuất, kinh doanh gặp nhiều trở ngại, đặc biệt về thị trường, nguồn vốn và tiếp cận tín dụng. Mặc dù cơ cấu kinh tế chuyển dịch đúng hướng, nhưng tiến độ còn chậm, số lượng doanh nghiệp mới thành lập giảm, thu hút đầu tư chưa đạt yêu cầu, kim ngạch xuất khẩu giảm 8,5% so với cùng kỳ, trong khi các thị trường truyền thống giảm sút.

Công tác chuyển đổi số của tỉnh chưa đi vào chiều sâu, một số dự án chậm tiến độ, nhất là phát triển hạ tầng kỹ thuật. Các mô hình khoa học công nghệ phục vụ sản xuất và đời sống triển khai còn chậm và chưa tập trung.

PHẦN THỨ HAI

ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ TẬP THỂ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH CÀ MAU

I. SƠ LƯỢC VỀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ TẬP THỂ TRÊN THẾ GIỚI VÀ VIỆT NAM

1. Sơ lược một số mô hình KTTT trên thế giới

1.1. Mô hình HTX ở Đức

Cộng hòa Liên bang Đức là một trong những quốc gia đầu tiên phát triển mô hình HTX ở phương Tây. Từ những năm 1840, Friedrich Wilhelm và Schulze-Delitzsch đã đưa ra những ý tưởng thành lập mô hình HTX và phổ biến nó. Hiện nay, hệ thống HTX ở Đức phát triển mạnh, đặc biệt trong lĩnh vực nông nghiệp và khu vực nông thôn.

Trong tổng số 5.324 HTX tại Đức, khoảng 60% là HTX nông nghiệp (khoảng 3.188 HTX). Các HTX nông nghiệp cung cấp nhiều dịch vụ như vật liệu xây dựng, vệ sinh, quản lý chợ, sấy khô và đóng gói sản phẩm. Các HTX này tạo ra khoảng 150.000 việc làm, với mỗi HTX nông nghiệp sử dụng trung bình 40 lao động.

HTX nông nghiệp tại Đức được đối xử bình đẳng với các doanh nghiệp khác trong lĩnh vực nông nghiệp, bao gồm các chính sách hỗ trợ và khuyến khích. Mặc dù nền kinh tế nông nghiệp truyền thống của Đức vẫn chủ yếu dựa vào kinh tế hộ gia đình và trang trại nhỏ, các HTX nông nghiệp không thay thế mà hỗ trợ các thành viên của mình. Các dịch vụ HTX cung cấp chủ yếu phục vụ nhu cầu của thành viên, giúp họ nâng cao lợi ích kinh tế.

HTX nông nghiệp ở Đức đặc biệt nhạy bén trong việc đáp ứng xu hướng tiêu dùng các sản phẩm nông sản sạch và an toàn. Các sản phẩm như thịt sạch, rau củ quả sạch và sữa có giá trị cao và có thể cạnh tranh trên thị trường. Các dịch vụ HTX cung cấp bao gồm thủy lợi, điện, vật tư nông nghiệp, tư vấn kỹ thuật, tài chính, và máy móc nông nghiệp. HTX cũng chiếm thị phần lớn trong sản phẩm nông sản chế biến từ thịt, trái cây (đặc biệt là rượu nho) và sữa.

Mô hình HTX nông nghiệp ở Đức đóng góp quan trọng vào phát triển kinh tế khu vực nông thôn và nền kinh tế quốc dân.

1.2. Mô hình HTX ở Nhật Bản

Mô hình HTX tại Nhật Bản được thành lập tự nguyện với mục tiêu hỗ trợ lẫn nhau, giúp liên kết người dân vào một tổ chức có tổ chức, thường xuyên và liên tục. Để trở thành thành viên, người dân chỉ cần đóng góp vốn và bầu ra Ban lãnh đạo HTX thông qua đại hội thành viên, các HTX cũng có thể huy động sự giúp đỡ từ các thành viên cho các hoạt động chung.

HTX nông nghiệp tại Nhật Bản đóng vai trò quan trọng trong việc hợp tác từ sản xuất đến tiêu thụ sản phẩm, đặc biệt là khâu phân phối. HTX cung cấp vật tư đầu vào như phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, thức ăn chăn nuôi, máy móc, và hỗ trợ tiêu

thụ sản phẩm qua các hình thức thu gom, bảo quản và tiêu thụ, cả trong nước và xuất khẩu.

Ngoài vai trò kinh tế, HTX còn đóng góp vào các tổ chức xã hội như Hội Phụ nữ và Đoàn Thanh niên. Hội Phụ nữ có mặt trong 1.856 HTX và Đoàn Thanh niên trong 1.348 HTX, giúp thúc đẩy thanh niên và phụ nữ tham gia vào các hoạt động cộng đồng, giáo dục và trao đổi văn hóa, thể thao.

HTX nông nghiệp tại Nhật Bản hoạt động rất đa dạng, không bị hạn chế về quy mô. Các HTX cung cấp nhiều dịch vụ như vật tư nông nghiệp, vay vốn, bảo hiểm, và hỗ trợ kinh doanh cho thành viên. Đến năm 1996, Nhật Bản có 2.284 HTX đa năng hoạt động rộng khắp. Trong khi đó, các HTX đơn chức năng, hoạt động kém hiệu quả, đã được sáp nhập hoặc giải thể.

HTX nông nghiệp còn giúp thành viên giảm chi phí sản xuất thông qua việc chia sẻ thiết bị, nguyên vật liệu, và thực hiện tiếp thị chung. Các HTX giúp điều chỉnh giá sản phẩm, nâng cao sức cạnh tranh và thích ứng với biến động thị trường nông sản.

Bài học từ mô hình HTX Nhật Bản là không chỉ cung cấp dịch vụ đơn chức năng, mà cần triển khai nhiều dịch vụ đa dạng. HTX phải gắn kết lợi ích của thành viên với lợi ích chung của tổ chức, mở rộng dịch vụ và chú trọng đào tạo, nâng cao trình độ cho cán bộ và thành viên.

1.3. Mô hình HTX ở Thái Lan

HTX đầu tiên ở Thái Lan, Wat Chan Cooperative Unlimited Liability, được thành lập vào ngày 26/02/1916 tại tỉnh Phitsanulok nhằm cung cấp tín dụng cho các hộ nông dân nhỏ bị ảnh hưởng bởi nợ nần. Đến nay, Thái Lan có khoảng 6.626 HTX, trong đó có 3.527 HTX nông nghiệp và 3.099 HTX phi nông nghiệp. Các HTX hoạt động theo nguyên tắc hỗ trợ, giúp đỡ lẫn nhau và phục vụ lợi ích kinh tế - xã hội của thành viên. Mỗi thành viên phải đóng góp ít nhất một cổ phần, không vượt quá 20% tổng số cổ phần.

Liên đoàn HTX Thái Lan (CLT) là tổ chức cấp cao đại diện cho các HTX, hỗ trợ giáo dục và bảo vệ quyền lợi hợp pháp của HTX và thành viên. HTX cung cấp các dịch vụ vay vốn, khuyến khích tiết kiệm, cung cấp sản phẩm nông sản với giá hợp lý và hỗ trợ kỹ thuật cho thành viên. Chính phủ Thái Lan hỗ trợ HTX thông qua các chương trình đào tạo và các chính sách về tín dụng, giá cả, giúp ổn định giá nông sản và thúc đẩy xuất khẩu.

HTX tại Thái Lan có mô hình quản lý hiệu quả, Ban Giám đốc do các thành viên bầu, không nhận lương nhưng được hỗ trợ phụ cấp đi lại. Các thành viên được đào tạo bài bản về quản lý và các lĩnh vực chuyên môn. Các lớp đào tạo diễn ra thường xuyên và được hỗ trợ bởi Cục HTX, Bộ Nông nghiệp và HTX Thái Lan. Chính phủ Thái Lan đã ban hành nhiều chính sách hỗ trợ HTX, đặc biệt là các chính sách giá và tín dụng, giúp HTX ổn định hoạt động và khuyến khích xuất khẩu nông sản. Liên đoàn HTX Thái Lan tổ chức hội nghị hàng năm, tạo cơ hội cho các HTX và cơ quan Chính phủ trao đổi và thúc đẩy sự phát triển của HTX.

Bài học lớn từ mô hình HTX Thái Lan là sự quan tâm và hỗ trợ của Chính phủ là yếu tố quan trọng thúc đẩy sự phát triển của HTX.

1.4. Sự đóng góp của khu vực KTTT trên thế giới và bài học cho Việt Nam

Mặc dù ở mỗi quốc gia tùy vào điều kiện, hoàn cảnh, thời điểm khác nhau dẫn đến sự ra đời cũng như phát triển của các HTX. Tuy nhiên, sự ra đời của các mô hình KTTT, các HTX đều xuất phát từ chính nhu cầu của người dân. Đó là sự tự nguyện đóng góp vốn, công sức, tài sản; những sự đóng góp này không quá lớn chỉ để cùng nhau triển khai thực hiện các dịch vụ chung nhằm mang lại lợi ích về thu nhập, việc làm cho các thành viên. HTX là nơi tập hợp những người “yếu thế”, những người dễ bị tác động từ sự cạnh tranh gay gắt của thị trường. Mô hình kinh tế hợp tác này không thay thế cho kinh tế hộ gia đình mà thông qua HTX, người nông dân được sử dụng các dịch vụ mang tính hỗ trợ hoạt động sản xuất cũng như đời sống cho họ. Việc sử dụng các dịch vụ thông qua HTX sẽ giúp cho họ giảm chi phí hơn so với việc tự bản thân họ tự làm hoặc sử dụng bên ngoài, đây là điều kiện thuận lợi để cho kinh tế hộ phát triển.

Một vấn đề được đặt ra đó chính là các HTX trên thế giới dù rất đa dạng các dịch vụ, mô hình kinh doanh nhưng vẫn luôn đề cao tính phục vụ và hiệu quả sản xuất cho mọi thành viên. Vì vậy, hầu hết các HTX khi thành lập và hoạt động thì một trong những mục tiêu được họ ưu tiên hàng đầu đó chính là đảm bảo hiệu quả sản xuất kinh doanh của HTX để đảm bảo thu nhập, nâng cao đời sống cho các thành viên. HTX nông nghiệp tại Việt Nam là những chủ thể sản xuất kinh doanh ở nông thôn, luôn hướng đến việc đảm bảo lợi ích cho các thành viên về kinh tế cũng như xã hội. Vì vậy, để thu hút được thành viên tham gia vào các mô hình KTTT thì cần phải tạo ra lợi ích thiết thực, đáp ứng được các nhu cầu của họ.

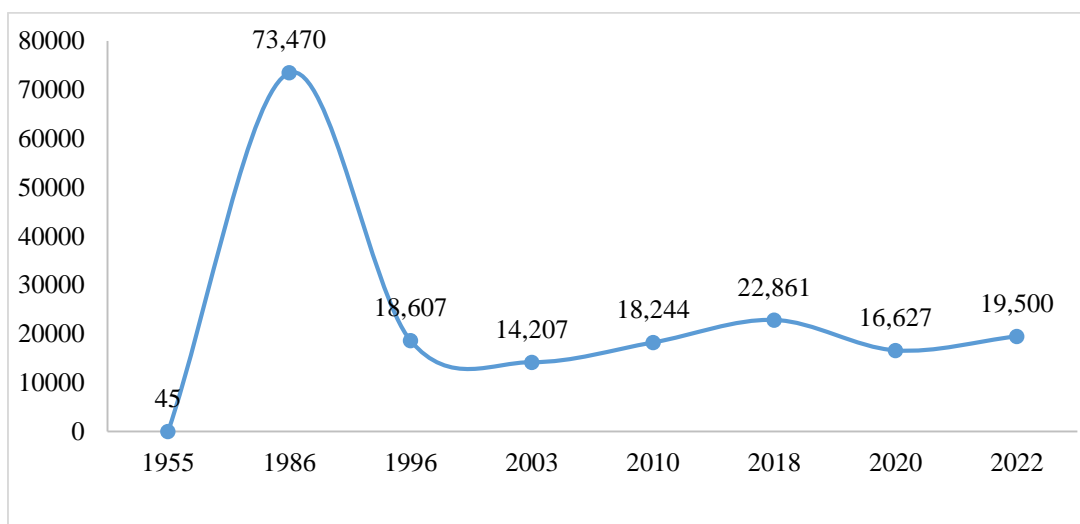
HTX là một loại hình KTTT khá phổ biến, hoạt động trên nhiều lĩnh vực đời sống xã hội và hiện diện ở các nền kinh tế có trình độ phát triển khác nhau. Theo Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO), HTX là tổ chức tự chủ của các cá nhân liên kết với nhau một cách tự nguyện nhằm đáp ứng các nhu cầu và nguyện vọng chung về kinh tế, xã hội và văn hóa thông qua một doanh nghiệp được sở hữu chung và được kiểm soát một cách dân chủ.

Qua các hệ thống HTX ở các quốc gia trên, có thể thấy rằng, hoạt động của HTX không chỉ mang lại hiệu quả kinh tế mà còn đảm bảo cung cấp sản phẩm và dịch vụ tốt nhất cho người nông dân.

2. Lịch sử hình thành và phát triển HTX tại Việt Nam

2.1. Các giai đoạn hình thành và phát triển HTX tại Việt Nam

Quá trình hình thành và phát triển của HTX ở Việt Nam có thể được chia thành các giai đoạn như sau: Giai đoạn trước năm 1986; Giai đoạn từ năm 1987 đến năm 1996; Giai đoạn từ năm 1997 đến năm 2003 và Giai đoạn từ năm 2004 đến nay. Qua mỗi thời kỳ giai đoạn HTX có những sự thay đổi về cả số lượng và cả chất lượng. Hình 1 thể hiện sự thay đổi số lượng HTX qua từng năm.



Hình 1. Số lượng HTX giai đoạn 1955 – 2022

(Nguồn: Liên Minh HTX Việt Nam (2010), Bộ Kế hoạch và đầu tư (2008-2018), Cục kinh tế hợp tác và phát triển nông thôn năm 2020, 2022)

- Giai đoạn trước năm 1986

Giai đoạn từ 1945 đến 1955 là thời kỳ hình thành và phát triển phong trào kinh tế hợp tác tại các vùng căn cứ cách mạng. Mô hình HTX thủy tinh Dân chủ, thành lập tại Chiến khu Việt Bắc vào năm 1948, là điểm khởi đầu. Đến năm 1960, số HTX cả nước đã lên tới hơn 50.000, tăng nhanh cả về số lượng và ngành nghề, thu hút nhiều hộ nông dân và hộ kinh tế cá thể tham gia.

Tuy nhiên, phong trào HTX trong giai đoạn này vẫn gặp nhiều khó khăn. Các HTX hoạt động chủ yếu theo mệnh lệnh từ chính quyền, thiếu tính tự chủ và minh bạch. Cơ chế kinh tế bao cấp, quan liêu khiến việc phân phối thu nhập và quản lý sản xuất phụ thuộc vào Nhà nước. Các điều lệ mẫu của Chính phủ ảnh hưởng đến nguyên tắc tự nguyện và lợi ích của thành

- Giai đoạn từ năm 1987 đến năm 1996

Giai đoạn này chứng kiến sự suy giảm mạnh của các HTX, dù KTTT vẫn là hình thức chủ đạo. Số lượng HTX giảm từ 73.490 vào năm 1987 xuống còn 18.607 vào năm 1996, với 54.883 HTX ngừng hoạt động chỉ trong chín năm. Sự yếu kém của các HTX thể hiện qua việc tổ chức chưa đúng theo nhu cầu thị trường, thiếu khả năng phát huy tiềm năng của thành viên và không thích nghi được với cơ chế mới. Điều này cho thấy HTX chỉ có thể tồn tại và phát triển bền vững khi được thành lập dựa trên sự tự nguyện và nhu cầu chung, không phải do sự áp đặt từ chính quyền.

- Giai đoạn từ năm 1997 đến năm 2003

Giai đoạn này, KTTT với nòng cốt là HTX tiếp tục là trụ cột quan trọng trong nền kinh tế nhiều thành phần của Việt Nam. Đây là thời kỳ chuyển đổi mạnh mẽ từ mô hình HTX kiểu cũ, mang tính hành chính, quan liêu, bao cấp sang mô hình HTX kiểu mới, tự chủ và phù hợp với cơ chế thị trường. Nghị quyết số 13-NQ/TW (2002) đã nêu rõ hướng đi này.

Tuy nhiên, số lượng HTX giảm mạnh từ 73.490 vào năm 1987 xuống còn 14.207 vào năm 2003. Trong đó, khoảng 5.800 HTX được thành lập mới, phần còn lại là các HTX chuyển đổi từ mô hình cũ sang mô hình mới. Sự sụt giảm này phản ánh quá trình chọn lọc của thị trường, giúp loại bỏ các HTX yếu kém và không hiệu quả.

Các HTX trong giai đoạn này nếu không tuân thủ nguyên tắc dân chủ, tự nguyện, minh bạch sẽ gặp khó khăn và bị đào thải. Do đó, các HTX cần phải đáp ứng các nguyên tắc này để tồn tại và phát triển. Mô hình HTX kiểu mới đã chứng minh rằng HTX có thể phát triển bền vững trong nền kinh tế thị trường, đặc biệt ở các vùng nông thôn và khu vực khó khăn. Vì vậy, HTX cần được ưu tiên phát triển tại các khu vực này để tạo ra tác động tích cực đối với kinh tế địa phương và đất nước.

- Giai đoạn từ năm 2004 đến nay

Giai đoạn này đánh dấu sự phục hồi rõ rệt của kinh tế HTX về cả số lượng lẫn chất lượng. Số lượng HTX từ 14.207 vào năm 2003 đã tăng lên 18.244 vào năm 2010 và đạt 22.861 vào năm 2018. Các HTX hoạt động đa dạng trong nhiều lĩnh vực, trong đó nông nghiệp chiếm tỷ lệ lớn nhất với 8.918 HTX, tiếp theo là công nghiệp (2.497 HTX), thủy sản (389 HTX), xây dựng (939 HTX), vận tải (1.070 HTX), thương mại dịch vụ (981 HTX), cùng các loại hình khác như điện, vệ sinh môi trường, y tế, chợ, và HTX chuyên ngành khác (2.020 HTX).

Mô hình liên hiệp HTX phát triển mạnh mẽ trong giai đoạn này, với 53 mô hình liên hiệp HTX được thành lập vào năm 2010, thu hút sự tham gia của khoảng 1.492 HTX. Các liên hiệp HTX này hoạt động trong nhiều ngành nghề, từ nông nghiệp, công nghiệp, xây dựng, thủy sản, đến giao thông vận tải và thương mại dịch vụ. Sự phát triển này phản ánh nhu cầu hợp tác cao giữa các HTX trong nền kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế.

Tuy nhiên, đại dịch Covid-19 đã gây ảnh hưởng nặng nề đến đời sống của người dân, đặc biệt là thành viên trong khu vực KTTT. Thu nhập của người lao động và các hộ dân bị giảm sút, sản lượng tiêu thụ nông sản giảm mạnh, nhiều sản phẩm không tiêu thụ được và gặp khó khăn trong việc vận chuyển hàng hoá. Điều này đã làm gia tăng những khó khăn trong hoạt động của các HTX, đặc biệt là các HTX nông nghiệp.

2.2. Vai trò của HTX nông nghiệp trong hệ thống kinh tế nông nghiệp ở Việt Nam

Với tư cách là một thể chế kinh tế đặc biệt không mâu thuẫn với cơ chế kinh tế thị trường, không những có thể phát huy lợi thế và tiềm năng của mình trong nền kinh tế thị trường, mà còn bổ khuyết cho cơ chế thị trường. HTX không chỉ có ý nghĩa kinh tế, trước hết mang lợi ích kinh tế cho thành viên, mà còn có ý nghĩa xã hội - văn hóa sâu sắc thông qua hiện thực hóa các giá trị và nguyên tắc HTX có ý nghĩa cao đẹp; phát huy vai trò trong hoạt động kinh tế, xã hội và văn hóa.

HTX là thể chế phù hợp kết hợp hài hòa giữa sự tự lực của dân và sự trợ giúp của Nhà nước, kết hợp giữa Nhà nước và thị trường; vai trò của khu vực tư nhân, sáng kiến cá nhân, vừa tăng cường sức mạnh tập thể, cộng đồng, tăng sức cạnh tranh của từng thành viên và của cả cộng đồng, duy trì đồng thời cạnh tranh và hợp tác. Như vậy, HTX là một thể chế góp phần làm giàu bản sắc văn hóa dân tộc, đưa “hợp tác” trở thành nét văn hóa trong xã hội, hội nhập với văn hóa thế giới, góp phần không thể thiếu trong phát triển kinh tế - xã hội và định hướng xã hội chủ nghĩa nền kinh tế thị trường ở nước ta.

2.3. Quan điểm, chủ trương, đường lối và căn cứ pháp lý phát triển KTTT ở Việt Nam

a) Quan điểm, chủ trương, đường lối về phát triển KTTT

Đảng ta luôn nhận thức sâu sắc về tư tưởng Hồ Chí Minh về HTX và đã xây dựng những chủ trương phát triển KTTT trong thời kỳ đổi mới, qua các nghị quyết và Đại hội Đảng. Những chủ trương này đều dựa trên nguyên lý của KTTT, với mục tiêu phát triển bền vững, gắn liền với lợi ích của xã viên và cộng đồng.

- Nghị quyết 10/NQ-TW (1988) khẳng định hợp tác xã nông nghiệp là đơn vị chủ quản, trong khi hộ gia đình xã viên là đơn vị tự chủ. Điều này giúp HTX hoạt động theo nguyên tắc tự quản lý, tự chịu trách nhiệm về hiệu quả sản xuất và kinh doanh.

- Cương lĩnh năm 1991 công nhận KTTT là một bộ phận của nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, hướng tới định hướng Xã hội Chủ nghĩa.

- Đại hội VIII (1996) của Đảng xác định HTX là hình thức liên kết tự nguyện của người lao động, nhằm kết hợp sức mạnh cá nhân với sức mạnh tập thể để giải quyết hiệu quả các vấn đề sản xuất và đời sống.

- Đại hội IX (2001) nhấn mạnh sự phát triển đa dạng của HTX, dựa trên sở hữu của các thành viên và sở hữu tập thể, không giới hạn về quy mô, lĩnh vực và địa bàn.

- Đại hội XI (2011) khẳng định kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo, trong khi KTTT là nền tảng vững chắc của nền kinh tế quốc dân.

- Đại hội XIII (2021) tiếp tục nhấn mạnh sự phát triển và củng cố của KTTT.

Nhà nước giữ vai trò quan trọng trong việc ban hành các chính sách, pháp luật, tạo điều kiện thuận lợi và điều chỉnh hoạt động của HTX thông qua hệ thống pháp luật. Tuy nhiên, Nhà nước không can thiệp vào hoạt động của HTX, mà để các thành viên tự lập và tự chịu trách nhiệm về hoạt động của mình. Phát triển HTX cần phù hợp với từng lĩnh vực, xã hội và vùng lãnh thổ, đảm bảo tính tương thích giữa quan hệ sản xuất và trình độ phát triển của lực lượng sản xuất. Điều này giúp đảm bảo tính bền vững và hiệu quả của HTX trong thời kỳ đổi mới.

b) Căn cứ pháp lý phát triển KTTT ở Việt Nam

Phát triển KTTT, đặc biệt là HTX (HTX), đã được Đảng và Nhà nước Việt Nam xây dựng qua nhiều giai đoạn lịch sử. Từ tư tưởng Hồ Chí Minh và các chủ

trương của Đảng, các chính sách pháp lý đã tạo nền tảng vững chắc cho sự phát triển của HTX ở Việt Nam. Trong đó, có các văn bản pháp lý và chính sách quan trọng như sau:

- **Luật HTX 1996**: Được ban hành để tạo khung pháp lý cho HTX, với nguyên tắc tự chủ, tự chịu trách nhiệm và dân chủ trong quản lý, làm nền tảng cho sự phục hồi và phát triển của HTX.

- **Nghị quyết 13-NQ/TW (2002)**: Xác định mục tiêu phát triển mạnh mẽ HTX, mở rộng và nâng cao hiệu quả hoạt động trong các ngành nghề, hướng đến nâng cao tốc độ tăng trưởng và khả năng cạnh tranh của HTX trong nền kinh tế thị trường.

- **Luật HTX 2003**: Thay thế Luật 1996, bổ sung các quy định về sự tham gia của các pháp nhân (doanh nghiệp, tổ chức), nâng cao vai trò của Nhà nước trong giám sát và hỗ trợ HTX.

- **Nghị định 88/2005/NĐ-CP (2005)**: Quy định các chính sách hỗ trợ HTX về đào tạo cán bộ, đất đai, thuế, tín dụng, công nghệ, và phát triển dịch vụ thương mại.

- **Đào tạo nhân lực**: Quyết định 2261/QĐ-TTg (2014) tạo nguồn nhân lực quản lý cho HTX.

- **Xúc tiến thương mại và thị trường**: Thông tư 171/2014/TT-BTC giúp các HTX mở rộng thị trường và tiêu thụ sản phẩm.

- **Ứng dụng khoa học công nghệ**: Khuyến khích HTX ứng dụng công nghệ để nâng cao hiệu quả sản xuất.

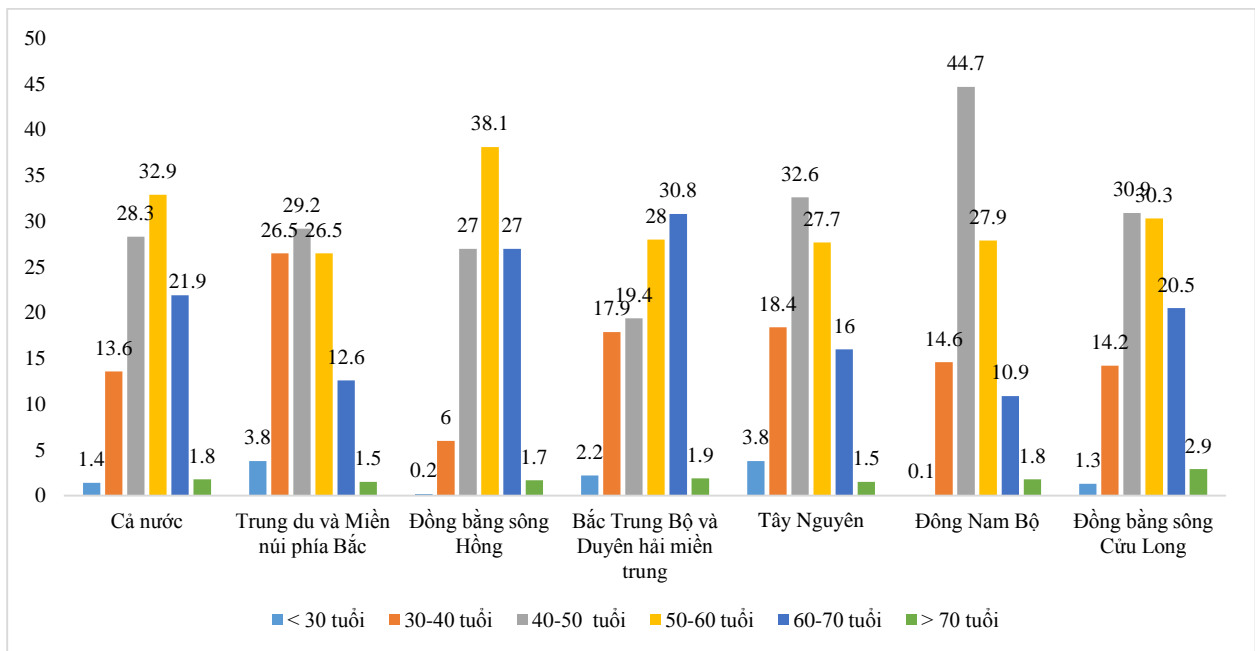
- **Tín dụng và vốn**: Chính sách hỗ trợ HTX tiếp cận vốn để phát triển.

- **Đất đai và cơ sở hạ tầng**: Quyết định số 2261/QĐ-TTg và Nghị định số 46/2014/NĐ-CP các chính sách ưu đãi đất đai và cơ sở hạ tầng hỗ trợ HTX phát triển.

Các chính sách và pháp lý đã tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển của KTTT, đặc biệt là HTX, góp phần nâng cao vai trò và hiệu quả của HTX trong nền kinh tế quốc dân.

❖ **Tuy nhiên vẫn còn những hạn chế, bất cập khiến cho khu vực KTTT và HTX vẫn còn hoạt động chưa hiệu quả:**

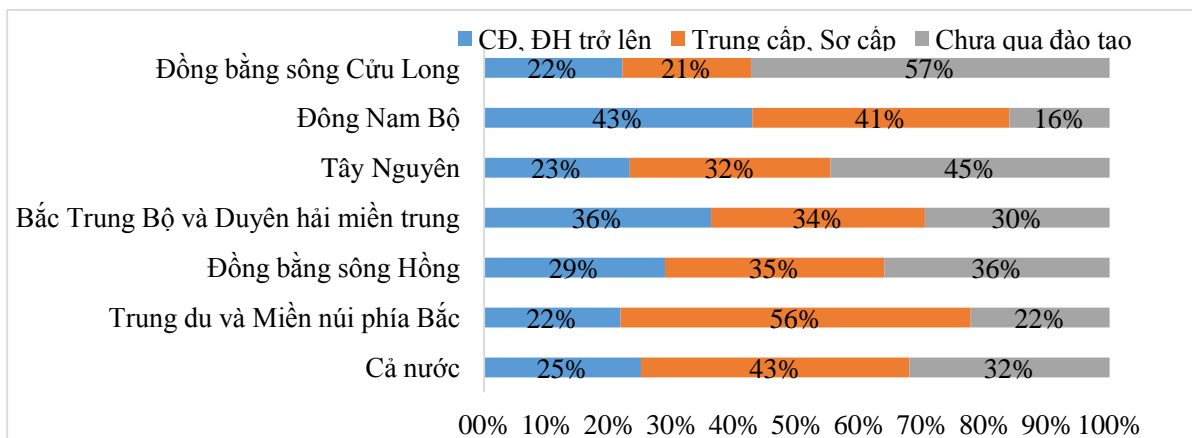
Trình độ cán bộ, thành viên HTX còn thấp, chưa đáp ứng được những yêu cầu phát triển. Phần lớn lao động trong các HTX có trình độ văn hóa từ cấp II trở xuống, tỷ lệ lao động tốt nghiệp cấp III rất thấp (dưới 20%). Trình độ chuyên môn kỹ thuật của đội ngũ cán bộ chủ chốt trong HTX rất hạn chế, khoảng 10% số chủ nhiệm HTX có trình độ cao đẳng hoặc đại học, chỉ tiêu này tương ứng với các chức danh kế toán trưởng và trưởng Ban kiểm soát là: 12% và 8%.



Hình 2. Tỷ lệ (%) giám đốc HTX NN phân theo nhóm tuổi

(Nguồn: Cục kinh tế hợp tác và phát triển nông thôn, 2022)

Hiện nay, tỷ lệ HTX NN có giám đốc dưới 30 tuổi chiếm tỷ lệ thấp khoảng 1,43%, trong khi đó tỷ lệ HTX NN có giám đốc 50 tuổi trở lên chiếm khoảng 55%. Trong đó, tỷ lệ HTX NN có giám đốc trên 50 tuổi ở khu vực ĐBSH cao nhất cả nước (chiếm khoảng 67% của vùng). Tỷ lệ HTX NN có giám đốc trẻ ở khu vực Trung du miền núi phía bắc và Tây Nguyên là cao nhất.



Hình 3. Trình độ quản lý giám đốc HTX năm 2022

(Nguồn: Cục kinh tế hợp tác và phát triển nông thôn, 2022)

Một trong những lý do quan trọng khiến trình độ chuyên môn kỹ thuật của lao động trong HTX thấp là do ít có cơ hội được tham gia các chương trình đào tạo, bồi dưỡng. Các chương trình này thường hạn chế về số lượng và bất cập về nội dung, phương thức đào tạo. Từ thực tiễn này đặt ra yêu cầu bức thiết phải tiếp tục đẩy mạnh công tác đào tạo, bồi dưỡng và cải tiến nội dung, phương thức theo hướng thiết thực và phù hợp hơn đối với đội ngũ lao động trong các HTX.

Theo báo cáo của Liên minh HTX Việt Nam, đến cuối năm 2022, cả nước có 29.021 HTX, trong đó có 19.384 HTX nông nghiệp; 8.456 HTX phi nông nghiệp; 1.181 quỹ tín dụng nhân dân. Các HTX thu hút 6,94 triệu thành viên là hộ gia đình, chủ yếu ở địa bàn nông thôn và 2,6 triệu lao động. Về cơ bản, các HTX dần hoạt động theo Luật HTX; hoạt động hướng về thành viên, mang lại lợi ích cho thành viên, thành viên gắn bó với HTX hơn.

Các HTX phát triển đa dạng hóa các lĩnh vực hoạt động, đã phát triển được một số HTX trên một số ngành, nghề, lĩnh vực mới như y tế, giáo dục, môi trường, khoa học, công nghệ. HTX là một chủ thể quan trọng trong cung cấp dịch vụ và kết nối sản xuất cho hàng chục triệu hộ gia đình để tạo ra sản phẩm có năng suất, chất lượng cao, gắn kết với doanh nghiệp trong tiêu thụ, chế biến.

Bên cạnh các kết quả đạt được, khu vực KTTT, HTX vẫn còn hạn chế, bất cập. Tốc độ tăng trưởng còn thấp so với các khu vực kinh tế khác, tỷ lệ đóng góp vào GDP chưa đáp ứng yêu cầu. Phần lớn tổ chức KTTT, HTX có quy mô nhỏ, phát triển không đồng đều giữa các vùng, miền, giữa khu vực nông nghiệp và phi nông nghiệp. Số lượng HTX tuy tăng, nhưng số lượng thành viên có xu hướng giảm. Sự liên kết, hợp tác giữa các tổ chức KTTT, HTX với nhau và với các loại hình kinh tế khác còn yếu. Công tác quản lý nhà nước về KTTT, HTX còn một số bất cập; sự phối hợp hoạt động giữa các cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội, hội quần chúng trong phát triển KTTT, HTX còn thiếu chặt chẽ, chưa hiệu quả, đặc biệt là ở các cấp địa phương.

II. THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ TẬP THỂ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH CÀ MAU

1. Thực trạng phát triển kinh tế tập thể tỉnh Cà Mau

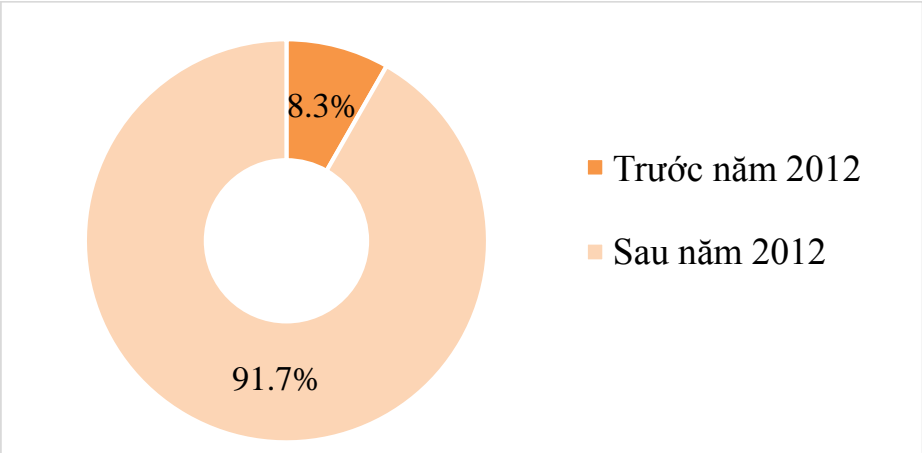
1.1. Đánh giá hiện trạng phát triển các hợp tác xã trên địa bàn tỉnh

Bảng 1. Số HTX tham gia khảo sát trên địa bàn tỉnh Cà Mau
(Theo kết quả khảo sát thực tế tại các HTX điển hình trên địa bàn tỉnh)

STT	Tên huyện/Thành phố	Số lượng HTX	Phần trăm (%)	Phần trăm giá trị (%)	Phần trăm giá trị cộng dồn (%)
1	TP. Cà Mau	14	7,8	7,8	7,8
2	Ngọc Hiển	24	13,3	13,3	21,1
3	Đầm Dơi	23	12,8	12,8	33,9
4	Năm Căn	16	8,9	8,9	42,8
5	U Minh	16	8,9	8,9	51,7
6	Trần Văn Thời	31	17,2	17,2	68,9
7	Thới Bình	17	9,4	9,4	78,3
8	Phú Tân	24	13,3	13,3	91,7
9	Cái Nước	15	8,3	8,3	100,0
Tổng		180	100,0	100,0	

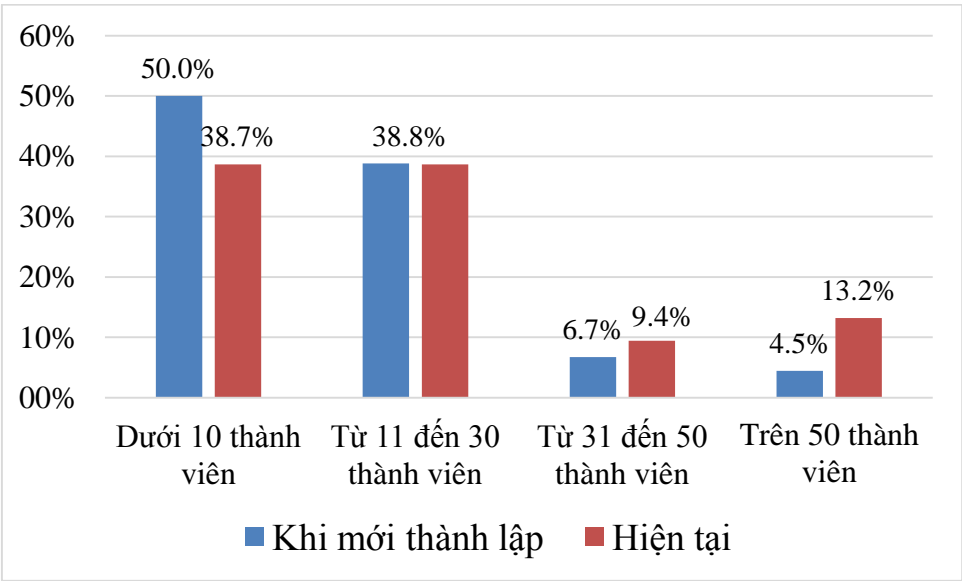
- Về năm thành lập:

Hầu hết HTX tham gia khảo sát được thành lập sau khi có Luật HTX 2012 (91,7%) và chỉ có 8,3% các HTX được thành lập trước năm 2012. Qua dữ liệu khảo sát cho thấy mô hình HTX thành lập lâu đời nhất là năm 2003 (HTX Đông Đại Lợi, huyện Ngọc Hiến).



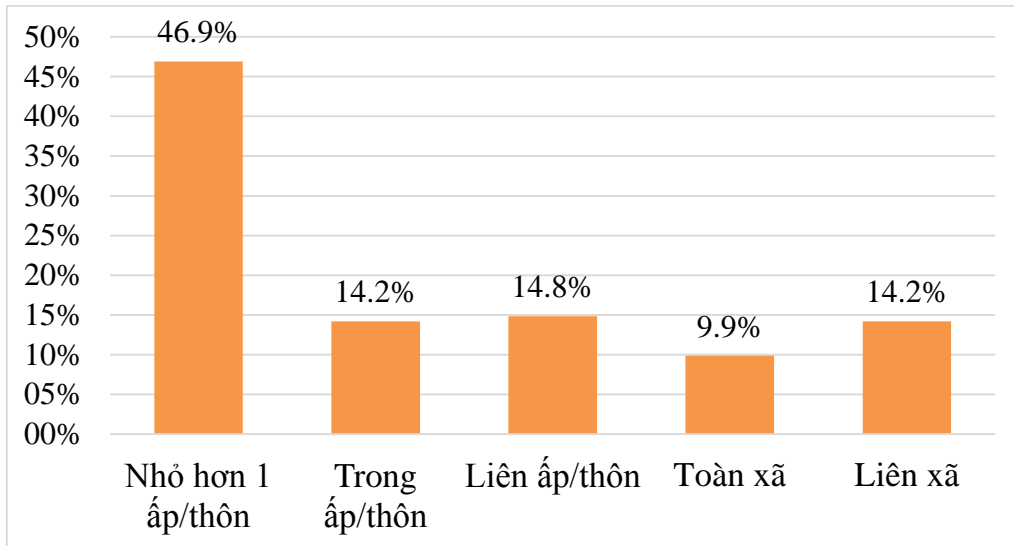
Hình 4. Thời gian thành lập HTX

Đa số HTX từ khi mới thành lập đến hiện tại có số thành viên là dưới 10 thành viên (khi mới thành lập có 50% và hiện tại có 38,7% HTX); số HTX có từ 11 đến 30 thành viên khi mới thành lập và hiện tại chiếm tỉ lệ bằng nhau (khoảng 38,8%); số HTX có trên 50 thành viên ít, khi mới thành lập chiếm 4,5% và hiện tại chiếm tỉ lệ 13,2% HTX. Tính tới thời điểm hiện tại tháng 1/2024, HTX có số lượng thành viên nhiều nhất là 304 thành viên (HTX Tân An Phát, xã Khánh Lâm, huyện U Minh).



Hình 5. Số lượng thành viên của HTX

- Về địa bàn hoạt động của các HTX:



Hình 6. Địa bàn hoạt động của HTX

Phần lớn các HTX trên địa bàn tỉnh hoạt động ở xã và ấp. Cụ thể: có 46,9% có địa bàn hoạt động nhỏ hơn một ấp/thôn và 14,2% có quy mô hoạt động trong ấp/thôn, 9,9% có quy mô toàn xã. Số HTX có địa bàn hoạt động liên xã là 14,2% hoạt động ở phạm vi từ hai xã trở lên trong cùng một huyện. Không có HTX nào có phạm vi hoạt động từ hai huyện trở lên cũng như hoạt động địa bàn tỉnh và ngoài tỉnh mà chủ yếu là địa bàn ấp, xã.

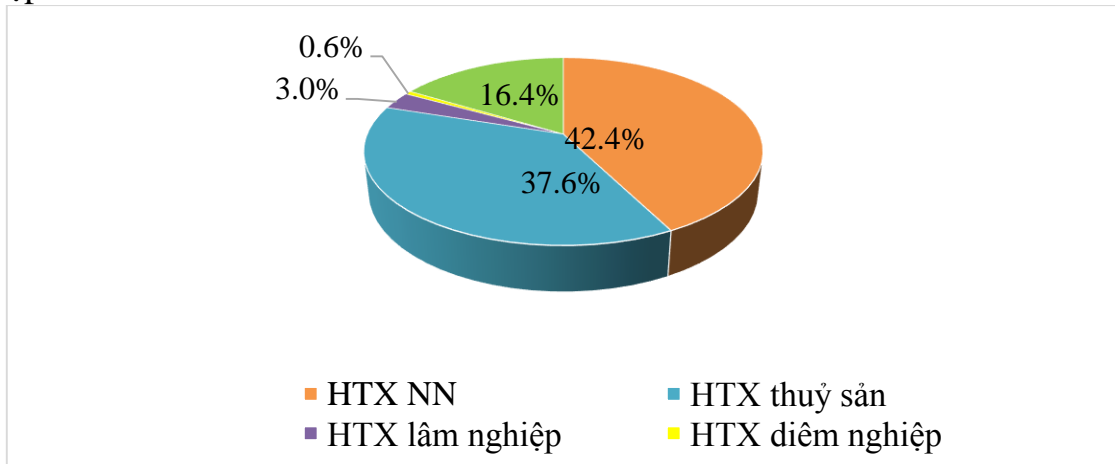
Bảng 2. Địa bàn hoạt động của các HTX theo từng huyện

Huyện		Địa bàn hoạt động của HTX					Chung
		Nhỏ hơn 1 ấp/thôn	Trong ấp/thôn	Liên ấp/thôn	Toàn xã	Liên xã	
TP. Cà Mau	Tần số (N)	2	5	0	3	4	14
	Phần trăm (%)	14,3%	35,7%	0,0%	21,4%	28,6%	100,0%
Ngọc Hiển	Tần số (N)	9	4	5	0	3	21
	Phần trăm (%)	42,9%	19,0%	23,8%	0,0%	14,3%	100,0%
Đầm Dơi	Tần số (N)	16	1	1	2	1	21
	Phần trăm (%)	76,2%	4,8%	4,8%	9,5%	4,8%	100,0%
Năm Căn	Tần số (N)	12	0	1	0	1	14
	Phần trăm (%)	85,7%	0,0%	7,1%	0,0%	7,1%	100,0%
U Minh	Tần số (N)	4	1	4	0	5	14
	Phần trăm (%)	28,6%	7,1%	28,6%	0,0%	35,7%	100,0%
Trần Văn Thờ	Tần số (N)	9	6	4	3	6	28
	Phần trăm (%)	32,1%	21,4%	14,3%	10,7%	21,4%	100,0%
Thới Bình	Tần số (N)	6	3	4	3	0	16
	Phần trăm (%)	37,5%	18,8%	25,0%	18,8%	0,0%	100,0%
Phú Tân	Tần số (N)	12	2	4	3	2	23
	Phần trăm (%)	52,2%	8,7%	17,4%	13,0%	8,7%	100,0%
Cái Nước	Tần số (N)	6	1	1	2	1	11
	Phần trăm (%)	54,5%	9,1%	9,1%	18,2%	9,1%	100,0%
Tổng		76	23	24	16	23	162

Phần trăm (%)	46,9%	14,2%	14,8%	9,9%	14,2%	100,0%
---------------	-------	-------	-------	------	-------	--------

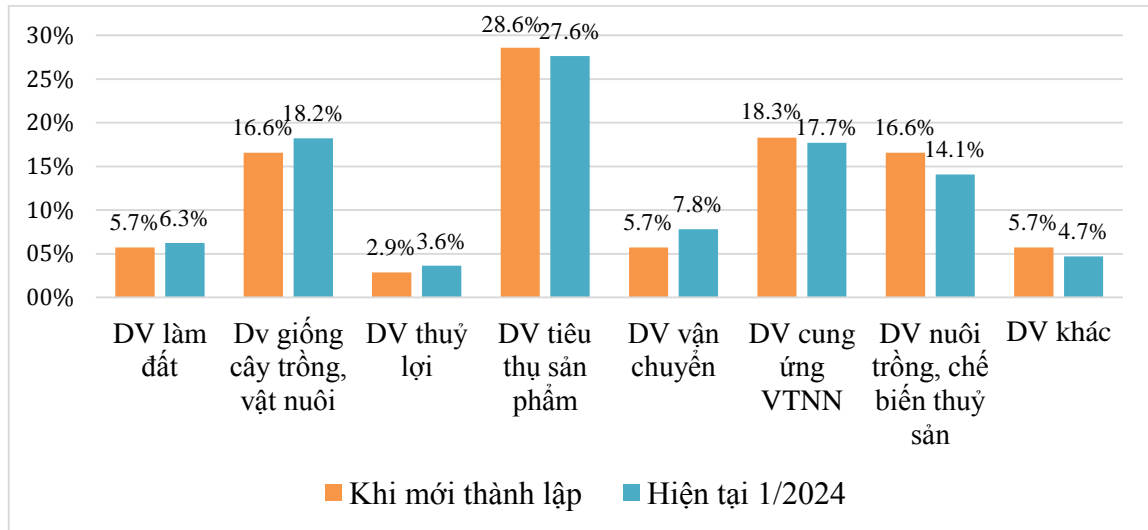
- Về loại hình của HTX:

Hầu hết các HTX tham gia khảo sát đều là HTX nông nghiệp chiếm 83,6% (trong đó HTX thủy sản chiếm 37,6%), còn lại các HTX khác chiếm 16,5%. Điều này cho thấy, hoạt động sản xuất nông nghiệp vẫn là chủ đạo ở tỉnh Cà Mau nên hầu hết các HTX vẫn chú trọng triển khai thực hiện các hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp.



Hình 7. Loại hình HTX

Bên cạnh đó, các HTX trên địa bàn tỉnh Cà Mau thực hiện đa dạng các dịch vụ như cung ứng vật tư nông nghiệp, giống cây trồng, vật nuôi, nuôi trồng thủy sản... Trong đó số HTX làm dịch vụ tiêu thụ sản phẩm chiếm nhiều nhất (50 HTX) và cung ứng vật tư nông nghiệp (32 HTX), cho thấy hoạt động cung ứng và tiêu thụ nông sản rất được quan tâm đối với đa số HTX trên địa bàn tỉnh.



Hình 8. Các dịch vụ HTX thực hiện lúc thành lập

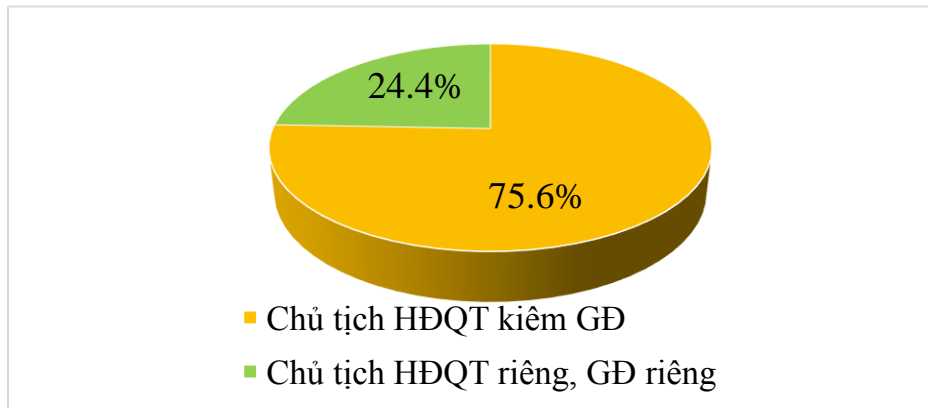
Tuy nhiên, trong mỗi HTX thường tổ chức một hoặc hai dịch vụ là chủ yếu. Khi mới thành lập có 63,5% HTX tổ chức thực hiện 01 dịch vụ, 15,4% HTX thực hiện 02 dịch vụ và có khoảng 6,7% HTX làm 5- 6 dịch vụ. Tính tới thời điểm tháng 1/2024 có 60,7% HTX làm một dịch vụ, 17,9% HtX làm hai dịch vụ và chỉ có khoảng 7,2 HTX thực hiện 5-6 dịch vụ).

Bảng 3. Số lượng các dịch vụ HTX tổ chức thực hiện

Số dịch vụ	Khi mới thành lập (%)	Hiện tại tháng 1/2024 (%)
1	63,5%	60,7%
2	15,4%	17,9%
3	10,6%	8,9%
4	3,8%	5,4%
5	1,9%	3,6%
6	4,8%	3,6%
Tổng	100,0%	100,0%

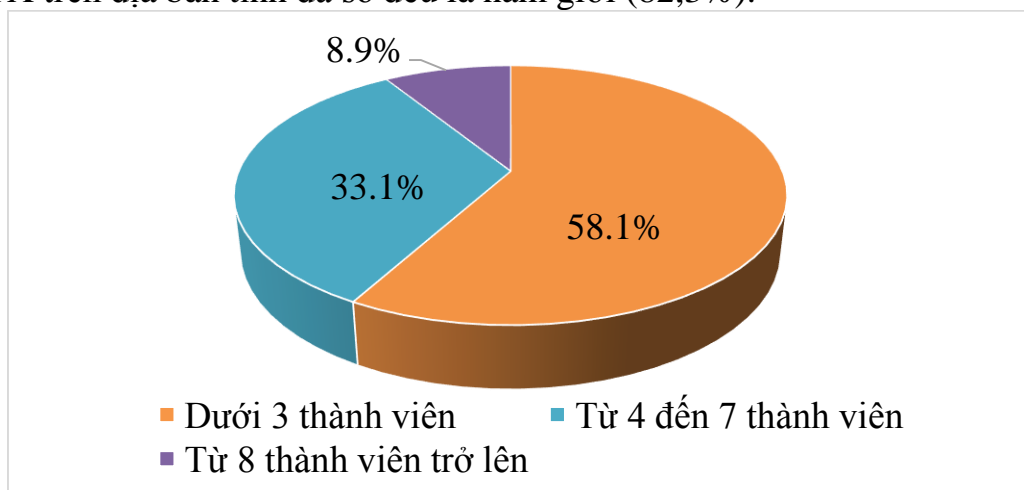
- Thông tin về bộ máy tổ chức của HTX:

Kết quả khảo sát chỉ ra rằng có 75,6% Chủ tịch HĐQT của HTX kiêm nhiệm luôn chức vụ Giám đốc của HTX. Việc Chủ tịch HĐQT kiêm nhiệm Giám đốc HTX chỉ phù hợp với những mô hình HTX làm ít dịch vụ, số thành viên HTX ít và quy mô hoạt động HTX nhỏ. Tuy nhiên, hiện nay ở các HTX hầu như đều có sự kiêm nhiệm trong chức vụ.

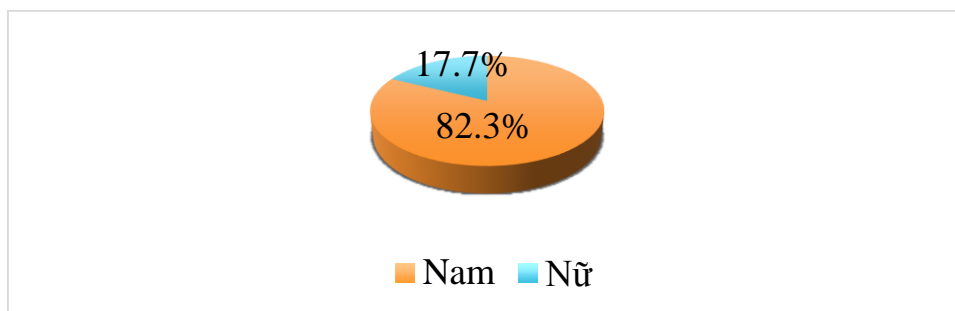


Hình 9. Mô hình quản lý của HTX

Điều 35 Luật HTX năm 2012 quy định: Thành viên hội đồng quản trị do Điều lệ quy định nhưng tối thiểu là 03 người, tối đa là 15 người. Kết quả khảo sát cho thấy, số lượng thành viên trong Hội đồng quản trị của phần lớn các HTX trên địa bàn tỉnh không đáp ứng yêu cầu quy định về số lượng tối thiểu trong luật, có đến 58,1% dưới 03 thành viên. Chỉ một số ít các HTX có số thành viên hội đồng quản trị trên 8 thành viên (8,9%). Thêm vào đó, hầu hết chủ tịch Hội đồng quản trị của các HTX trên địa bàn tỉnh đa số đều là nam giới (82,3%).

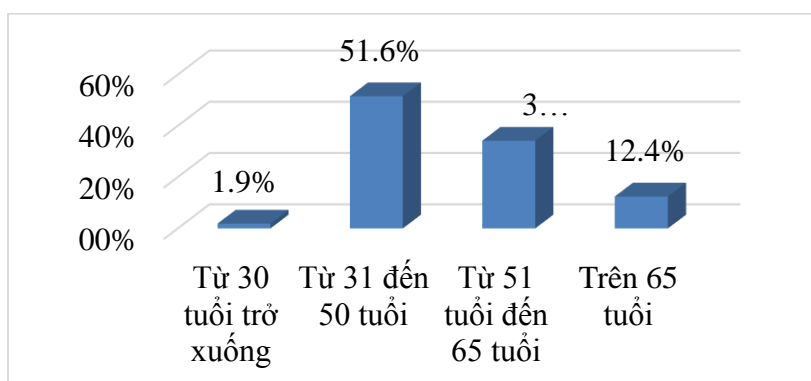


Hình 10. Số lượng thành viên của HĐQT HTX

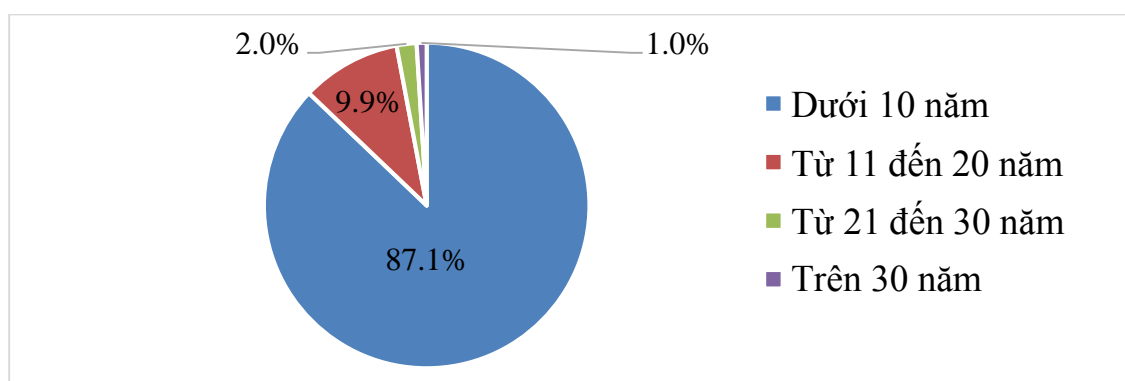


Hình 11. Giới tính của thành viên HĐQT HTX

Về độ tuổi thì đa số Chủ tịch HĐQT các HTX trên địa bàn tỉnh tập trung ở độ tuổi từ 31 đến 50 tuổi, chiếm 51,6%; độ tuổi từ 51 đến 65 tuổi cũng tương đối cao chiếm 34,2%; trên 65 tuổi chiếm 12,4%. Riêng độ tuổi thanh niên trẻ tham gia lãnh đạo, quản lý HTX tương đối thấp, chỉ chiếm 1,9% độ tuổi dưới 30 tuổi. Bên cạnh đó thâm niên làm việc của Chủ tịch HĐQT đa số dưới 10 năm kinh nghiệm (chiếm 87,1%).

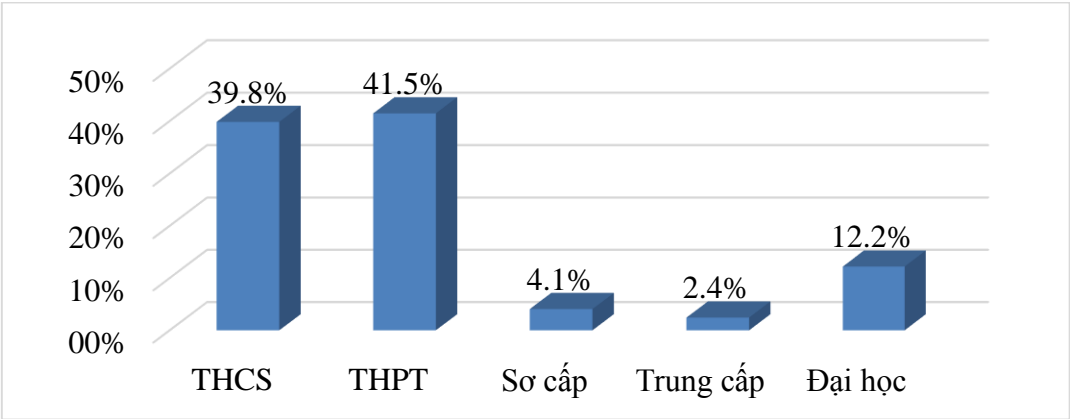


Hình 12. Độ tuổi Chủ tịch HĐQT

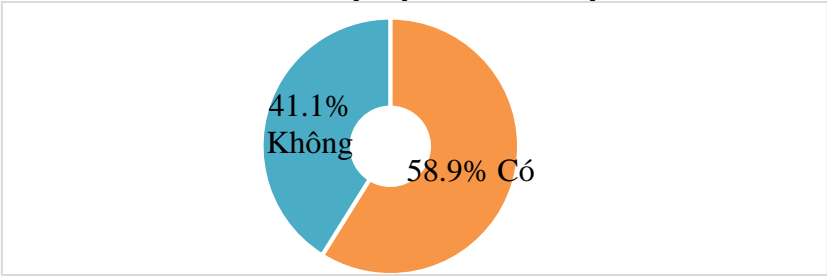


Hình 13. Thâm niên làm việc của chủ tịch HĐQT

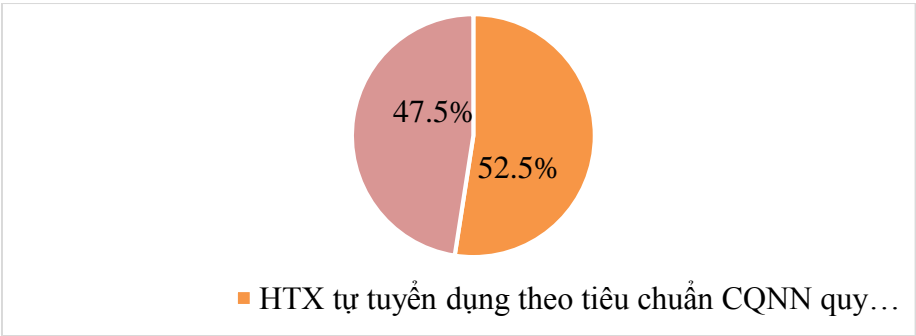
Trình độ học vấn phổ biến nhất của các thành viên HĐQT là trung học cơ sở và trung học phổ thông. Vì vậy, các HTX hiện nay phần lớn có mong muốn được hỗ trợ cán bộ có trình độ học vấn cao về làm việc tại HTX. Có đến 58,9% các HTX có nhu cầu được hỗ trợ cán bộ có trình độ từ Cao đẳng trở lên về làm việc tại HTX và có 41,1% không có nhu cầu. Việc có các cán bộ trẻ, trình độ cao sẽ góp phần giúp cho các HTX tiếp cận với các công nghệ số, thông tin thị trường... dễ dàng và thuận tiện hơn. Trong đó, mong muốn của HTX khi tuyển dụng cán bộ về làm việc là được cơ quan Nhà nước hỗ trợ tuyển dụng và cử về làm việc tại HTX chiếm tương đối cao 52,5%.



Hình 14. Trình độ học vấn chủ tịch HĐQT



Hình 15. HTX có nhu cầu hỗ trợ cán bộ có trình độ từ Cao đẳng trở lên

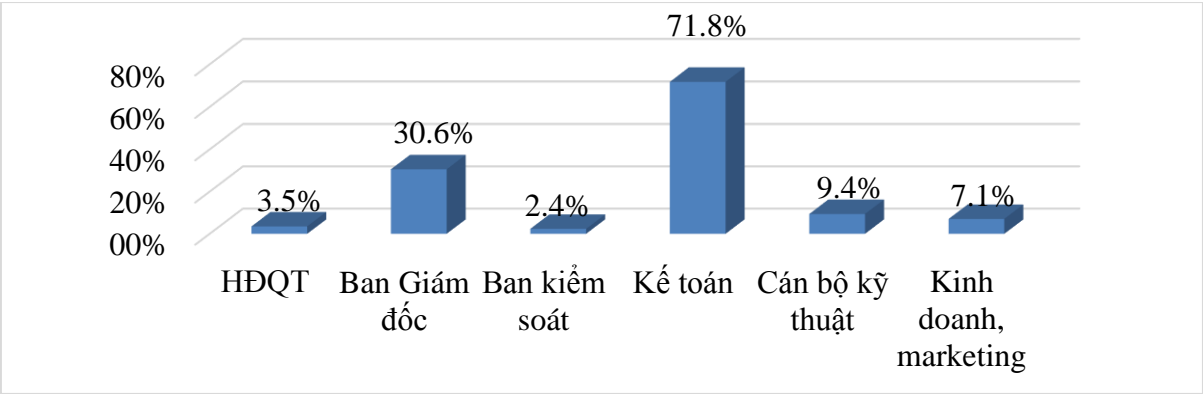


Hình 16. Mong muốn tuyển dụng cán bộ về làm việc

Một trong những yếu tố giúp cho HTX hoạt động có hiệu quả nhận được sự tín nhiệm của các thành viên và để tạo được sự tin tưởng thì điều quan trọng nhất đó là tính công khai, minh bạch. Vai trò kế toán trong mỗi HTX là rất quan trọng, nó

tồn tại và tuân theo quy luật khách quan. Bộ máy kế toán là công cụ đặc lực giúp cho HTX tồn tại và phát triển trong thương mại điện tử thời 4.0. Bộ máy kế toán sẽ xác định đúng nhu cầu cần huy động vốn, lựa chọn nguồn tài trợ, lựa chọn phương thức đòn bẩy kinh doanh để huy động vốn, để nguồn vốn bảo toàn và phát triển, nâng cao thu nhập của HTX.

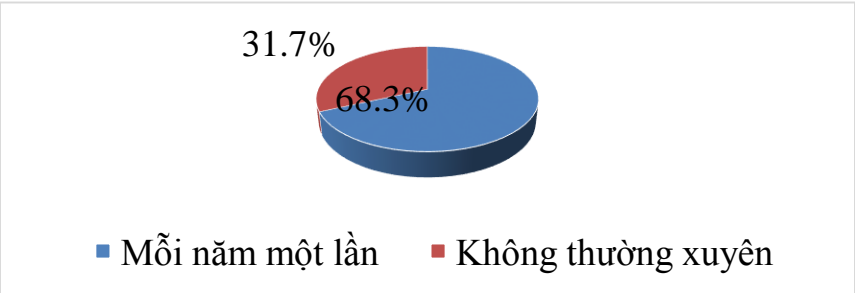
Tuy nhiên, hiện nay bộ máy kế toán trong HTX hầu hết còn hoạt động yếu kém và không hiệu quả. Nhận định được những khó khăn trong bộ phận kế toán của HTX nên mong muốn của các HTX khi có cán bộ có trình độ cao đẳng về làm việc tại HTX thì họ có nhu cầu tìm người làm việc tại vị trí kế toán chiếm nhiều nhất (71,8%), kế đó ban giám đốc là 30,6%, cán bộ kỹ thuật là 9,4%, kinh doanh marketing là 7,1%, HĐQT là 3,5% và Ban kiểm soát là 2,4%.



Hình 17. Tuyển dụng cán bộ về làm tại bộ phận

- Về việc tổ chức đại hội thường niên trong HTX:

Lợi thế lớn nhất và cũng là đặc trưng lớn nhất của HTX là tính dân chủ bình đẳng giữa các thành viên HTX. Thành viên vừa là khách hàng, vừa là đồng chủ sở hữu của HTX. Ý kiến của thành viên vừa là ý kiến của khách hàng, vừa là ý kiến của người đồng chủ sở hữu HTX. Mỗi thành viên bình đẳng như nhau, mỗi người chỉ có một phiếu biểu quyết duy nhất, bất kể người đó góp vốn bao nhiêu. Người góp vốn rất nhiều cũng chỉ có một phiếu biểu quyết, không thể thao túng được HTX. Việc tổ chức đại hội hàng năm là dịp để HTX báo cáo trước thành viên tình hình hoạt động trong một năm của HTX .



Hình 18. Hiện trạng tổ chức Đại hội thường niên

Đa số các HTX đều tổ chức đại hội mỗi năm một lần chiếm 68,3% và không tổ chức đại hội thường xuyên là 31,7%. Trường hợp các HTX không thường xuyên tổ chức đại hội thì có nhiều lý do khác nhau. Một số lý do có thể kể đến như: 03 năm tổ chức một lần; Ban Giám đốc chưa trang bị kiến thức tổ chức; các thành viên chưa quan tâm nhiều đến KTTT; Các thành viên HTX đi làm ăn xa, mỗi người có công việc khác nhau không tập trung được, chưa đồng thuận; Chưa nắm rõ cơ chế và quy mô còn quá nhỏ nên chỉ trao đổi qua điện thoại là chính; Chưa phát triển được từ đó không tổ chức...

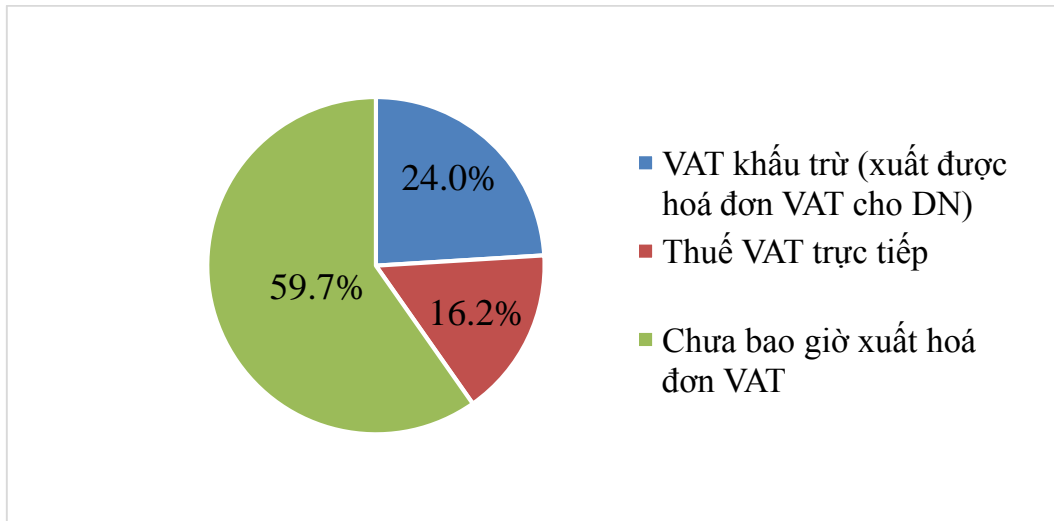
Theo kết quả khảo sát ở Bảng 3, các HTX ở huyện Cái Nước thường xuyên tổ chức Đại hội nhất (100% HTX tổ chức mỗi năm 1 lần); các HTX ở huyện Phú Tân là ít tổ chức Đại hội thường xuyên nhất (42,9% HTX không thường xuyên tổ chức).

Bảng 4. Hiện trạng tổ chức Đại hội thường niên theo huyện

Huyện/ Thành phố		Hiện trạng tổ chức Đại hội thường niên theo huyện/thành phố		Chung
		Mỗi năm một lần	Không thường xuyên	
TP.Cà Mau	Tần số (N)	7	5	12
	Phần trăm (%)	58,3%	41,7%	100,0%
Ngọc Hiển	Tần số (N)	16	8	24
	Phần trăm (%)	66,7%	33,3%	100,0%
Đầm Dơi	Tần số (N)	15	6	21
	Phần trăm (%)	71,4%	28,6%	100,0%
Năm Căn	Tần số (N)	12	3	15
	Phần trăm (%)	80,0%	20,0%	100,0%
U Minh	Tần số (N)	11	5	16
	Phần trăm (%)	68,8%	31,3%	100,0%
Trần Văn Thời	Tần số (N)	17	12	29
	Phần trăm (%)	58,6%	41,4%	100,0%
Thới Bình	Tần số (N)	11	5	16
	Phần trăm (%)	68,8%	31,3%	100,0%
Phú Tân	Tần số (N)	12	9	21
	Phần trăm (%)	57,1%	42,9%	100,0%
Cái Nước	Tần số (N)	13	0	13
	Phần trăm (%)	100,0%	0,0%	100,0%
Tổng	Tần số (N)	114	53	167
	Phần trăm (%)	68,3%	31,7%	100,0%

- Về tình hình đăng ký thuế VAT cho HTX:

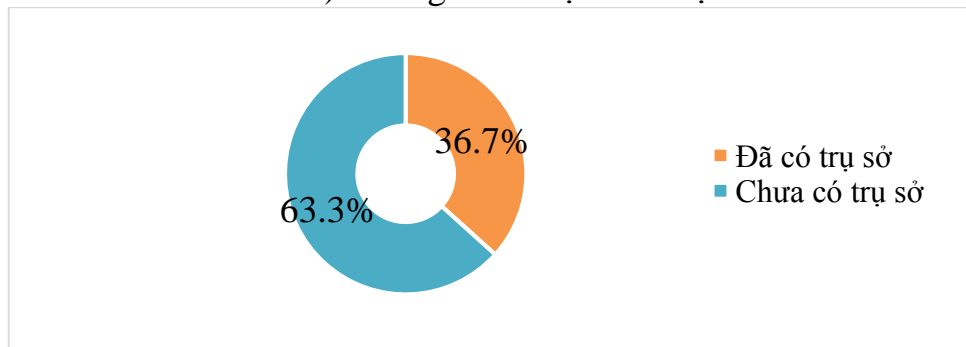
Hiện nay, đa số các HTX trên địa bàn tỉnh Cà Mau chưa xuất hoá đơn VAT (59,7%) chỉ khoảng 24% HTX có xuất được hoá đơn VAT khấu trừ (VAT cho doanh nghiệp) và 16,2% thuế VAT trực tiếp.



Hình 19. Tình hình đăng kí thuế VAT

- Về trụ sở của HTX:

Có 36,7% HTX trên địa bàn đã có trụ sở và số lượng HTX chưa có trụ sở chiếm 63,3%. HTX có trụ sở nhỏ nhất là 36m² (HTX Tân Thuận Thành, Phú Thuận – Phú Tân); lớn nhất là 4000 m² (HTX sản xuất, dịch vụ nông nghiệp, thủy sản Ánh Dương, Khánh Lâm – U Minh). Trung bình diện tích trụ sở của HTX là 230,24 m².



Hình 20. Thông tin về trụ sở của HTX

Bảng 5. Thông tin về trụ sở của HTX theo huyện

Huyện/Thành phố	Hiện trạng về trụ sở của HTX		Chung	
	Đã có trụ sở	Chưa có trụ sở		
TP.Cà Mau	Tần số (N)	8	5	13
	Phần trăm (%)	61,5%	38,5%	100,0%
Ngọc Hiển	Tần số (N)	5	19	24
	Phần trăm (%)	20,8%	79,2%	100,0%
Đầm Dơi	Tần số (N)	5	16	21
	Phần trăm (%)	23,8%	76,2%	100,0%
Năm Căn	Tần số (N)	5	10	15
	Phần trăm (%)	33,3%	66,7%	100,0%
U Minh	Tần số (N)	8	8	16

	Phần trăm (%)	50,0%	50,0%	100,0%
Trần Văn Thời	Tần số (N)	13	18	31
	Phần trăm (%)	41,9%	58,1%	100,0%
Thới Bình	Tần số (N)	5	11	16
	Phần trăm (%)	31,3%	68,8%	100,0%
Phú Tân	Tần số (N)	8	12	20
	Phần trăm (%)	40,0%	60,0%	100,0%
Cái Nước	Tần số (N)	5	8	13
	Phần trăm (%)	38,5%	61,5%	100,0%
Tổng	Tần số (N)	62	107	169
	Phần trăm (%)	36,7%	63,3%	100,0%

Trong số 87 HTX đã có trụ sở làm việc thì hầu hết các trụ sở đều không phải đất của HTX mà là mượn của thành viên hoặc cơ quan nhà nước. Cụ thể: có 63,2% các HTX mượn/ở nhờ đất của thành viên và 11,5% các HTX mượn/ở nhờ đất của cơ quan nhà nước; có 13,8% HTX thuê đất làm trụ sở và chỉ có 10,3% các HTX có trụ sở thuộc đất của chính HTX.

Bảng 6. Nguồn gốc đất làm trụ sở của HTX

Nguồn gốc	Tần số (N)	Phần trăm (%)
Đất sở hữu của HTX	9	10,3
Mượn/ở nhờ thành viên	55	63,2
Mượn/ở nhờ CQNN (không có QĐ)	4	4,6
Mượn/ở nhờ CQNN (có QĐ)	6	6,9
Thuê	12	13,8
Khác	1	1,1
Tổng	87	100,0

- Việc tự đánh giá xếp loại HTX:

Có rất ít các HTX tự đánh giá được HTX xếp loại thứ mấy. Chỉ có 108/180 HTX tự xếp loại trong xã và 32/180 HTX xếp loại ở cấp huyện. Điều này cho thấy đa số các HTX trên địa bàn tỉnh chưa biết và chưa có tiêu chí để phân loại HTX.

Bảng 7. Các HTX tự xếp hạng mình trên địa bàn cấp xã

Giá trị	Tần số (N)	Phần trăm (%)
1	48	44.4
2	33	30.6
3	14	13.0
4	4	3.7
5	3	2.8
7	3	2.8
15	1	.9
99	2	1.9
Tổng	108	100.0

Bảng 8. Các HTX tự xếp hạng mình trên địa bàn cấp huyện

Giá trị	Tần số (N)	Phần trăm (%)
1	1	3.1
2	5	15.6
3	4	12.5
4	2	6.3
5	2	6.3
6	1	3.1
9	1	3.1
10	3	9.4
12	1	3.1
15	4	12.5
19	1	3.1
22	1	3.1
30	1	3.1
99	5	15.6
Tổng	32	100.0

❖ Theo các báo cáo số liệu thứ cấp thu thập được

HTX và LH HTX tính đến 30/9/2024: Hiện có toàn tỉnh 324 HTX, trong đó 245 HTX đang hoạt động, 79 HTX ngưng hoạt động.

- Lĩnh vực nông nghiệp: Có 234 HTX, trong đó có 191 HTX đang hoạt động, và ngưng hoạt động 43 HTX.

- Lĩnh vực phi nông nghiệp: Có 88 HTX, trong đó có 52 HTX đang hoạt động và ngưng hoạt động 36 HTX. Có 02 Quỹ tín dụng nhân dân đang hoạt động.

- Tổng số thành viên 5.460 người, số lao động làm việc thường xuyên trong HTX là 5.623 người. Tổng tài sản, vốn điều lệ của HTX là 242.63200 đồng.

Hiện nay toàn tỉnh có 02 LH HTX với 10 thành viên tham gia. Lĩnh vực hoạt động của LHHTX là cung ứng dịch vụ, sản phẩm đầu vào và đầu ra cho các thành viên; sản xuất lúa, tôm; tổng tài sản, vốn điều lệ của LHHTX 1.300 triệu đồng.

Lĩnh vực nông nghiệp: HTX nông nghiệp phần lớn tổ chức được dịch vụ đầu vào, đầu ra phục vụ thành viên, ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm; có ý thức xây dựng nhãn hiệu, sản xuất hàng hóa cho thành viên. Các HTX nông nghiệp được củng cố, chất lượng và tổ chức hoạt động có hiệu quả, đã tổ chức được nhiều dịch vụ hỗ trợ sản xuất, phát triển kinh tế hộ thành viên và người dân trong vùng, thực hiện liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị gắn với tiêu thụ sản phẩm; làm đầu mối thực hiện các chương trình khuyến nông, khuyến ngư, ứng dụng khoa học, làm tốt công tác phát triển thành viên, tăng vốn điều lệ, vốn hoạt động, tạo thêm nhiều việc làm, mang lại lợi ích thiết thực cho thành viên. HTX thủy sản phần lớn là các HTX sản xuất tôm - cua giống; nuôi tôm công nghiệp, nuôi tôm 2 giai đoạn và nuôi tôm công nghệ cao... phát triển mạnh trong thời gian gần đây; các mô hình thủy sản trong vùng chuyên dịch vụ lúa tôm ở các địa phương như cá - tôm

- của đem lại hiệu quả.

Lĩnh vực phi nông nghiệp: Hoạt động của HTX phi nông nghiệp cơ bản vẫn trong tình trạng manh mún, nhỏ lẻ với nhiều khó khăn hiện hữu như: vốn tài sản nhỏ, nội dung hoạt động còn đơn điệu, thiếu bền vững, tốc độ tăng trưởng của khu vực kinh tế còn thấp; chưa khai thác hết năng lực nội tại của các thành viên cả về vốn và cơ sở vật chất. Nguồn nhân lực, trình độ quản lý còn yếu, nhiều máy móc thiết bị thô sơ, lạc hậu, năng suất, chất lượng sản phẩm thấp, sức cạnh tranh thấp dẫn đến hoạt động của nhiều HTX hiệu quả chưa cao. Một số HTX sản xuất có lãi nhưng chưa nhiều, phần lớn chỉ đủ trang trải các khoản chi phí, không đủ để trích cho các quỹ và tích lũy mở rộng hoạt động.

1.2. Đánh giá hiện trạng phát triển các liên hiệp hợp tác xã

Tính đến thời điểm hiện nay trên địa bàn tỉnh Cà Mau có 02 liên hiệp HTX mới thành lập gần đây, đang trong điều kiện củng cố, phát triển. Trong đó có LH HTX Dịch vụ nông nghiệp Cà Mau thành lập cuối năm 2021, đang dần hoạt động ổn định, làm đầu mối tập hợp trao đổi, mua bán đặc sản của tỉnh và các địa phương ngoài tỉnh, mở ra hướng đi mới cho KTTT của tỉnh Cà Mau.

Những năm qua, tỉnh rất quan tâm, tạo điều kiện để các mô hình KTTT, như HTX, LH HTX được thành lập mới. Các HTX, LH HTX hình thành trên nhiều lĩnh vực, nhiều ngành nghề, tuy nhiên, đa phần còn manh mún, nhỏ lẻ; sản phẩm làm ra còn ít, không đảm bảo chất lượng; chưa tạo được chuỗi liên kết trong sản xuất, tính bền vững không cao; còn hạn chế trong ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất, kinh doanh, dịch vụ. Do đó LH HTX ra đời cũng là xu hướng tất yếu, phù hợp với nhu cầu thực tế hiện nay, đáp ứng về quy mô sản xuất, với hình thức liên kết, hợp lực sẽ giúp các HTX đứng vững hơn trên thị trường.

1.3. Đánh giá hiện trạng phát triển các tổ hợp tác

Tính đến 30/9/2024, toàn tỉnh hiện có 961 THT, 918 THT hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp và 43 THT hoạt động trong lĩnh vực phi nông nghiệp.

Hiện tại các THT này phát huy vai trò và tiếp tục duy trì tốt trong mối liên kết sản xuất; đại diện làm cầu nối ký kết hợp đồng với các doanh nghiệp cung ứng giống, vật tư đầu vào và tiêu thụ sản phẩm cho các thành viên tham gia THT; hoạt động chủ yếu hỗ trợ lẫn nhau trong sản xuất, trao đổi kinh nghiệm sản xuất, áp dụng khoa học - kỹ thuật, thông tin và tiêu thụ sản phẩm và hỗ trợ các tổ viên về vốn, giống cây trồng, vật nuôi, góp phần nâng cao giá trị sản phẩm và tăng thu nhập cho các tổ viên tham gia THT.

Có 03 mô hình THT hoạt động có hiệu quả: THT nuôi tôm công nghiệp (tại xã Tân Dân, huyện Đầm Dơi), THT ương cua giống (tại xã Hàm Rồng, huyện Năm Căn), THT nuôi cua thương phẩm (tại xã Tân Hưng Đông, huyện Cái Nước).

Hạn chế, khó khăn của THT hiện nay là hoạt động với quy mô còn nhỏ lẻ, cơ chế quản lý lỏng lẻo, cán bộ quản lý THT theo kinh nghiệm, chưa qua đào tạo chuyên môn, THT cũng chưa có tư cách pháp nhân nên khó khăn về giao dịch kinh tế, kêu gọi đầu tư và vay vốn mở rộng sản xuất kinh doanh.

2. Thực trạng cơ chế chính sách hỗ trợ trong phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã lĩnh vực nông nghiệp trên địa bàn tỉnh

2.1. Chính sách cán bộ và nguồn nhân lực

- Công tác đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực được quan tâm thực hiện. Hằng năm, tỉnh chỉ đạo các cấp, các ngành xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý các cấp, cán bộ quản lý HTX. Giai đoạn 2003-2020, tỉnh đã thực hiện 368 lớp tập huấn tuyên truyền, nâng cao nhận thức về KTTT với 13.380 lượt người tham dự, tổng kinh phí thực hiện 2.023,55 triệu đồng; tổ chức 100 lớp đào tạo, bồi dưỡng cho cán bộ chủ chốt xã, phường, thị trấn với 5.440 lượt người, tổng kinh phí thực hiện 3.155,76 triệu đồng; tổ chức 278 lớp đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý HTX với 7.025 lượt người, tổng kinh phí thực hiện 5.637,6 triệu đồng.

- Thực hiện Quyết định số 1231/BNN-KTHT ngày 09/4/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc phê duyệt Kế hoạch thí điểm mô hình đưa cán bộ trẻ tốt nghiệp đại học, cao đẳng về làm việc có thời hạn ở HTX nông nghiệp giai đoạn 2018 - 2020, tính đến 30/6/2024, tỉnh Cà Mau đã triển khai đưa 18 cán bộ trẻ có trình độ về làm việc tại 18 HTX với tổng kinh phí hỗ trợ 1.016 triệu đồng.

2.2. Chính sách đất đai

Chính sách giao đất, cho thuê đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho HTX nông nghiệp để xây dựng trụ sở, sân phơi, nhà kho; xây dựng các cơ sở dịch vụ trực tiếp, sử dụng làm mặt bằng sản xuất kinh doanh. Tính đến nay, tỉnh đã ban hành quyết định cho 03 HTX thuê đất với tổng diện tích 3.499.046,1 m².

2.3. Chính sách tài chính, tín dụng

Chính sách ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp và các loại thuế khác theo quy định của pháp luật về thuế:

- Các HTX đăng ký ngành nghề nuôi trồng thủy sản được miễn 100% thuế theo Nghị định số 67/2014/NĐ-CP của Chính phủ và các thuế khác về ưu đãi lệ phí đăng ký HTX theo quy định của pháp luật hiện hành.

- Chính sách tiếp cận vốn và quỹ hỗ trợ phát triển HTX: Ngày 07/9/2018, Chính phủ ban hành Nghị định số 116/2018/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09/6/2015 về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn, nhưng khu vực KTTT, HTX trong tỉnh hầu hết chưa tiếp cận được vốn cả về vay tín chấp và thế chấp do các HTX không có tài sản đảm bảo vốn vay; kế toán - tài chính và mô hình tổ chức không rõ ràng, quản trị yếu kém.

- Quỹ hỗ trợ phát triển HTX tỉnh đi vào hoạt động từ cuối năm 2009, đến nay vốn điều lệ từ ngân sách tỉnh cấp là 15.500 triệu đồng; vốn từ thành viên đóng góp 330,5 triệu đồng. Hiện nay quỹ đã hỗ trợ cho 100 dự án với tổng dư nợ 18.136 triệu đồng (bình quân 181 triệu đồng/dự án). Trong điều kiện HTX khó tiếp cận được nguồn vốn từ các ngân hàng thương mại, nhiều HTX được vay từ Quỹ hỗ trợ phát

triển HTX đã góp phần tháo gỡ khó khăn về vốn, giúp HTX duy trì, mở rộng sản xuất kinh doanh, tạo thêm việc làm và thu nhập cho nhiều thành viên và người lao động trong HTX. Tuy nhiên, có nhiều chủ dự án HTX thực hiện không đúng hợp đồng vay, có điều kiện trả nợ nhưng chậm trong thanh toán nợ.

2.4. Chính sách hỗ trợ khoa học và công nghệ

- Trung tâm thông tin và ứng dụng khoa học công nghệ tỉnh đã tổ chức được 42 lớp, 1.732 người dự, kinh phí 1.700 triệu đồng để tập huấn, hội thảo, hướng dẫn về kỹ thuật trồng trọt, chăn nuôi; đồng thời, triển khai các mô hình sản xuất đạt hiệu quả kinh tế cao, cung cấp các loại phân bón, con giống, cây giống mới có năng suất, chất lượng cao. Thời gian qua, đã có 25 HTX được tiếp nhận 49 máy công cụ chuyên dùng để sản xuất, trị giá 1.500 triệu đồng; đồng thời, đã hỗ trợ công nhận nhãn hiệu tập thể cho 03 HTX.

- Hỗ trợ, hướng dẫn THT, HTX tiếp cận chính sách ưu đãi về tiêu chuẩn đo lường chất lượng, sở hữu trí tuệ, đổi mới công nghệ sản xuất, ứng dụng khoa học công nghệ. Triển khai thực hiện nhiều đề tài, dự án khoa học công nghệ mang lại hiệu quả thiết thực vào quá trình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Ngoài ra, Sở Khoa học và Công nghệ lồng ghép thực hiện 46 dự án từ 04 chương trình, đóng góp thiết thực vào quá trình phát triển kinh tế, xã hội của địa phương, qua đó góp phần nâng cao thu nhập cho người dân trong tỉnh.

- Thực hiện mô hình phát triển sản xuất chuỗi giá trị cơ ứng dụng công nghệ cao đối với ngành hàng lúa và tôm với kinh phí 600 triệu đồng; thực hiện 02 mô hình gồm: Hỗ trợ HTX thực hành các tiêu chuẩn GAP và ICM trong sản xuất lúa và ứng dụng vi sinh trong ruộng lúa - tôm nhằm xây dựng vùng nguyên liệu lúa gạo an toàn và liên kết các HTX với doanh nghiệp với kinh phí 819,524 triệu đồng.

- Hỗ trợ HTX Hương Biển ứng dụng thiết bị lạnh phục vụ sản xuất ruốc sấy với kinh phí khoảng 210 triệu đồng; hỗ trợ ứng dụng thiết bị sấy tôm khô cho HTX Tài Thịnh Phát Farm với kinh phí là 168 triệu đồng.

- Hỗ trợ 02 HTX xây dựng chuỗi giá trị trên địa bàn tỉnh (HTX DVNN-TS Ông Muộn, HTX G.V.H.B Cua biển Năm Căn) với kinh phí 467 triệu đồng.

2.5. Chính sách hỗ trợ tiếp thị và mở rộng thị trường

Hàng năm, tỉnh hỗ trợ bình quân 10 HTX tham gia Hội chợ xúc tiến thương mại thường niên với tổng kinh phí hơn 200 triệu đồng, tạo cơ hội cho các HTX kết nối, trao đổi kinh nghiệm và mở rộng thị trường. Các chương trình giao thương giúp các doanh nghiệp và HTX tìm được nhiều khách hàng, tăng lượng tiêu thụ và nâng cao giá trị hàng hóa, đồng thời hợp tác với doanh nghiệp các tỉnh, thành phố để đưa nông sản của Cà Mau ra thị trường cả nước.

Sở Công Thương cũng tích cực hỗ trợ quảng bá thương hiệu, như xây dựng website cho 20 HTX với kinh phí 210 triệu đồng, bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cho 6 HTX, và giới thiệu HTX tham gia “Dự án NEWBIZ”. Nhờ đó, một số HTX đã có thị trường ổn định tại các thành phố lớn. Bên cạnh đó, 5 điểm

giới thiệu, bán sản phẩm OCOP và 7 điểm trưng bày đặc sản của tỉnh đã được xây dựng.

Tuy nhiên, khó khăn hiện nay là phần lớn sản phẩm của HTX còn nhỏ lẻ, chưa đáp ứng yêu cầu chất lượng của thị trường khó tính, và các thành viên chưa tuân thủ đầy đủ quy trình sản xuất, gây khó khăn trong việc tham gia các hội chợ và xúc tiến thương mại.

2.6. Chính sách đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng

Thực hiện Quyết định số 445/QĐ-TTg ngày 21/3/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án thí điểm hoàn thiện, nhân rộng mô hình HTX kiểu mới tại vùng ĐBSCLgiai đoạn 2016 - 2020; Quyết định số 2261/QĐ-TTg ngày 15/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình hỗ trợ phát triển HTX giai đoạn 2015-2020, UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 22/KH-UBND ngày 28/3/2017 triển khai thực hiện Quyết định số 445/QĐ-TTg ngày 21/3/2016 của Thủ tướng Chính phủ, theo đó tỉnh đã hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng đối với 28 HTX với kinh phí khoảng 16.113 triệu đồng .

2.7. Chính sách khác

- Chính sách tạo điều kiện tham gia các chương trình mục tiêu, chương trình phát triển kinh tế - xã hội: Hội đồng nhân dân tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 17/2019/NQ-HĐND ngày 6/12/2019 về Chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Cà Mau, hiện nay tỉnh đã xây dựng danh mục các ngành hàng, sản phẩm chủ lực quan trọng cần khuyến khích của tỉnh. Bên cạnh đó, các cấp ủy, chính quyền và các ngành chức năng tạo điều kiện thuận lợi cho HTX tham gia các chương trình phát triển kinh tế - xã hội, áp dụng các chính sách như: Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp; chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn theo Nghị định số 55/2015/NĐ-CP; đề án nâng cao chất lượng tôm giống; chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; danh mục sản phẩm nông nghiệp chủ lực thực hiện chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn;...

- Chính sách hỗ trợ thành lập mới HTX, liên hiệp HTX: Công tác tư vấn, hỗ trợ thành lập mới HTX, liên hiệp HTX được tập trung chỉ đạo thường xuyên. Phối hợp tuyên truyền vận động nâng cao nhận thức về Luật HTX năm 2012; hỗ trợ hướng dẫn thủ tục thành lập mới HTX, mỗi năm ngân sách tỉnh hỗ trợ thành lập mới HTX khoảng 200 triệu đồng, bình quân mức hỗ trợ 07 triệu đồng/HTX.

❖ Kết quả khảo sát đánh giá chính sách thực tế tại các HTX điển hình trên địa bàn tỉnh

Tỉnh Cà Mau cũng đã ban hành nhiều chính sách hỗ trợ cho các HTX từ nguồn vốn; đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực; hỗ trợ máy móc, thiết bị sơ chế, chế biến thương phẩm... Qua kết quả khảo sát các HTX trên địa bàn tỉnh Cà Mau, các HTX hiện nay chủ yếu nhận được chính sách hỗ trợ về Đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực (57,7%); xúc tiến thương mại (34,6%); Hỗ trợ HTX làm dịch vụ cho doanh

nghiệp để tăng khả năng liên kết sản xuất theo chuỗi (28,8%) và hỗ trợ vốn (27,9%). Đây là những chính sách mà các HTX cho rằng mình được nhận hỗ trợ nhiều nhất.

Bảng 9. Các chính sách hiện đang được hỗ trợ tại các HTX qua khảo sát

Các chính sách đã được hỗ trợ	Tần số (N)	Phần trăm (%)	Phần trăm của trường hợp (%)
Hỗ trợ vốn	29	9,7%	27,9%
Đào tạo, bồi dưỡng nhân lực	60	20,0%	57,7%
Xúc tiến thương mại	36	12,0%	34,6%
Máy móc, thiết bị sơ chế, chế biến thương phẩm	35	11,7%	33,7%
Đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động của HTX	28	9,3%	26,9%
Hỗ trợ HTX làm dịch vụ cho DN để tăng khả năng liên kết sản xuất theo chuỗi	30	10,0%	28,8%
Ưu đãi về tín dụng	11	3,7%	10,6%
Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng	11	3,7%	10,6%
Hỗ trợ đất đai cho HTX làm trụ sở/nhà khoa	11	3,7%	10,6%
Hỗ trợ THT lập HTX	18	6,0%	17,3%
Hỗ trợ HTX nhỏ sáp nhập với HTX lớn	11	3,7%	10,6%
Kết nối kinh doanh cho HTX	20	6,7%	19,2%
Tổng	300	100,0%	288,5%

Kết quả các HTX được khảo sát đánh giá việc hỗ trợ của các chính sách đa số chưa mang lại hiệu quả cao. Các HTX hầu hết nhận định những chính sách này chưa thực sự mang lại hiệu quả cao cho HTX hoặc nhiều HTX còn chưa được nhận hỗ trợ. Tìm hiểu đánh giá một số chính sách mà địa phương hỗ trợ HTX đã mang lại hiệu quả cho họ hay chưa, kết quả chỉ ra rằng:

- Chính sách đào tạo, bồi dưỡng nhân lực: Các HTX nhận định chính sách này hỗ trợ tốt cho các HTX chiếm 40%, rất tốt 12,7%. Tuy nhiên, vẫn còn một số HTX nhận định chính sách này chưa mang lại hiệu quả (12%) và 5,3% HTX không biết/không rõ.

- Chính sách xúc tiến, thương mại: Đa số đánh giá trung bình (chiếm 33,1%) và tốt và rất tốt lần lượt chiếm tỷ lệ 28,4% và 10,8%.

- Chính sách hỗ trợ máy móc, thiết bị sơ chế, chế biến sản phẩm: Các HTX đánh giá chính sách này ở mức trung bình (26,1%), tốt (24,6%). Đây là một trong những chính sách mà các HTX mong muốn, có nhu cầu được hỗ trợ để HTX có những điều kiện thuận lợi cho hoạt động sơ chế, chế biến sản phẩm. Tuy nhiên, còn nhiều HTX đánh giá chính sách này chưa mang lại hiệu quả khi mà có đến 17,6% HTX đánh giá chính sách này kém hiệu quả và 9,9% HTX đánh giá rất kém hiệu quả. Đồng thời, có đến 16,2% HTX không đánh giá được hiệu quả của chính sách này mang lại.

- Chính sách đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động HTX: Đa số đánh giá trung bình (chiếm 40,7%) và HTX đánh giá tốt khoảng 26,2%.

- Chính sách hỗ trợ HTX làm dịch vụ cho doanh nghiệp để tăng khả năng liên kết chuỗi: Đa số đánh giá trung bình (chiếm 40,7%) và số lượng HTX đánh giá tốt, rất tốt lần lượt là 19,3%; 6,2%.

- Chính sách ưu đãi tín dụng: Hầu hết các HTX nhận định chính sách này ở mức trung bình chiếm 31%; ở mức độ hiệu quả (16,2%); rất hiệu quả (3,5%). Tuy nhiên, có 16,9% nhận định chính sách này rất không hiệu quả và 19% nhận định không hiệu quả.

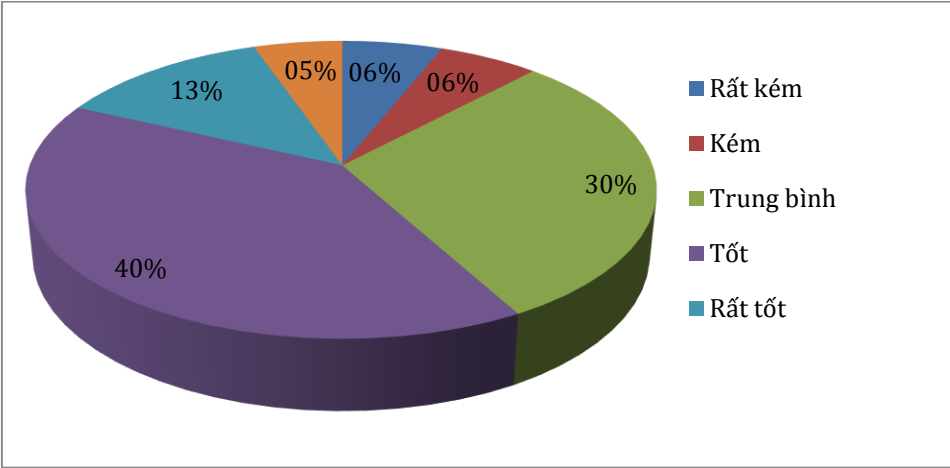
- Chính sách hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng: Các HTX nhận định chính sách này hiệu quả là 26,8% và rất hiệu quả là 4,2%. Còn lại hầu hết các HTX nhận định chính sách này chưa thực sự mang lại hiệu quả (15,5% đánh giá kém; 9,9% đánh giá rất kém; 14,1% không biết/không rõ về chính sách).

- Chính sách hỗ trợ đất đai cho HTX làm trụ sở/nhà kho: Các HTX cũng chưa đánh giá cao hiệu quả mà chính sách này mang lại khi chỉ có 14,3% đánh giá hiệu quả và 2,1% đánh giá rất hiệu quả.

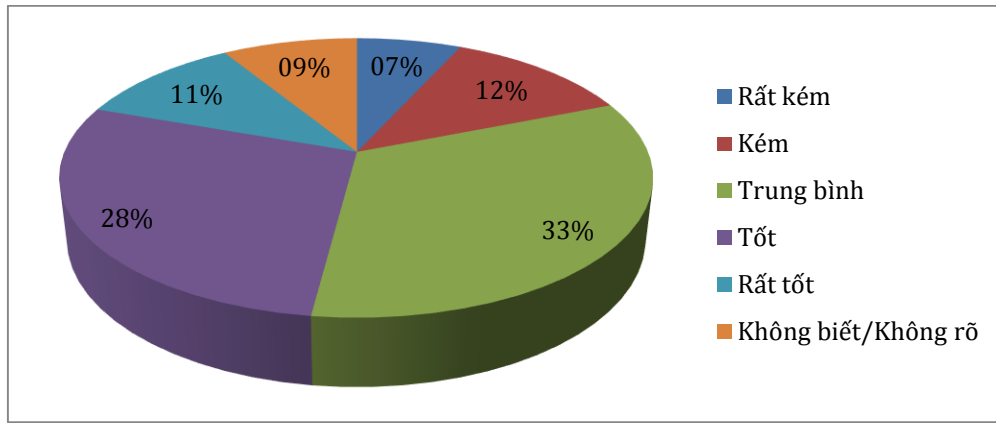
- Chính sách hỗ trợ THT lập HTX: Các HTX nhận định hiệu quả của chính sách này mang lại lần lượt ở mức trung bình (27,5%); tốt (25,4%) và rất tốt (18,1%).

- Chính sách hỗ trợ HTX nhỏ sáp nhập với HTX lớn: Đa số đánh giá chính sách này ở mức trung bình (30,2 %).

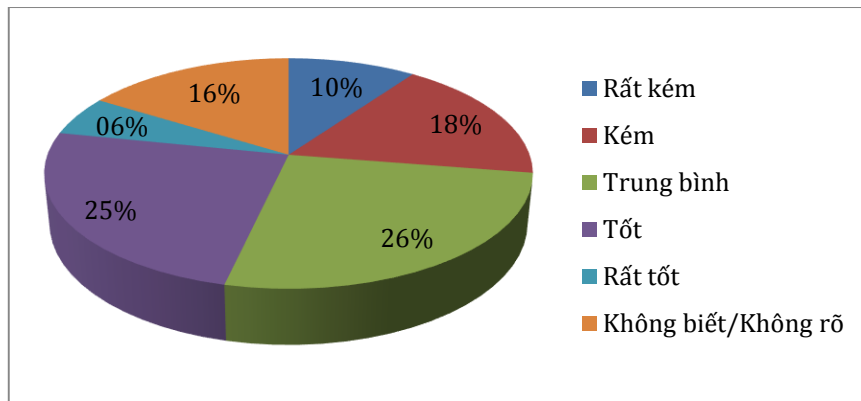
- Chính sách hỗ trợ kết nối kinh doanh cho HTX: Các HTX nhận định hiệu quả của chính sách này mang lại lần lượt ở mức trung bình (26,2%); tốt (25,5%) và rất tốt (10,3%).



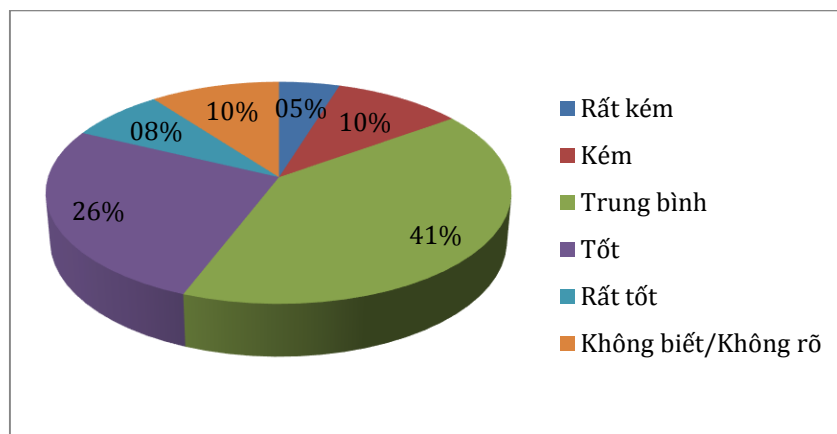
Hình 21. Đánh giá chính sách đào tạo, bồi dưỡng nhân lực



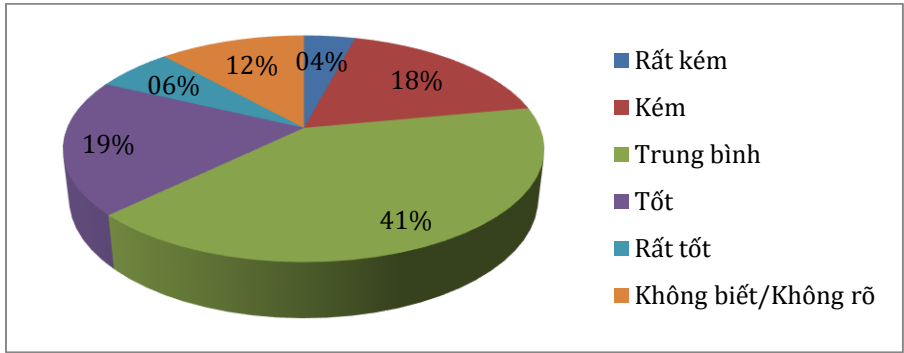
Hình 22. Đánh giá chính sách xúc tiến, thương mại



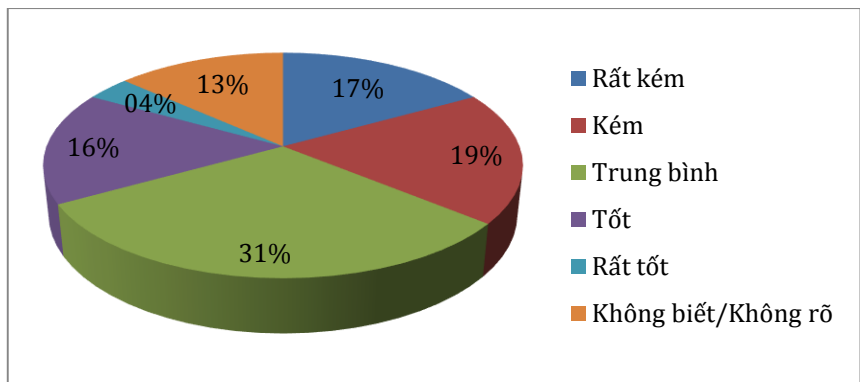
Hình 23. Đánh giá chính sách hỗ trợ máy móc, thiết bị sơ chế, chế biến sản phẩm



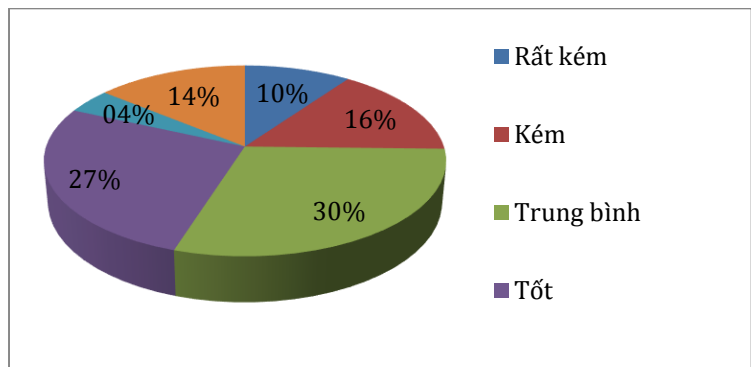
Hình 24. Đánh giá chính sách đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động HTX



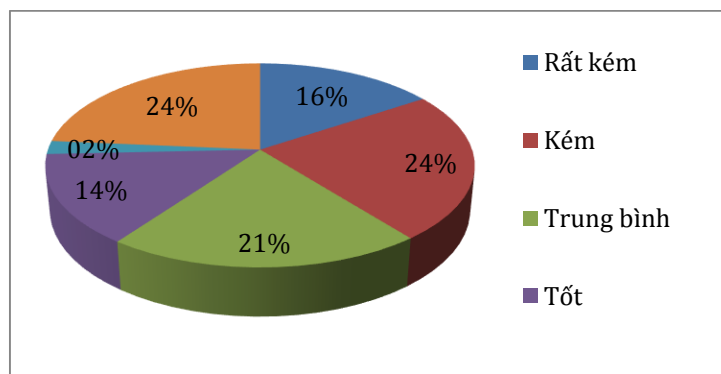
Hình 25. Đánh giá chính sách hỗ trợ HTX làm dịch vụ cho doanh nghiệp để tăng khả năng liên kết chuỗi



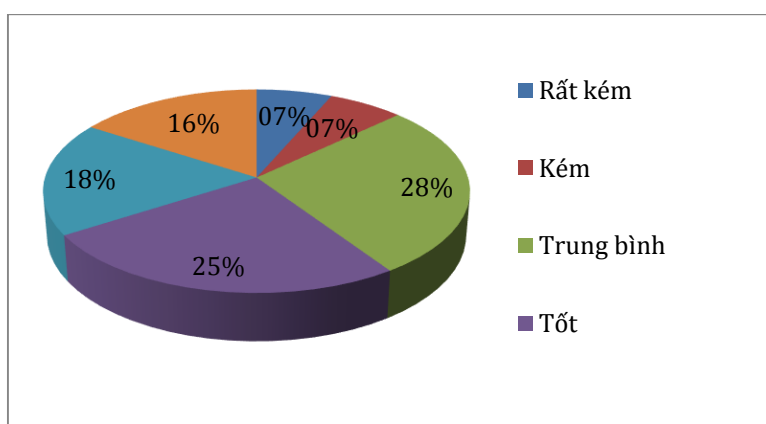
Hình 26. Đánh giá chính sách ưu đãi tín dụng



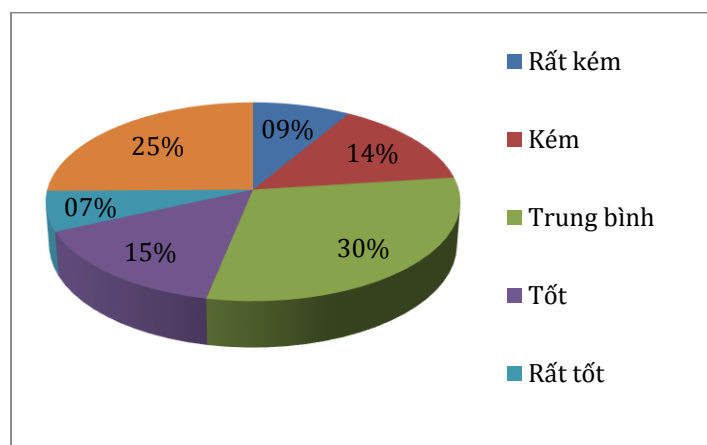
Hình 27. Đánh giá chính sách hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng



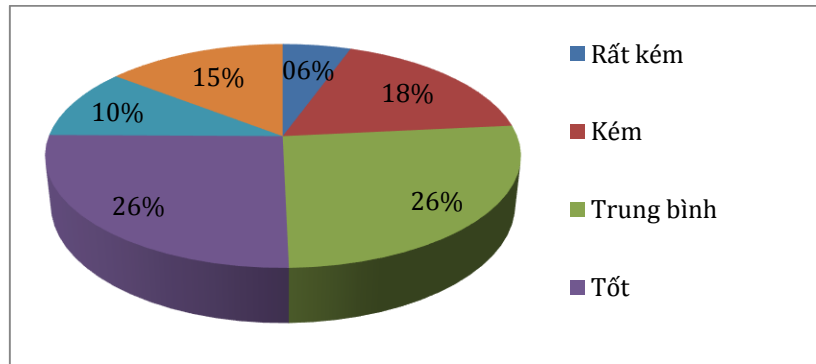
Hình 28. Đánh giá chính sách hỗ trợ đất đai cho HTX làm trụ sở/nhà kho



Hình 29. Đánh giá chính sách hỗ trợ THT lập HTX



Hình 30. Đánh giá chính sách hỗ trợ HTX nhỏ sáp nhập với HTX lớn



Hình 31. Đánh giá chính sách hỗ trợ kết nối kinh doanh cho HTX

3. Thực trạng công tác quản lý Nhà nước về phát triển KTTT trên địa bàn tỉnh

3.1. Về tổ chức bộ máy quản lý nhà nước về KTTT

- Cấp tỉnh: Phòng Đăng ký kinh doanh trực thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư là đầu mối tổng hợp, đề xuất các mô hình và cơ chế, chính sách, kế hoạch phát triển KTTT, HTX; hướng dẫn, theo dõi, tổng hợp và đánh giá tình hình thực hiện các chương trình, kế hoạch, cơ chế, chính sách và hoạt động của các tổ chức KTTT, HTX trên địa bàn tỉnh; tổ chức thực hiện việc đăng ký liên hiệp HTX, quỹ tín dụng nhân dân theo thẩm quyền; phối hợp với các cơ quan có liên quan giải quyết các vướng mắc về cơ chế, chính sách liên ngành; xây dựng các chương trình, dự án trợ giúp, thu hút vốn đầu tư và các nguồn lực phục vụ phát triển KTTT, HTX trên địa bàn tỉnh.

- Chi cục Phát triển nông thôn trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thành lập Phòng Kinh tế hợp tác phụ trách tham mưu thực hiện chức năng quản lý nhà nước chuyên ngành và tổ chức thực thi pháp luật về KTTT trong lĩnh vực nông nghiệp.

- Ngoài ra, các sở, ngành đều cử công chức, viên chức kiêm nhiệm thực hiện công tác quản lý nhà nước về KTTT, HTX. Cấp huyện, Phòng Tài chính - Kế hoạch quản lý nhà nước về KTTT, HTX. Ngoài ra, các huyện, thành phố Cà Mau đều giao công chức Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Phòng Kinh tế) phụ trách KTTT, HTX. Cấp xã, bố trí 01 Phó chủ tịch UBND cấp xã phụ trách chung về KTTT và 01 công chức tham mưu, giúp việc lĩnh vực KTTT, HTX.

- Bên cạnh đó, để kịp thời tham mưu UBND tỉnh xây dựng và triển khai thực hiện các đề án phát triển, nâng cao hiệu quả KTTT, HTX, các chương trình, kế hoạch phát triển KTTT, HTX trên địa bàn tỉnh Cà Mau theo đúng quy định, Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quyết định số 1788/QĐ-UBND ngày 30/10/2017 thành lập Ban Chỉ đạo đổi mới, phát triển KTTT, HTX tỉnh Cà Mau.

3.2. Về việc thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước về KTTT

- Công tác đăng ký HTX, liên hiệp HTX: Sở Kế hoạch và Đầu tư là đơn vị đầu mối thực hiện công tác quản lý, tổ chức thực hiện việc chứng nhận đăng ký

thành lập HTX, Quỹ tín dụng nhân dân; Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện thực hiện việc chứng nhận đăng ký thành lập HTX.

- Việc tổ chức đánh giá HTX theo Thông tư số 01/2020/TT-BKHĐT của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch Đầu tư và Thông tư số 09/2017/TT-BNNPTNT của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đang được triển khai thực hiện, tuy nhiên cách phân loại và đánh giá giữa 02 Thông tư này có sự khác biệt về tiêu chí và cách chấm điểm nên gặp khó khăn trong thực hiện.

- Công tác chỉ đạo các HTX tổ chức đại hội thường niên, đại hội nhiệm kỳ hằng năm được cơ quan quản lý nhà nước về KTTT, HTX và Liên minh HTX tỉnh quan tâm chỉ đạo, hướng dẫn đầy đủ, tuy nhiên các HTX thật sự chưa quan tâm nên việc tổ chức đại hội còn nhiều hạn chế, mang tính hình thức.

- Công tác xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch, chương trình, chính sách hỗ trợ ưu đãi đối với KTTT, HTX:

+ Đến nay, tỉnh đã xây dựng và ban hành các chương trình phát triển KTTT tương đối đồng bộ để thực hiện nhiệm vụ phát triển KTTT của địa phương, góp phần củng cố công tác chỉ đạo điều hành từ tỉnh đến cơ sở; qua đó, đánh giá được những vấn đề đã đạt được và những tồn tại, yếu kém cần khắc phục trong thời gian tới.

+ Căn cứ vào các Chương trình, Kế hoạch thực hiện đổi mới, phát triển kinh tế hợp tác theo Quyết định số 710/QĐ-BNN-KTHT và 4930/QĐ-BNN-KTHT của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, hàng năm Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Liên minh HTX tỉnh, Hội Nông dân tỉnh, UBND các huyện, thành phố Cà Mau đã ký kết Chương trình phối hợp nhằm mục đích đẩy mạnh công tác xây dựng, củng cố, phát triển và nâng cao hiệu quả KTTT, hình thành, phát triển chuỗi liên kết - chuỗi giá trị, khai thác tiềm năng, lợi thế các mặt hàng nông sản - sản phẩm chủ lực của tỉnh, thúc đẩy phát triển sản xuất, tăng thu nhập người dân, đạt tiêu chí số 13 về xây dựng nông thôn mới trên địa bàn toàn tỉnh.

+ Tỉnh ban hành Quyết định số 43/2018/QĐ-UBND ngày 19/12/2018 về quy chế phối hợp giữa các cơ quan chức năng trong hỗ trợ hoạt động KTTT trên địa bàn tỉnh Cà Mau, theo đó phân công cho các sở, ngành phụ trách từng nhiệm vụ cụ thể.

- Công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện công tác quản lý nhà nước đối với KTTT của Bộ, ngành đối với địa phương; xử lý các hành vi vi phạm pháp luật của HTX, của cá nhân, tổ chức có liên quan theo quy định của pháp luật; thực hiện tổng kết, đánh giá định kỳ và rút kinh nghiệm về quản lý nhà nước đối với KTTT, HTX. Chủ động xây dựng kế hoạch, chương trình công tác; phân công các thành viên kiểm tra, đôn đốc các địa phương. Các sở, ngành có liên quan đã tổ chức nhiều đoàn khảo sát, kiểm tra tiến độ thực hiện của các HTX. Giai đoạn 2018-2020, tỉnh đã thành lập các đoàn công tác đi kiểm tra 04 đợt tại 06 HTX được hỗ trợ cán bộ trẻ về làm việc tại HTX, 15 HTX tham gia thí điểm theo Quyết định 445/QĐ-TTg và các HTX mới thành lập, HTX hoạt động yếu kém.

- Hàng năm, tinh tổ chức sơ, tổng kết tình hình hoạt động KTTT, trong đó tập trung vào các nội dung về đánh giá việc xây dựng HTX kiểu mới, HTX NN hoạt động có hiệu quả, những khó khăn, vướng mắc, rút ra bài học kinh nghiệm và đề ra giải pháp, nhiệm vụ để thực hiện trong năm tiếp theo.

Nhìn chung cán bộ làm công tác quản lý nhà nước về HTX là kiêm nhiệm và chưa được đào tạo về chuyên môn, chưa có chức danh theo đề án vị trí việc làm. Công tác hậu kiểm tra thành lập bị buông lỏng, chưa xử lý theo quy định các trường hợp vi phạm Luật HTX năm 2012 như: HTX không có người làm kế toán, không mở sổ sách kế toán, không huy động đủ vốn điều lệ theo quy định...

4. Thực trạng KTTT tỉnh Cà Mau so với mặt bằng chung của các tỉnh khu vực ĐBSCL

So với 13 tỉnh ĐBSCL, Cà Mau xếp thứ 02 về số lượng HTX NN với 274 HTX và thứ 13 về bình quân số thành viên/HTX với 16 thành viên/HTX, chi tiết như sau:

Bảng 10. Thông tin các HTX khu vực ĐBSCL

STT	Tỉnh	Số HTX NN	Số thành viên	Bình quân TV	Tổng vốn điều lệ	Bình quân vốn điều lệ (triệu đồng)
1	Tiền Giang	190	47.016	247	103.731	546
2	Bến Tre	147	34.671	236	66.207	450
3	Đồng Tháp	193	30.009	155		
4	Kiên Giang	459	32.587	71	148.508	324
5	An Giang	215	12.979	61	675.583	3.142
6	Trà Vinh	120	7.066	59	91.467	762
7	Bạc Liêu	179	9.045	50	18.000	360
8	Sóc Trăng	205	10.094	49	50.842	248
9	Hậu Giang	220	6.621	30	103.731	472
10	Long An	232	7.338	32	197.759	852
11	Vĩnh Long	120	2.332	19		
12	Cần Thơ	170	3.133	18	164.780	969
13	Cà Mau	274	4.406	16		

(Nguồn: Trần Minh Hải, số liệu thứ cấp, báo cáo tổng kết KTTT tháng 6/2023 các tỉnh ĐBSCL)

5. Phân tích đánh giá thị trường các ngành hàng nông sản chủ lực của tỉnh Cà Mau gắn với phát triển HTX

- Về thủy sản:

Thủy sản là ngành kinh tế mũi nhọn của tỉnh Cà Mau và trở thành tỉnh dẫn đầu cả nước về nuôi trồng, chế biến và xuất khẩu thủy sản trong nhiều năm. Trong 9 tháng đầu năm 2024, lĩnh vực thủy sản tiếp tục phát triển ổn định, tổng sản lượng đạt 74,3% kế hoạch, tăng 1,7% so cùng kỳ³. Diện tích nuôi tôm ổn định, ít xảy ra dịch bệnh; mô hình tôm nuôi kết hợp một số loài thủy sản có giá trị kinh tế tiếp tục phát huy hiệu quả; giá tôm dần ổn định. Trong thời gian tới, tỉnh Cà Mau hướng đến quy hoạch vùng nuôi tôm có chứng nhận (đặc biệt là tôm sinh thái, tôm hữu cơ...) để tạo nguồn nguyên liệu sạch phục vụ chế biến tôm xuất khẩu.

- Cua biển: Diện tích nuôi: 250.000 ha được nuôi thả xen canh với tôm và các loài thủy sản khác. Năng suất đạt bình quân: 50 - 80/ha/năm. Sản lượng hàng năm khoảng 20.000 tấn.

- Cá bớp: Diện tích nuôi 331 ha. Năng suất bình quân: 8-10 tấn/ha/vụ nuôi. Sản lượng bình quân hàng năm 3.000 tấn.

- Sò huyết: Diện tích nuôi: 8.248 ha chủ yếu nuôi kết hợp và nuôi ven sông, biển. Nuôi tập trung tại các huyện Đầm Dơi, Phú Tân, Cái Nước, Năm Căn và Ngọc Hiển.

- Cá Bớp: Chủ yếu nuôi lồng bè tại khu vực Đảo Hòn Chuối có 28 hộ nuôi, với số lượng 149 lồng, 10.247 m³ (trung bình mỗi lồng 68 m³), thu hoạch cá bớp đến nay ước sản lượng 275 tấn.

- Hàu lồng: Chủ yếu nuôi lồng bè tại HTX Hàu lồng Đất Mũi, với 27 bè hàu thương phẩm, 1.150 lồng. Thành viên HTX thả gần 200 tấn hàu giống. Sản lượng thu hoạch ước đạt 400-450 tấn hàu thương phẩm.

- Cá chình, cá bống tượng: Diện tích nuôi 1.638 ha, chủ yếu tập trung tại thành phố Cà Mau và các huyện Thới Bình, U Minh, Cái Nước, Trần Văn Thời.

- Ngoài ra còn có các sản phẩm thủy hải sản đặc sản của tỉnh như: Nghêu, vọp, ốc len, cá khô khoai, các loại mắm, ruốc... và các loại thủy hải sản qua sơ chế biến như: Tôm khô Cà Mau, tôm khô chà bông, khô mực, bánh phồng tôm và các loại cá khô...

- Về trồng trọt:

- Cây lúa: Tổng diện tích gieo trồng là 112.413 ha, sản lượng đạt 446.875 tấn. Trồng tập trung tại các huyện Thới Bình, U Minh, Trần Văn Thời và Thành phố Cà Mau. Tỷ lệ sử dụng giống lúa cấp xác nhận, giống lúa chất lượng cao trong dân chiếm trên 80% diện tích. Mô hình sản xuất lúa - tôm chất lượng cao theo hướng

³ Tổng sản lượng thủy sản 484.408 tấn, đạt 74,3% kế hoạch; trong đó, sản lượng tôm 187.258 tấn, đạt 74% kế hoạch, tăng 1,7% so cùng kỳ. Sản lượng nuôi trồng 303.162 tấn, đạt 73,8% kế hoạch, tăng 1,8% so cùng kỳ; sản lượng khai thác 178.246 tấn, đạt 75,2% kế hoạch, tăng 1,5% so cùng kỳ.

Tổng diện tích nuôi tôm đến nay 278.615 ha, trong đó có các loại hình nuôi như: Quảng canh kết hợp 84.468 ha, quảng canh cải tiến 187.621 ha, thâm canh và siêu thâm canh 6.525 ha; hiện nay, đang tập trung tăng diện tích nuôi tôm siêu thâm canh để tạo đột phá về sản lượng (diện tích nuôi tôm siêu thâm canh gần 5.000 ha, với 5.075 hộ nuôi, tăng 6,46% so cùng kỳ). Diện tích nuôi các loài thủy sản khác: Cá chình 730 ha, cá bống tượng 607 ha, cá sặc rằn 143 ha, hàu lồng 1.196 lồng/13.075 m², sò huyết kết hợp trong ruộng tôm 9.617 ha, vọp 134 ha,...

VietGAP, lúa hữu cơ, năng suất lúa của mô hình bình quân đạt 4,0 - 4,5 tấn/ha; giá cả ổn định từ 6.000 - 6.500 đ/kg (Giống ST24).

- Chuối: Diện tích: 5.350 ha (trong đó diện tích cho trái là 5.139 ha). Năng suất trên diện tích cho trái là 11 tấn/ha. Sản lượng chuối 59.537 tấn.

- Về lâm nghiệp:

- Cà Mau có khoảng 165 ngàn ha đất lâm nghiệp (Ngập lợ - mặn), trong đó đất có rừng 95 ngàn ha, bao gồm 02 khu rừng đặc dụng (Vườn Quốc gia Mũi Cà Mau và Vườn Quốc gia U Minh Hạ); rừng phòng hộ ven biển và 53 ngàn ha rừng sản xuất. Rừng ngập mặn ngoài bảo vệ môi trường, chống xói lở còn là nơi nuôi tôm sinh thái; rừng ngập lợ duy trì trầm bản địa và phát triển mạnh keo lai thâm canh - cung cấp nguồn nguyên liệu cho chế biến lâm sản...

- Gỗ Cà Mau: Cà Mau có tiềm năng phát triển mạnh vùng nguyên liệu gỗ keo lai, với diện tích hiện có 9.600 ha, sản lượng khai thác hàng năm khoảng 75 -100 ngàn m³ gỗ, là nguồn nguyên liệu dồi dào phục vụ cho chế biến lâm sản và tiêu dùng, được khai thác chủ yếu ở các huyện: U Minh, Trần Văn Thời. Có gỗ đước là ngành hàng chủ lực của huyện Ngọc Hiển, có diện tích 35.615 ha, sản lượng khai thác rừng là 955,82 ha, sản lượng gỗ khai thác khoảng 141.311,40 m³, doanh thu trên 100 tỷ đồng/năm.

- Mật ong: Chủ yếu được khai thác ở rừng U Minh Hạ; sản lượng mật ong khoảng 1.000 tấn/năm, trong đó, người dân thu hoạch chủ yếu từ nghề gác kèo. Mật ong U Minh Hạ được Cục Sở hữu trí tuệ - Bộ Khoa học và Công nghệ cấp giấy chứng nhận thương hiệu hàng hóa độc quyền, có trữ lượng lớn và chất lượng tốt, nằm trong khu dự trữ sinh quyển thế giới.

Theo Chiến lược phát triển nông nghiệp, nông thôn bền vững gắn với cơ cấu lại ngành nông nghiệp tỉnh Cà Mau giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã chọn nhóm sản phẩm chủ lực cấp tỉnh bao gồm 4 sản phẩm: Cua biển; lúa gạo; chuối; gỗ, sản phẩm từ gỗ, lâm sản ngoài gỗ.

6. Thực trạng ứng dụng công nghệ số và các nền tảng trung gian trong sản xuất, quản lý, điều hành và kinh doanh trong HTX

Trong thời gian qua, các sở, ngành cấp tỉnh Cà Mau đã tích cực tuyên truyền thông qua các lớp tập huấn như: IPEC tổ chức tập huấn trực tuyến về “kỹ năng tiếp thị sản phẩm OCOP trên sàn thương mại điện tử” và “kỹ năng, giải pháp đưa sản phẩm đặc trưng, đặc sản tỉnh Cà Mau vào siêu thị”; Sở Công Thương tổ chức lớp tập huấn đào tạo kỹ năng thương mại điện tử cho doanh nghiệp, HTX, cơ sở sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh; Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức lớp tập huấn “Xây dựng và phát triển thương hiệu cho đặc sản địa phương” và tập huấn ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ vào sản xuất và đời sống cho nông dân trong tỉnh Cà Mau; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn kết nối Hệ thống quản lý dữ liệu HTX nông nghiệp do Cục Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn xây dựng, phối hợp với Công ty Sorimachi Việt Nam tổ chức tập huấn sử dụng 02 phần mềm gồm: Nhật ký sản xuất điện tử (FaceFarm) và Hạch toán chi phí sản xuất - kế toán (WACA) cho

21 HTX nhằm hỗ trợ các HTX thực hiện quá trình chuyển đổi số thông qua ứng dụng công nghệ thông tin vào sản xuất kinh doanh, nâng cao năng lực quản lý và phát triển bền vững, xây dựng cơ sở dữ liệu cho ngành nông nghiệp, thực hiện liên kết vùng với nhiều chức năng hữu ích; Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường chất lượng hỗ trợ 03 HTX xây dựng phần mềm truy xuất nguồn gốc theo công nghệ Blockchain; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Công Thương hỗ trợ 20 HTX xây dựng website; các sản phẩm của một số HTX được đưa trên Sàn thương mại điện tử...

Ngoài ra, Cục Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn đã tổng hợp, lựa chọn 100 HTX nông nghiệp điển hình, đặt tên là Nhóm Coop.66, trong đó tỉnh Cà Mau có HTX dịch vụ sản xuất lúa tôm Trí Lực, xã Trí Lực, huyện Thới Bình, được lựa chọn tham gia Nhóm Coop.66.

Một số HTX nông nghiệp trong tỉnh đã chủ động xây dựng website, linh hoạt tìm kiếm thị trường thông qua mạng xã hội, fanpage và sàn thương mại điện tử như: Lazada, Amazon, Alibaba, Shopee, Voso, Postmart, Medeincamau,... Các thành viên trong HTX đã tích cực sử dụng Facebook, Zalo để đăng tải hình ảnh, video giới thiệu về nguồn gốc, công dụng sản phẩm tới khách hàng, qua đó giúp các HTX đã tiếp cận được các cửa hàng bán lẻ, khách hàng có nhu cầu, chính vì vậy thị trường tiêu thụ đa dạng, không có tình trạng hàng tồn do không tiêu thụ được.

Tuy nhiên việc ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động sản xuất kinh doanh, quản lý và điều hành của HTX còn nhiều hạn chế như:

- Các HTX này chủ yếu chỉ tập trung vào ứng dụng công nghệ về phương pháp và kỹ thuật sản xuất, còn ứng dụng chuyển đổi số vào khâu chế biến, quản lý HTX, kinh doanh sản phẩm chưa thực sự được chú trọng. Phần lớn các HTX trên địa bàn tỉnh đang hoạt động với phương thức nhỏ lẻ, truyền thống, ngại thay đổi, ngại tiếp cận công nghệ thông tin trong quản lý, điều hành.

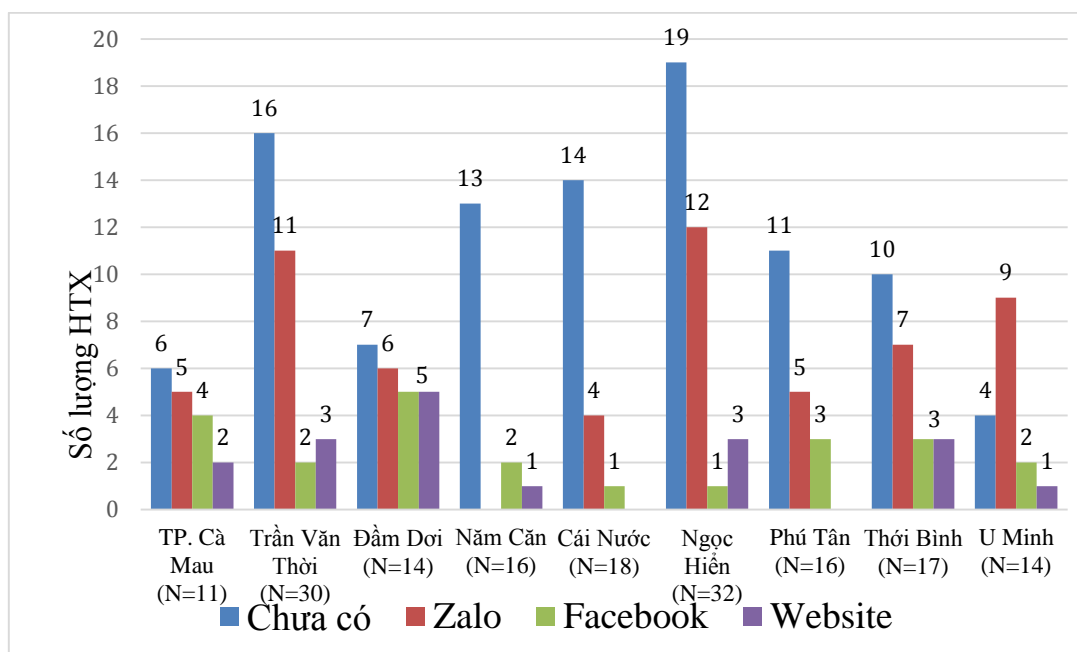
- Trình độ tiếp cận thị trường chậm, khoa học công nghệ còn kém, chủ yếu dựa vào kinh nghiệm trong sản xuất, chưa qua đào tạo về công nghệ thông tin nên gặp khó khăn trong việc tiếp cận và thực hiện quá trình chuyển đổi số.

- Đa số các HTX nằm cách xa trung tâm huyện, xã nên cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin của HTX còn lạc hậu; nhiều HTX còn chưa có máy tính, thiết bị kết nối mạng internet và còn xa lạ với các phần mềm, tiện ích như: phần mềm kế toán, quản lý sản xuất, phần mềm quản lý bán hàng...

- Năng lực tài chính chưa đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số.

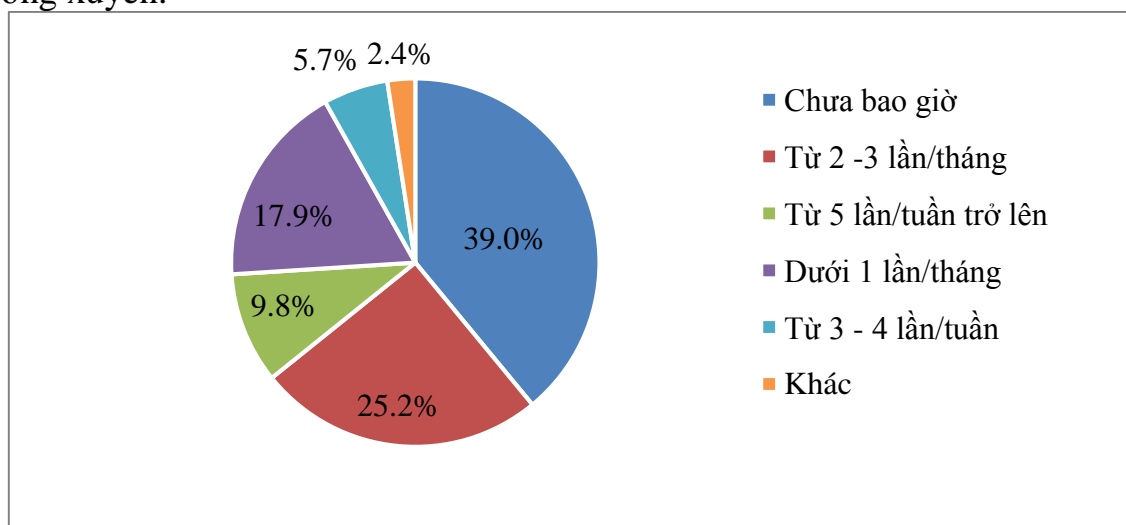
❖ Kết quả khảo sát thực tế tại các HTX điển hình trên địa bàn tỉnh

Đa số HTX được khảo sát trên địa bàn tỉnh chưa có nền tảng số cho hoạt động kinh doanh, quản lý và điều hành. Phần lớn HTX quản lý và kết nối qua ứng dụng Zalo, một số rất ít HTX có Facebook hay Website.



Hình 32. Nền tảng số của các HTX

Mức độ cập nhật tin tức của những HTX có nền tảng số tương đối chậm, tỷ lệ chưa bao giờ cập nhật chiếm cao nhất đến 39% và còn lại đa số HTX không cập nhật thường xuyên.



Hình 33. Mức độ cập nhật tin tức lên các nền tảng số của HTX

7. Thực trạng ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp

Thực tế, ngành nông nghiệp tỉnh Cà Mau đã ứng dụng mạnh mẽ các công nghệ tiên tiến, công nghệ cao vào sản xuất nông nghiệp như: Ứng dụng công nghệ vi sinh trong nuôi trồng thủy sản; ứng dụng quy trình công nghệ biofloc để nâng cao năng suất, chất lượng tôm giống; ứng dụng công nghệ tuần hoàn, semi-biofloc, nuôi 3 giai đoạn đối với các mô hình nuôi tôm siêu thâm canh, quy trình sản xuất đạt chứng nhận hữu cơ, sinh thái, VietGAP, GlobalGAP... Đến nay diện tích nuôi tôm thâm canh, siêu thâm canh của tỉnh đã lên đến trên 7.927ha, với tổng số 11.555 hộ nuôi.

Trong đó, diện tích nuôi tôm siêu thâm canh đạt gần 3.683ha. Nổi bật là tại huyện Phú Tân với gần 900 hộ nuôi tôm siêu thâm canh, tổng diện tích trên 840ha, năng suất từ 20 – 40 tấn/ha. Nhiều hộ có được lợi nhuận từ 500 triệu đồng đến 1 tỷ đồng mỗi vụ.

Tỉnh có hệ thống phần mềm cơ sở dữ liệu chuyên ngành phục vụ quản lý, điều hành và phát triển nông nghiệp được tích hợp trên ứng dụng thiết bị di động và cả website: <http://nongnghiepcamau.vn>, hệ thống này tập trung tạo lập cơ sở dữ liệu với đầy đủ các thông tin về: Cảnh báo thiên tai, giám sát môi trường; giá cả thị trường; thời tiết nông vụ; kỹ thuật sản xuất nông nghiệp; diễn biến về môi trường nước, độ ẩm của đất; nhu cầu sản xuất, kinh doanh nông sản làm cơ sở để xúc tiến thương mại, đầu tư trong tỉnh. Từ đó, công tác quản lý, điều hành của ngành nông nghiệp địa phương cũng trở nên nhanh chóng, chính xác và hiệu quả hơn.

Để đẩy mạnh phát triển thương mại điện tử trong nông nghiệp, UBND tỉnh Cà Mau có kế hoạch thực hiện tiếp cận thị trường theo xu hướng hiện đại thông qua việc tìm kiếm đối tác trên không gian mạng như các website bán hàng trực tuyến lớn trên thế giới như Amazon, Alibaba... Đồng thời, tổ chức các chương trình tập huấn, khóa đào tạo ngắn hạn về ứng dụng thương mại điện tử cho các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh xuất nhập khẩu trên địa bàn tỉnh.

Tỉnh Cà Mau đang đề xuất Trung ương đầu tư cơ sở hạ tầng logistics kết nối liên vùng ĐBSCL. Đặc biệt là việc kiến nghị Thủ tướng Chính phủ cho phép tỉnh Cà Mau điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030, trong đó có chuyển mục đích sử dụng đất để xây dựng vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Khánh Lâm, huyện U Minh. Tuy nhiên, trình độ ứng dụng khoa học công nghệ trong sản xuất nông nghiệp của tỉnh vẫn còn nhiều hạn chế, còn khoảng cách khá xa so với nhiều địa phương trên toàn quốc, hàm lượng khoa học công nghệ của sản phẩm chưa cao, chưa đáp ứng được yêu cầu chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp đạt hiệu quả cao và bền vững. Cụ thể như:

+ Việc áp dụng quy trình sản xuất, tiêu chuẩn kỹ thuật còn hạn chế, do một số quy trình sản xuất chưa phù hợp với điều kiện thực tế.

+ Vấn đề quản lý chất lượng giống, vật tư nông nghiệp, sản phẩm làm ra còn nhiều hạn chế bất cập, giá sản phẩm đầu ra không ổn định, người sản xuất thường thua lỗ nên việc đầu tư phát triển chăn nuôi còn rất hạn chế.

+ Việc ứng dụng công nghệ chế biến sâu các sản phẩm nông, lâm sản chậm phát triển do chi phí đầu tư lớn (trừ một số ít sản phẩm tôm xuất khẩu).

8. Thực trạng năng lực sơ chế, chế biến và bảo quản nông sản của HTX

Hoạt động hỗ trợ năng lực sơ chế, chế biến và bảo quản nông sản của HTX hiện được quan tâm và tạo điều kiện phát triển cao, cụ thể:

- Hỗ trợ kinh phí để thực hiện hỗ trợ tem truy xuất nguồn gốc sản phẩm, bao bì nhãn hiệu hàng hóa sản phẩm tiêu biểu.

- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hỗ trợ thực hiện tư vấn đăng ký bảo hộ nhãn hiệu tập thể Logo đối với 06 HTX với kinh phí 471,87 triệu đồng, đồng thời hỗ trợ xây dựng thiết kế mẫu mã bao bì và tư vấn đăng ký bảo hộ mẫu mã bao bì nhãn hiệu tập thể của 15 sản phẩm cho 15 HTX với kinh phí 280 triệu đồng.

- Sở Khoa học và Công nghệ thường xuyên hướng dẫn xây dựng, áp dụng tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia cho các HTX, hướng dẫn lập hồ sơ đăng ký mã vạch và hỗ trợ kinh phí chứng nhận “Hệ thống quản lý chất lượng theo TCVN ISO 22000-2005, “Hệ thống quản lý an toàn thực phẩm”; đã bảo hộ 19 nhãn hiệu; đang thực hiện dự án xây dựng bảo hộ nhãn hiệu chứng nhận cho sản phẩm Muối trắng Tân Thuận - Đầm Dơi với kinh phí 315 triệu đồng. Đến nay, Cục Sở hữu trí tuệ cấp 02 văn bằng sáng chế; 03 văn bằng giải pháp hữu ích, 10 văn bằng kiểu dáng công nghiệp, 281 văn bằng bảo hộ nhãn hiệu.

- Trung tâm Khuyến công thường xuyên hỗ trợ các HTX đầu tư máy móc, thiết bị tiên tiến, công nghệ sấy tôm khô sử dụng năng lượng mặt trời; hỗ trợ thiết kế bao bì, đóng gói sản phẩm đáp ứng nhu cầu của thị trường trong và ngoài nước với 13 lượt HTX với kinh phí gần 1.176 triệu đồng.

9. Thực trạng quản lý tiêu chuẩn chất lượng nông sản trong HTX

- Mô hình tôm – lúa đạt chuẩn VietGAP đang là hướng đi mới giúp nền nông nghiệp địa phương khắc phục được nhiều hạn chế. Đây là dự án thuộc Chương trình nông thôn miền núi đã được Bộ Khoa học và Công nghệ phê duyệt và ủy quyền địa phương quản lý.

- Mô hình sản xuất cánh đồng lớn lồng ghép các tiến bộ kỹ thuật 3 giảm, 3 tăng theo chuẩn VietGAP. Đồng thời, Cà Mau còn xây dựng vùng canh tác lúa hữu cơ đã được chứng nhận theo tiêu chuẩn Hoa Kỳ và châu Âu.

- Triển khai mô hình sản xuất lúa an toàn; quy hoạch các điểm đang sản xuất lúa chất lượng cao, sản xuất lúa theo tiêu chuẩn VietGAP để xây dựng vùng sản xuất lúa sạch; quy hoạch vùng bảo vệ đất đai, nguồn nước, hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn sản xuất, chế biến, chứng nhận chất lượng.

- Cà Mau có gần 40.000 ha lúa sinh thái trên đất nuôi tôm đã được cấp nhãn hiệu chứng nhận và có gần 800 ha lúa được cấp chứng nhận tiêu chuẩn hữu cơ trong nước và quốc tế; có trên 19.000 ha tôm - rừng được chứng nhận tôm sinh thái; xây dựng được trên 20.000 ha vùng lúa an toàn chất lượng cao; thực hiện trên 10 liên kết sản xuất và tiêu thụ lúa an toàn, lúa hữu cơ theo chuỗi giá trị. Phát triển 8 nhãn hiệu gạo địa phương, trong đó có 2 nhãn hiệu gạo hữu cơ. Điển hình là mô hình lúa hữu cơ của HTX Dịch vụ Nông nghiệp và Thủy sản Ông Muộn, xã Lý Văn Lâm, thành phố Cà Mau, với quy mô 50ha đã chứng nhận đạt tiêu chuẩn TCVN 11041:2017.

10. Thực trạng triển khai, quản lý và sử dụng mã vùng trồng trong HTX

Cà Mau hiện có 02 mã số vùng trồng trên cây chuối già Nam Mỹ tại xã Khánh Thuận, huyện U Minh và hiện đang xây dựng, thiết lập cấp 30 - 40 mã số vùng trồng, 01 mã số cơ sở đóng gói trên cây lúa; 08 - 10 mã số vùng trồng, 01 mã số cơ sở đóng

gói trên rau màu; 05 - 07 mã số vùng trồng, 01 mã số cơ sở đóng gói cây ăn trái; 03 - 05 mã số vùng trồng, 01 mã số cơ sở đóng gói trên cây được liệt kê”.

11. Thực trạng phát triển HTX gắn với OCOP và du lịch nông thôn

Tháng 4/2020, tỉnh Cà Mau triển khai Chương trình OCOP, xác định là chương trình trọng tâm phát triển kinh tế khu vực nông thôn theo hướng phát huy nội lực và gia tăng giá trị; là giải pháp và nhiệm vụ quan trọng trong thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng Nông thôn mới. Do đó, tỉnh đã phát huy vai trò của hệ thống chính trị, các ngành, các cấp, lồng ghép triển khai cùng với các chương trình đã thực hiện như Chương trình Mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới, Đề án tái cơ cấu nông nghiệp và Chương trình khởi nghiệp để tạo được bước đột phá về chất lượng và số lượng sản phẩm được công nhận từ 3 sao trở lên.

Tận dụng lợi thế của địa phương, tỉnh đã tạo điều kiện, hỗ trợ người dân và các cơ sở sản xuất, HTX, doanh nghiệp phát triển nhiều sản phẩm OCOP mang đặc trưng, đặc sản nổi tiếng của vùng đất Cà Mau như: Cá khô bô, ba khía muối, chả cá phi, dưa bòn bòn, bánh phồng hầu, gạo, chuối sấy... Đặc biệt, các sản phẩm làm từ tôm như: Bánh phồng tôm, tôm khô, tôm rang, chà bông tôm, tôm khô sinh thái, tôm xẻ, tôm khô tách vỏ...

Từ năm 2020 đến ngày 4/12/2024 có 164 sản phẩm OCOP/78 chủ thể (trong đó: có 29 sản phẩm đạt 4 sao và 135 sản phẩm đạt 3 sao). Qua kết quả khảo sát cho thấy, các sản phẩm OCOP sau khi được công nhận có doanh thu tăng khoảng 10-30%, hầu hết giá bán sản phẩm tăng 20%, cá biệt có một số sản phẩm giá bán tăng 25-30%; tạo việc làm và thu nhập ổn định cho nhiều người lao động. Hiện có 09 điểm giới thiệu, bán sản phẩm OCOP và 15 cửa hàng tiện lợi bán các sản phẩm đặc sản, đặc trưng, OCOP của tỉnh; vận hành Sàn thương mại điện tử tỉnh tại địa chỉ madeincamau.com với hơn 300 sản phẩm OCOP, sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu qua các năm được bày bán trên sàn. Hiện nhiều sản phẩm đã được tiêu thụ trong hệ thống siêu thị: Tập đoàn Central Retail Việt Nam, Saigon Coop, trên các sàn thương mại điện tử như: Tiki, Lazada, Sendo, Chợ tốt...

Tuy nhiên cũng còn không ít những khó khăn, hạn chế trong việc phát triển HTX gắn với chương trình OCOP cụ thể như:

- Khó khăn nhất đối với các chủ thể tham gia chương trình OCOP vẫn là hồ sơ, giấy tờ. Nhiều HTX không có lực lượng làm hành chính văn phòng cần thiết để đáp ứng được yêu cầu này.
- Nguồn lực triển khai chương trình còn hạn chế, đa phần phải lồng ghép.
- Công tác đào tạo nâng cao năng lực cho các chủ thể OCOP còn yếu, cần được chú trọng nhiều hơn.

Việc phát triển du lịch nông thôn theo mô hình liên kết hiện được xác định là một trong những động lực thúc đẩy xây dựng nông thôn mới bền vững ở Cà Mau. Những mô hình này không chỉ đánh thức tiềm năng ở vùng sông nước mà còn giúp nhiều lao động nông thôn có việc làm, thu nhập nhưng không phải xa quê hương. Nổi bật hiện tại như các mô hình du lịch nông thôn của các HTX:

- Ở đất rừng U Minh Hạ, người dân đã tận dụng lợi thế của thiên nhiên, của giá trị văn hóa để phát triển du lịch sinh thái cộng đồng. Vùng đệm đất rừng U Minh Hạ hiện đã hình thành nhiều điểm du lịch sinh thái như HTX Trang Trại Xanh (ở xã Nguyễn Phích, huyện U Minh), Vườn cò Tư Sự (xã Biên Bạch Đông, huyện Thới Bình)...

- Ở huyện Ngọc Hiển, là huyện ở cực nam của Tổ quốc, nơi có cột mốc tọa độ quốc gia, mốc điểm cuối đường Hồ Chí Minh, cột cờ Hà Nội, đền thờ Lạc Long Quân, tượng Mẹ, biểu tượng Con Cua... được sự quan tâm của các cấp chính quyền, các cơ quan quản lý đẩy mạnh đầu tư phát triển hoàn thiện hạ tầng giao thông nhằm tạo điều kiện phát triển du lịch sinh thái cộng đồng ở địa phương.

Những mô hình này đang là một trong những giải pháp căn cơ góp phần phát huy lợi thế, giá trị khác biệt của nông nghiệp, nông thôn và nông dân. Thông qua đó người dân, HTX được hỗ trợ nhiều mặt để làm du lịch như: hỗ trợ liên kết phát triển HTX, tổ hợp tác, đào tạo nguồn nhân lực, xây dựng phát triển sản phẩm đặc trưng, xúc tiến thương mại, liên kết với doanh nghiệp...

12. Thực trạng liên kết sản xuất và tiêu thụ nông sản theo chuỗi giữa doanh nghiệp và HTX

Liên kết sản xuất và tiêu thụ nông sản theo chuỗi giá trị tại Cà Mau đang ngày càng được chú trọng, mang lại hiệu quả cho các bên tham gia. Các hộ dân và HTX sản xuất nông nghiệp, đặc biệt là nuôi tôm, nhận được sự hỗ trợ từ các doanh nghiệp cung ứng vật tư, bao tiêu đầu ra. Các doanh nghiệp cũng đang mở rộng liên kết sản xuất đối với các chuỗi có hiệu quả. Các cơ quan quản lý, tổ chức phi chính phủ và doanh nghiệp chế biến, xuất khẩu đều tích cực phối hợp để xây dựng vùng nguyên liệu có chứng nhận, cụ thể:

- Ngành tôm: Đã hỗ trợ 8 công ty chế biến xuất khẩu thủy sản trong và ngoài nước (như Blueyou) thực hiện các tiêu chuẩn quốc tế. Cà Mau mở rộng diện tích liên kết sản xuất tôm - rừng và tôm - lúa lên 28.763 ha, trong đó có 19.590 ha đạt chứng nhận tiêu chuẩn quốc tế như Naturland, EU Organic, ASC, BAP, Seafood Watch,... chiếm 7% diện tích nuôi tôm của tỉnh. Ngoài ra, diện tích tôm - lúa ở huyện Thới Bình cũng đã tăng thêm 9.089 ha, đạt tổng diện tích liên kết 28.763 ha.

- Ngành cua: Tỉnh Cà Mau hiện chỉ có một số hợp đồng liên kết sản xuất giữa người nuôi và doanh nghiệp, chủ yếu là với Công ty CP Quốc Tế Logistics Hoàng Hà. Công ty này đã ký kết hợp đồng tiêu thụ sản phẩm cua với HTX Dân Phát, Hòa Phát và các đại lý thu mua như Ngọc Ngà, Trí Dũng ở khu vực Năm Căn. Sắp tới, công ty dự định sẽ tiếp tục ký kết với nhiều HTX và đại lý phân phối khác.

- Ngành lúa gạo: Tỉnh Cà Mau hiện có 44 liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm lúa gạo, bao gồm 9 công ty và 33 HTX/THT, với tổng diện tích lên tới 7.135,7 ha. Trong đó, 673,5 ha là lúa hữu cơ (với chứng nhận TCVN và quốc tế như USDA, EU, JAS), 6.462,2 ha là lúa an toàn và đạt chuẩn VietGAP. Tổng sản lượng của các vùng liên kết này đạt 32.738 tấn.

- Ngành gỗ: Tỉnh Cà Mau duy trì 2 liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm gỗ, với diện tích 128 ha và sản lượng gỗ liên kết đạt 26.000 m³, chiếm khoảng 3,1% diện tích và 6,32% sản lượng gỗ khai thác của toàn tỉnh.

- Ngành chăn nuôi heo: Các doanh nghiệp trong tỉnh hiện đang liên kết với 7 doanh nghiệp ngoài tỉnh để thực hiện mô hình chăn nuôi gia công. Tổng quy mô chăn nuôi lên đến 29.100 con heo, chiếm 32% tổng đàn của tỉnh. Trong đó, 4 doanh nghiệp đã được hỗ trợ theo Nghị định 210/2013/NĐ-CP của Chính phủ với tổng kinh phí hơn 15 tỷ đồng.

Những mô hình liên kết sản xuất này không chỉ giúp tăng trưởng hiệu quả kinh tế mà còn đảm bảo chất lượng sản phẩm và mở rộng thị trường tiêu thụ cho nông sản Cà Mau. Tuy nhiên liên kết sản xuất và tiêu thụ nông sản theo chuỗi giữa doanh nghiệp và HTX vẫn còn những hạn chế, khó khăn sau:

- Việc liên kết sản xuất và tiêu thụ theo mô hình "4 nhà" tại Cà Mau vẫn gặp nhiều khó khăn. Mỗi liên kết giữa doanh nghiệp và HTX còn lỏng lẻo, hợp đồng bao tiêu chưa rõ ràng và dễ bị phá vỡ.

- Vai trò của chính quyền địa phương trong việc giải quyết tranh chấp hợp đồng chưa được tích cực, dẫn đến tình trạng hợp đồng bị phá vỡ khi có biến động về giá và thị trường.

- Ngoài ra, sản xuất nhỏ lẻ, thiếu vốn, tập quán canh tác lạc hậu và thiếu năng lực quản lý của nông dân, HTX đã ảnh hưởng đến hiệu quả liên kết. Doanh nghiệp thường duy trì kết nối với thương lái thay vì thu mua trực tiếp từ nông dân, đồng thời thiếu chính sách khuyến khích các bên tham gia mô hình liên kết. Chính quyền địa phương chưa đủ quan tâm để thu hút đầu tư vào chuỗi giá trị.

- Trong ngành tôm, đầu tư vào chế biến và bảo quản còn thiếu, làm giảm giá trị gia tăng, khiến sức cạnh tranh của tôm Cà Mau nói riêng và tôm Việt Nam nói chung còn thấp.

13. Thực trạng hạ tầng sản xuất của HTX

Những năm qua tỉnh Cà Mau luôn quan tâm thực hiện các chính sách hỗ trợ, nâng cao chất lượng hoạt động cho HTX, nhất là đối với việc đầu tư phát triển hạ tầng sản xuất của HTX. Những hoạt động hỗ trợ về hạ tầng thường xuyên được tổ chức triển khai như:

- Hỗ trợ công tác quản lý vận hành, khai thác hệ thống công trình thủy lợi cho các hộ dân và HTX trong vùng sản xuất. Thực hiện nhiệm vụ quản lý, khai thác sử dụng 214 cống và 07 trạm bơm. Hiện các cống vùng ngọt thuộc huyện Trần Văn Thời và huyện U Minh đang vận hành theo con nước triều để tiêu nước. Các cống vùng mặn trên địa bàn Đầm Dơi, Phú Tân vận hành ngăn triều theo yêu cầu của địa phương; các cống trên địa bàn huyện Cái Nước, Thới Bình và thành phố Cà Mau chưa có yêu cầu vận hành.

- Thực hiện 85 công trình như duy tu sửa chữa bờ bao, nạo vét kênh, sửa chữa các công, đo đạc cắm mốc các công, xây dựng định mức kinh tế kỹ thuật, lập quy trình vận hành 2 tiểu vùng.

- Vận hành khai thác 25 công trình cấp nước tập trung nông thôn và thực hiện nhiệm vụ quản lý các chương trình dự án về nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn.

- Dự án đầu tư nâng cấp, mở rộng hệ thống nước nối mạng ấp Ông Tự, xã Lợi An, huyện Trần Văn Thời: Tiến độ thi công đạt 60% khối lượng hợp đồng.

Bên cạnh những kết quả đạt được, trong thực hiện chính sách hỗ trợ phát triển kết cấu hạ tầng cho HTX trên địa bàn tỉnh vẫn còn tồn tại một số khó khăn, vướng mắc như:

- Đa phần các HTX trên địa bàn tỉnh Cà Mau có quy mô siêu nhỏ, vốn điều lệ ít nên khó đáp ứng về điều kiện thụ hưởng chính sách.

- Đất đai xây dựng các công trình hạ tầng của HTX không có mà phải đi thuê, đất quy hoạch xây dựng cơ sở hạ tầng cho HTX chưa được quan tâm đúng mức.

- Việc tiếp cận các nguồn vốn tín dụng ưu đãi để sản xuất, kinh doanh, đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng; đất đai để mở rộng nhà xưởng, hạng mục công trình của các HTX còn khó khăn.

- Tính kết nối liên xã, liên vùng đối với các sản phẩm nông nghiệp chủ lực gắn với hạ tầng nông thôn chưa tạo được hiệu quả.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ TẬP THỂ, HỢP TÁC XÃ NÔNG NGHIỆP TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

1. Những kết quả đạt được

Đến nay, nhận thức của các ngành, các cấp về KTTT đã có một số chuyển biến đáng kể; cán bộ, thành viên HTX và người nông dân hiểu rõ hơn về mô hình HTX kiểu mới; các cấp ủy đảng, chính quyền địa phương đã có sự quan tâm đến việc chỉ đạo phát triển KTTT.

Nhiều chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước về phát triển KTTT ngày càng hoàn thiện, tạo sự nhất quán trong nhận thức của cán bộ đảng viên và nhân dân. Một số cơ chế chính sách khuyến khích đối với KTTT đã phát huy tác dụng, tạo động lực cho sự phát triển mô hình HTX hiện nay. Ban chỉ đạo đổi mới, phát triển KTTT, HTX các cấp được củng cố, kiện toàn về tổ chức hoạt động, nên công tác quản lý nhà nước về KTTT bước đầu đã đạt được những kết quả nhất định.

Các HTX đã thoát khỏi tình trạng yếu kém và phát huy tốt vai trò, đem lại lợi ích và thu nhập cho thành viên. Một số HTX đã dần thích nghi với cơ chế thị trường. Hội đồng quản trị của các HTX đã linh động trong quản lý điều hành, ký kết hợp đồng với các đối tác, tiếp thị quảng bá thương hiệu sản phẩm; bước đầu đã hình thành được một số HTX kiểu mới theo hướng liên doanh - liên kết trong sản xuất, tiêu thụ hàng hóa cho thành viên, phát huy được vai trò sức mạnh của đơn vị góp

phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Các HTX hoạt động với nhiều loại hình sản xuất kinh doanh đa dạng, phong phú góp phần hỗ trợ kinh tế hộ phát triển; nhiều ban quản lý HTX cùng với thành viên và người lao động luôn chủ động phát triển sản xuất, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất kinh doanh mang lại hiệu quả kinh tế cao. Bên cạnh đó giải quyết được số lượng lớn lao động nhàn rỗi ở nông thôn, tạo được công ăn việc làm, nâng cao thu nhập, chất lượng đời sống người dân ngày càng ổn định.

Bên cạnh kết quả đạt được vẫn còn những khó khăn, hạn chế cần tiếp tục khắc phục, thúc đẩy phát triển KTTT trong giai đoạn mới.

2. Hạn chế, tồn tại

- Nhận thức về HTX kiểu mới và Luật HTX năm 2012 của một số ít cán bộ đảng viên và nhân dân tại các xã, phường, thị trấn chưa đầy đủ về vai trò của KTTT trong liên kết sản xuất, phát triển kinh tế, tầm quan trọng của KTTT trong nền kinh tế thị trường, sản xuất hàng hóa với quy mô lớn.

- Công tác tuyên truyền, vận động thành lập HTX của một số cán bộ cấp cơ sở còn đơn giản về hình thức, chưa đa dạng về nội dung nên người dân chưa thấy được sự cần thiết phải liên kết sản xuất, thành lập HTX; dẫn đến trường hợp một số HTX thành lập theo số lượng, theo phong trào khi chưa đầy đủ các yếu tố cần thiết, chưa có mục đích hoạt động, điều lệ chung chung, không có phương án sản xuất kinh doanh (có cũng chỉ là hình thức).

- Một số cấp ủy đảng, chính quyền cơ sở chưa quan tâm đúng mức trong chỉ đạo phát triển KTTT; một số nơi còn buông lỏng chức năng quản lý về KTTT, HTX, chưa rạch ròi phân định HTX nông nghiệp và Phi nông nghiệp; các số liệu có liên quan đến KTTT như vốn điều lệ, thu nhập bình quân...; việc đánh giá, xếp loại hàng năm chưa đúng thực hiện đúng quy trình, xếp loại cảm tính chưa đúng thực chất.

- THT được thành lập trên cơ sở tự nguyện, hợp đồng hợp tác và không có tư cách pháp nhân trong quan hệ dân sự nên hoạt động của mô hình này còn nhiều khó khăn, hạn chế. Hầu hết các THT và HTX có quy mô siêu nhỏ không thể hiện được tính tập thể, hoạt động mang hình thức, không đúng luật.

- Chất lượng cán bộ quản lý THT, HTX chưa đạt yêu cầu cho công tác quản lý, điều hành hoạt động (nhiều thành viên lớn tuổi nhưng chưa có lực lượng trẻ, có kinh nghiệm kế thừa); Điều lệ, Phương án sản xuất kinh doanh của các HTX chỉ là hình thức làm thủ tục thành lập không áp dụng vào thực tiễn nhất là Phương án sản xuất kinh doanh, chưa có phương án tài chính rõ ràng nên khó tiếp cận các chính sách hỗ trợ về vốn, đất đai, hỗ trợ hạ tầng. Thành viên chưa nhìn thấy được khả năng mang đến lợi ích, lợi nhuận.

- Hầu hết các thành viên HTX không góp vốn điều lệ, hình thức góp vốn bằng tài sản, hiện vật, trí tuệ... chưa được áp dụng, các HTX không báo cáo điều chỉnh vốn khi hết thời hạn quy định góp vốn. Hầu hết các HTX không có Quy chế quản lý tài chính nên chưa tạo dựng được niềm tin đối với thành viên khi góp vốn.

- Hầu hết các HTX chưa tổ chức được liên kết sản xuất, một số có liên kết thì còn manh mún, nhỏ lẻ, dịch vụ đầu vào còn hạn chế, tiêu thụ đầu ra chưa ổn định. Chưa có nhiều mô hình sản xuất bền vững, áp dụng khoa học và công nghệ, nâng cao giá trị sản phẩm để các thành viên triển khai sản xuất; chưa có điều kiện xây dựng thương hiệu, nâng cao giá trị gia tăng cho sản phẩm của HTX. Các HTX làm ăn có hiệu quả thường hoạt động chưa đúng luật, mang tính chất kinh tế tư nhân.

- Công tác quản lý nhà nước, hỗ trợ phát triển HTX chưa tập trung đầu mối, còn chông chéo tại nhiều ngành, đơn vị; một số cán bộ phụ trách phát triển KTTT chưa thật sự tâm huyết trong thực hiện nhiệm vụ. Phần lớn chưa được bồi dưỡng về KTTT nên còn gặp nhiều khó khăn trong công tác quản lý, hỗ trợ phát triển KTTT. Số lượng cán bộ, công chức phụ trách về KTTT tại cấp cơ sở còn thiếu, yếu nên chưa thực hiện tốt nhiệm vụ được giao. Chưa thường xuyên sơ, tổng kết mô hình sản xuất, mô hình hoạt động HTX có hiệu quả để kịp thời nhân rộng.

- Thủ tướng Chính phủ đã ban hành 02 Quyết định về KTTT, HTX như: Quyết định số 1804/QĐ-TTg ngày 13/11/2020 phê duyệt Chương trình hỗ trợ phát triển KTTT, HTX giai đoạn 2021-2025, Quyết định số 340/QĐ-TTg ngày 12/3/2021 phê duyệt Chiến lược phát triển KTTT, HTX giai đoạn 2021-2030. Tuy nhiên đến nay các bộ, ngành vẫn chưa ban hành các văn bản triển khai đồng bộ, đặc biệt là Bộ Tài chính chưa hướng dẫn cơ chế tài chính, quản lý, sử dụng kinh phí của Chương trình nên việc triển khai thực hiện còn nhiều khó khăn, vướng mắc. Một số chính sách chậm hướng dẫn thực hiện, chậm bổ sung sửa đổi nên khi triển khai thực hiện còn nhiều chông chéo, vướng mắc.

3. Nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế

- Bộ máy quản lý KTTT các cấp chưa phù hợp; năng lực cán bộ cấp cơ sở còn hạn chế. Một vài nơi chưa quan tâm đúng mức việc xây dựng kế hoạch phát triển HTX, liên hiệp HTX hàng năm; chưa lồng ghép vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội chung của ngành, đơn vị.

- Công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý HTX hiệu quả chưa cao, chưa có nhiều cán bộ trẻ được đào tạo cơ bản về công tác tại các HTX. Chưa có nhiều cán bộ trẻ được đào tạo cơ bản về công tác tại các HTX.

- THT quy mô nhỏ, công tác tổ chức quản lý và điều hành còn giản đơn, số lượng thành viên THT ít; hoạt động sản xuất, kinh doanh chỉ dừng lại ở mức độ học tập, trao đổi kinh nghiệm; nhiều THT hoạt động không thường xuyên, chỉ theo mùa vụ, tự phát, thiếu hướng dẫn, tư vấn; tổ chức của THT thiếu chặt chẽ, ít có mối quan hệ hoặc quan hệ hợp tác lỏng lẻo, không ổn định; chưa có kế hoạch, phương án hoạt động cụ thể nên thường bị động trong việc thực hiện các dịch vụ đầu vào, đầu ra cho sản phẩm của các thành viên; hoạt động sản xuất, kinh doanh thường tập trung một ngành nghề, chưa thật sự đầu tư và mở rộng thêm các mô hình sản xuất, kinh doanh ở các lĩnh vực khác.

- Năng lực nội tại của nhiều HTX còn yếu kém, thiếu nguồn lực cho đầu tư sản xuất kinh doanh. Nhiều HTX thiếu đội ngũ cán bộ quản lý, cán bộ chuyên môn;

máy móc, thiết bị, hạ tầng sản xuất, chế biến, bảo quản và thương mại sản phẩm nông nghiệp nên hiệu quả sản xuất, kinh doanh chưa cao; chưa thể hiện được vai trò kết nối doanh nghiệp trong sản xuất tiêu thụ sản phẩm cho thành viên và nông dân.

- Các chính sách hỗ trợ phát triển HTX đã có nhưng chưa thật sự đồng bộ, việc triển khai còn có nhiều khó khăn nhất là vấn đề đất đai trong hỗ trợ đầu tư hạ tầng. Chính sách tín dụng còn nhiều hạn chế, các HTX khó tiếp cận được các nguồn vốn. Đối với các THT chưa có chính sách hỗ trợ cụ thể nên chưa được thụ hưởng, khó tiếp cận nguồn vốn dẫn đến khó khăn trong việc sản xuất kinh doanh, tiêu thụ sản phẩm của THT, HTX.

- Nguồn ngân sách tỉnh vẫn còn hạn chế, chủ yếu là kinh phí lồng ghép vào các Chương trình, dự án nên chưa đáp ứng nhu cầu hỗ trợ của các HTX.

IV. CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG VÀ CƠ HỘI, THÁCH THỨC TRONG PHÁT TRIỂN KINH TẾ TẬP THỂ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

1. Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến phát triển KTTT trên địa bàn tỉnh

1.1. Điểm mạnh

- Nhận được sự quan tâm của Trung ương, sự lãnh đạo, chỉ đạo sâu sát của Tỉnh ủy, UBND tỉnh và sự vào cuộc quyết liệt của cả hệ thống chính trị; Ban Chỉ đạo đổi mới, phát triển KTTT, HTX các cấp được củng cố, kiện toàn về tổ chức hoạt động, công tác quản lý KTTT bước đầu đã đạt được những kết quả nhất định, các HTX đã phát huy sức mạnh của các thành viên cùng nhau thực hiện các hoạt động sản xuất kinh doanh, tăng sức cạnh tranh, nâng cao thu nhập cho xã viên và người lao động, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- Với điều kiện, vị trí đặc thù và là 01 trong 04 tỉnh của vùng kinh tế trọng điểm ĐBSCL có 03 mặt giáp biển, chiều dài bờ biển 254 km, chiếm 8% chiều dài bờ biển cả nước, tỉnh Cà Mau tham gia phát triển các HTX, liên hiệp HTX với những thuận lợi nhất định, điều kiện khí hậu, đất đai thích hợp cho việc phát triển đa dạng cây trồng, vật nuôi.

- Nhiều tuyến giao thông đường bộ ở các xã đã và đang được đầu tư nâng cấp; cùng với hệ thống giao thông thủy rộng khắp tạo điều kiện cho giao lưu hàng hóa tiếp cận thị trường trong tỉnh và các tỉnh trong khu vực. Nhiều xã có nền kinh tế chuyển dịch đúng hướng, tốc độ tăng trưởng khá, năm sau cao hơn năm trước.

- Có nguồn lao động trẻ dồi dào, là nguồn lực lớn để khai thác tiềm năng và phát triển kinh tế - xã hội.

- Hoạt động của các HTX có chuyển biến theo hướng tích cực, năng lực trong sản xuất kinh doanh được cải thiện, các HTX có ý thức trong việc xây dựng chuỗi liên kết trong sản xuất kinh doanh, mang lại thu nhập cho thành viên HTX. Có nhiều sản phẩm nông nghiệp chất lượng cao có thể phát triển lên quy mô sản xuất hàng hóa.

- Một số HTX hoạt động có hiệu quả khi Hội đồng quản trị ổn định, cán bộ quản lý nhiệt tình, thực hiện chế độ báo cáo, họp định kỳ theo quy định, có tổ chức

đại hội xã viên hàng năm; có chú ý công tác phát triển xã viên, huy động được vốn điều lệ và các nguồn vốn tự có trong nội bộ HTX; quan tâm chăm lo và cải thiện đời sống thành viên; các thành viên HTX khi tham gia được nâng cao giá trị sản xuất nông nghiệp so với trước khi tham gia; bên cạnh đó, một số HTX và tổ chức kinh tế hợp tác cùng nhau đóng góp xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn, hỗ trợ vốn, giống cho các thành viên gặp khó khăn trong sản xuất,... góp phần ổn định đời sống của thành viên HTX và phát triển kinh tế tại địa phương.

1.2. Điểm yếu

- Nông thôn của tỉnh hầu hết là vùng sâu, vùng xa, hạ tầng giao thông, thủy lợi yếu kém, suất đầu tư xây dựng cao hơn nhiều so với các tỉnh khác nên sản xuất ngư, nông, lâm nghiệp còn phụ thuộc vào thiên nhiên, giao thương, đi lại khó khăn.

- Nông dân sản xuất ngư, nông, lâm nghiệp quy mô nhỏ lẻ, tự phát; KTTT chậm phát triển, nên năng suất, sản lượng, giá trị hàng hóa nông sản còn thấp, không ổn định; nhiều sản phẩm nông sản bán ra thị trường ở dạng sơ chế hoặc nguyên liệu thô, mẫu mã đơn giản, chưa có thương hiệu, nhãn mác nên khả năng cạnh tranh thấp, giá trị gia tăng chưa cao.

- Công tác tuyên truyền về chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về vai trò, bản chất và tầm quan trọng của thành phần KTTT, Luật HTX cũng như các chính sách liên quan chưa có sự phối hợp chặt chẽ của cơ quan cấp tỉnh; chưa sâu rộng đến tận quần chúng nhân dân, do đó phần lớn người dân ở nông thôn vẫn còn tâm lý hoài nghi về HTX; bộ phận lợi dụng chính sách ưu đãi của Nhà nước cho HTX, thành lập HTX để nhận sự hỗ trợ từ Nhà nước.

- Các chính sách khuyến khích phát triển chưa được triển khai sâu rộng; các HTX rất khó tiếp cận với các chính sách ưu đãi này, nhất là nguồn vốn tín dụng, do phần lớn HTX không có tài sản thế chấp theo quy định.

- Công tác đào tạo, bồi dưỡng cho cán bộ chủ chốt HTX chưa đạt hiệu quả cao; nguyên nhân do nội dung chương trình chưa phù hợp với trình độ cán bộ HTX; nhiều lúc thời gian tổ chức lớp học không phù hợp với thời gian sản xuất; nguồn kinh phí của địa phương hỗ trợ cán bộ HTX tham gia các lớp đào tạo chuyên môn nghiệp vụ rất hạn chế,...

- Hầu hết các HTX nông nghiệp ở tỉnh mới được thành lập, chưa có kinh nghiệm làm ăn tập thể, nên hoạt động còn yếu và chưa đồng đều. Cơ sở vật chất, tài chính, quy mô xã viên, vốn điều lệ còn nhỏ; đa số các HTX chưa có trụ sở làm việc, chưa được giao đất, cho thuê đất (do quỹ đất của địa phương không có).

- Hoạt động của HTX mang còn tính thời vụ; hiệu quả kinh tế, xã hội do làm ăn tập thể mang lại chưa cao; do đó việc mở rộng mô hình HTX nông nghiệp trên địa bàn tỉnh còn gặp nhiều khó khăn, các HTX thiếu liên kết với nhau trong hoạt động sản xuất, cũng như các mặt xã hội khác.

- Công nghiệp, dịch vụ và ngành nghề truyền thống nông thôn chậm phát triển nên chưa thúc đẩy mạnh mẽ chuyển dịch cơ cấu kinh tế và chuyển dịch cơ cấu lao động ở nông thôn, chênh lệch giàu nghèo giữa khu vực nông thôn và thành thị còn

cao, trình độ dân trí khu vực nông thôn vẫn còn thấp; trình độ, năng lực của một bộ phận cán bộ, công chức chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ... Kết quả, hiệu quả và vai trò của loại hình KTTT, nòng cốt là HTX đến nay vẫn chưa được phát huy đúng với tiềm năng và kỳ vọng, do đó vị trí, vai trò của HTX trong nền kinh tế chưa cao.

- Từ nội tại của các HTX:

+ Công tác tổ chức, quản lý, điều hành của một số HTX còn yếu, các điều kiện hoạt động sản xuất kinh doanh không đảm bảo như thiếu vốn, thiếu trang thiết bị, máy móc, chưa áp dụng được tiến bộ khoa học kỹ thuật. Trình độ Hội đồng quản trị, năng lực quản lý của một số Hội Quản trị HTX còn hạn chế, chưa năng động. Một số tổ hợp tác, HTX quy mô nhỏ, hiệu quả kinh doanh không ổn định, chất lượng hoạt động chưa cao. Ban kiểm soát chưa phát huy hết vai trò của mình, trình độ cán bộ kiểm soát còn nhiều hạn chế, chưa thường xuyên kiểm soát hoạt động của HTX, nên hạn chế tính rõ ràng, minh bạch trong quản lý, điều hành HTX từ đó những nguy cơ xấu xảy ra trong quá trình hoạt động chậm được phát hiện. Công tác kế toán, tài chính của HTX chưa được thực hiện nghiêm túc, đúng quy định, do đó chế độ báo cáo của HTX chưa thường xuyên.

+ Bản thân các HTX (Hội đồng quản trị, ban kiểm soát và thành viên HTX) chưa nhận thức đầy đủ quyền và trách nhiệm của mình, vẫn còn trông chờ vào sự giúp đỡ của chính quyền địa phương; Nhiều HTX thành lập với mục đích là nhận sự hỗ trợ của nhà nước mà không quan tâm đến việc tự thân vận động để giúp HTX hoạt động ngày càng hiệu quả.

+ Nguồn lực của một số HTX còn rất hạn chế về vốn, tài sản, cơ sở vật chất, trang thiết bị,... làm ảnh hưởng lớn đến sản xuất kinh doanh, liên kết trong sản xuất. Sự thay đổi nhân sự trong Hội đồng quản trị, công tác quản lý điều hành còn hạn chế, chưa nắm bắt được nhiệm vụ và yêu cầu khi tham gia quản lý, điều hành HTX trong nền kinh tế thị trường hiện nay; thiếu đội ngũ nhân lực quản lý, điều hành có khả năng huy động được vốn góp thành viên để thực hiện phương án sản xuất kinh doanh.

2. Cơ hội và thách thức trong phát triển KTTT trên địa bàn tỉnh

2.1. Cơ hội

- Trung ương tiếp tục ban hành các chủ trương, chính sách tạo môi trường thuận lợi cho việc củng cố, nâng cao hiệu quả hoạt động của các HTX NN góp phần phát triển các HTX NN phát triển đi vào chiều sâu và toàn diện hơn. Yêu cầu sản xuất và tiêu thụ sản phẩm chất lượng, an toàn, đặc biệt là nông sản, thực phẩm là một xu hướng tất yếu, đòi hỏi các HTX phải hợp tác, liên kết sản xuất, thương mại, đẩy mạnh thực hiện liên kết ngang giữa người sản xuất và liên kết dọc theo chuỗi giá trị sản phẩm, đặc biệt là sản phẩm xuất khẩu. Trong liên kết phải lựa chọn các HTX có tính tương đồng trong tổ chức sản xuất cùng một loại sản phẩm hoặc HTX cung ứng những sản phẩm, dịch vụ nhằm phục vụ tốt cho nhu cầu sản xuất của thành viên.

- Đặc biệt chính sách quan tâm thúc đẩy liên kết phát triển kinh tế - xã hội vùng ĐBSCL... sẽ tạo cơ hội cho việc tổ chức sản xuất nâng cao giá trị các ngành hàng và cơ chế để thu hút nguồn lực đầu tư cho vùng. Bên cạnh đó, quan hệ hợp tác, liên kết phát triển của địa phương với các đối tác đầu tư trong và ngoài nước được mở rộng, tạo ra nhiều triển vọng mới cho việc tiêu thụ nông sản của các HTX, nhất là với các đối tác Úc, Nhật Bản, Hàn Quốc, Hà Lan, Đài Loan, Trung Quốc,...

- Cùng việc hội nhập quốc tế sâu rộng, nhất là các Hiệp định song phương, Cộng đồng kinh tế ASEAN (AEC), Hiệp định đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTTP), Hiệp định Thương mại tự do (EVFTA) và Hiệp định bảo hộ đầu tư (IPA) giữa Việt Nam và Liên minh châu Âu (EU) và một số đối tác khác sẽ mở ra những thuận lợi, cơ hội lớn để đẩy mạnh xuất khẩu nhiều mặt hàng nông sản và thủy sản, tham gia sâu hơn vào chuỗi giá trị toàn cầu.

- Các sản phẩm chủ lực của tỉnh đang ngày càng đáp ứng nhu cầu thị trường nhờ vào các yếu tố sinh thái, tự nhiên đặc thù kết hợp khoa học công nghệ tiên tiến, hiện đại.

- Sự năng động, sáng tạo của chính quyền tỉnh trong quản lý điều hành; sự đồng thuận của cả hệ thống chính trị và nhân dân trong thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ tái cơ cấu nông nghiệp mà trọng tâm là phát triển nhanh và bền vững KTTT và HTX.

- Việc tiếp cận và ứng dụng công nghệ 4.0 đang được tỉnh quan tâm khuyến khích ứng dụng trong nông nghiệp.

2.2. Thách thức

- Trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế của nước ta, vừa mang đến cho nông dân, nông nghiệp những triển vọng mới, nhưng đồng thời cũng bắt buộc nông dân đối diện với 04 khó khăn lớn đó là: an toàn thực phẩm, chất lượng, số lượng và giá cả. Hội nhập kinh tế quốc tế sẽ gia tăng sự phụ thuộc của nền kinh tế quốc gia vào thị trường bên ngoài, không thích ứng với tình hình mới và bị tụt hậu ngày càng xa hơn về công nghệ. Bên cạnh đó, việc xóa bỏ hạn ngạch thuế quan cho một số các mặt hàng nông sản có khả năng cạnh tranh thấp sẽ gây ra những tác động tiêu cực đối với sản xuất của người nông dân, nhất là trong bối cảnh các HTX sản xuất nhỏ lẻ, manh mún, giá trị sản xuất nông nghiệp trên 1 ha canh tác còn thấp.

- Cạnh tranh hàng hóa sẽ diễn ra rất gay gắt, cả thị trường trong nước và quốc tế. Những thuận lợi của thời kỳ “cơ cấu dân số vàng” sẽ không còn duy trì được lâu; lợi thế tài nguyên đang giảm dần, tự động hóa và trí tuệ nhân tạo sẽ thay thế nguồn lao động dồi dào trong xã hội, hàng triệu lao động có thể mất và phải chuyển đổi việc làm.

- Quá trình đô thị hóa làm cho diện tích đất nông nghiệp thu hẹp, đất đai còn lại thường có giá trị cao, việc mở rộng hoạt động nông nghiệp của HTX trở nên khó khăn, đòi hỏi đầu tư lớn. Mặt khác, quản lý HTX khu vực ven đô với nhiều loại hình dịch vụ mới cần kiến thức và kỹ năng đa dạng từ quản lý sản xuất, tiếp thị, tài chính đến quản lý nhân lực.

- Biến đổi khí hậu đã và đang đặt ra những thách thức to lớn đối với tất cả các quốc gia trên thế giới, đòi hỏi ngày càng cao về sản phẩm an toàn, chất lượng, an ninh lương thực.

3. Kết luận

Phát triển KTTT và HTX, hội nhập toàn cầu, cạnh tranh, phát triển mô hình HTX trong bối cảnh cách mạng công nghệ 4.0 là nhu cầu tất yếu, cần phải có chiến lược phát triển một cách bền vững. Trong đó phát triển KTTT với nhiều hình thức đa dạng, tập trung phát triển mới HTX ở các vùng nguyên liệu, cánh đồng lớn gắn kết thực hiện các chương trình, dự án của địa phương, góp phần tích cực vào quá trình chuyển đổi cơ cấu kinh tế; xây dựng nông thôn mới; giải quyết việc làm ở địa phương. Cụ thể cần:

- Tập trung khuyến khích phát triển KTTT từ thấp đến cao, không giới hạn về quy mô, địa bàn, ngành nghề, lĩnh vực; thúc đẩy kinh tế hộ phát triển; tăng cường thực hiện sự liên kết giữa kinh tế hộ với KTTT, giữa KTTT với các thành phần kinh tế khác; gắn với chuyển dịch cơ cấu kinh tế, gắn với tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới.

- Tập trung khuyến khích việc liên doanh, liên kết giữa sản xuất với tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi giá trị, tạo được sự an tâm cho thành viên HTX trong quá trình sản xuất, đồng thời tạo được đầu vào, đầu ra sản phẩm ổn định cho HTX nói chung, thành viên HTX nói riêng.

- Tập trung xây dựng các mô hình HTX, THT làm ăn hiệu quả, tổng kết kinh nghiệm và nhân rộng trên địa bàn tỉnh, phấn đấu trong thời gian tới tuyên truyền vận động HTX NN đều tham gia chuyển đổi và ứng dụng công nghệ số vào trong sản xuất và kinh doanh, theo chuỗi giá trị, liên doanh liên kết, đảm bảo đầu vào, đầu ra cho thành viên HTX.

PHẦN THỨ BA
MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP THỰC HIỆN
GIẢI ĐOẠN 2025 – 2030

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Phát triển KTTT trên địa bàn tỉnh gắn với thị trường, gắn với thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, Chương trình OCOP... hiệu quả và bền vững. KTTT và HTX thực sự là thành phần quan trọng trong nền kinh tế với nhiều mô hình liên kết, hợp tác trên cơ sở tôn trọng bản chất, các giá trị và nguyên tắc của KTTT, thu hút nhiều nông dân, hộ kinh doanh cá thể, doanh nghiệp cá nhân và nhiều tổ chức cùng tham gia; nâng cao năng lực của các tổ chức KTTT và HTX nhằm phát huy hơn nữa vai trò liên kết, hợp tác và hỗ trợ thành viên; không ngừng nâng cao thu nhập và chất lượng cuộc sống của các thành viên và cho cả cộng đồng.

2. Mục tiêu cụ thể

Xây dựng các mục tiêu cụ thể cho các giai đoạn phát triển và các chỉ tiêu phát triển từng năm trong giai đoạn, năm 2025, giai đoạn 2026-2027 và giai đoạn 2028 – 2030, cụ thể:

- a) Xây dựng thí điểm 18 mô hình HTX điểm (mỗi huyện 2 mô hình) và 02 liên hiệp HTX điểm.
- b) Xây dựng thí điểm 54 mô hình HTX vệ tinh của các mô hình HTX điểm (mỗi HTX điểm có 03 HTX vệ tinh).
- c) Xây dựng được các HTX có quy mô nhiều thành viên chính thức. Cụ thể, 05 mô hình HTX lớn có từ 500 thành viên; 27 mô hình HTX trung bình có thành viên từ 100-500 thành viên (mỗi huyện 3 HTX).
- d) Tăng số lượng bình quân thành viên/HTX toàn tỉnh đạt 30 thành viên/HTX năm 2025, đạt 50 thành viên/HTX năm 2027 và 70 thành viên/HTX đến năm 2030.
- đ) Tăng vốn điều lệ thực góp bình quân toàn tỉnh thêm 200 triệu đồng/HTX đến năm 2027 và thêm 200 triệu đồng/HTX đến năm 2030.
- e) Hỗ trợ tăng tỷ lệ HTX có trụ sở làm việc lên 50% năm 2027 và 70% năm 2030.
- g) Hỗ trợ HTX có hợp đồng liên kết sản xuất và tiêu thụ với doanh nghiệp đạt 30% đến năm 2027 và 50% đến năm 2030.
- h) Hỗ trợ HTX thực hiện dịch vụ mua chung và dịch vụ bán chung đạt 30% đến năm 2027 và 50% đến năm 2030.
- i) Hỗ trợ tổ hợp tác và các tổ chức đại diện của người dân thành lập mới HTX hoặc tham gia vào các HTX sẵn có đạt bình quân 18 mô hình/năm.

k) Số lượng các HTX, liên hiệp HTX thực hiện dịch vụ phục vụ đời sống đạt 20% đến năm 2027 và 50% đến năm 2030.

l) Số lượng HTX ứng dụng công nghệ cao, công nghệ số vào quá trình điều hành sản xuất và tiêu thụ nông sản; thực hiện truy xuất nguồn gốc đối với hàng hóa nông sản; phát triển HTX gắn với sản phẩm OCOP đạt 15% đến năm 2027 và 30% đến năm 2030.

m) Số lượng HTX tham gia thực hiện hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp theo Nghị định 98/2018/NĐ-CP đạt bình quân 06 HTX/mỗi năm.

II. NHIỆM VỤ VÀ NỘI DUNG ĐỀ ÁN

1. Tăng cường vai trò lãnh đạo của các cấp ủy đảng, chỉ đạo của chính quyền và sự tham gia của các tổ chức chính trị - xã hội để phát triển KTTT tỉnh Cà Mau đến 2030

- Các cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội chịu trách nhiệm trước Tỉnh ủy và UBND tỉnh về việc thay đổi nhận thức của cán bộ, đảng viên và nhân dân về KTTT. Cần xem KTTT là thành phần quan trọng trong nền kinh tế thị trường, đặc biệt trong bối cảnh hội nhập quốc tế.

- Thực hiện nghiêm túc Nghị quyết Trung ương 5 khóa XIII (Nghị quyết 19-NQ/TW và 20-NQ/TW) về phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn, và KTTT. Triển khai các chương trình hành động của Tỉnh ủy và các cơ quan tỉnh về phát triển KTTT trong giai đoạn 2024-2030.

- Cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, đặc biệt ở cơ sở, phải trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo, coi phát triển KTTT là nhiệm vụ chính trị quan trọng. Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội cần phối hợp chặt chẽ trong tuyên truyền và vận động người dân tham gia phát triển KTTT.

- UBND tỉnh chỉ đạo các huyện, thành phố chọn 2-3 mô hình HTX điểm để xây dựng và củng cố, nâng cao chất lượng hoạt động sản xuất, kinh doanh. Các mô hình HTX cần tuân thủ Luật HTX năm 2023 và thực hiện công tác kiểm tra, giám sát thường xuyên để khắc phục các hạn chế, thiếu sót.

- Tạo điều kiện hỗ trợ KTTT, cung cấp cơ chế thuận lợi cho HTX trong tiếp cận các chính sách hỗ trợ về đất đai, tín dụng, khoa học - công nghệ, nhân lực. Xây dựng các mô hình HTX gắn với chuỗi sản xuất, hỗ trợ phát triển thương hiệu sản phẩm, quảng bá sản phẩm, và tiêu thụ sản phẩm chủ lực của tỉnh. Ưu tiên phát triển KTTT trong các lĩnh vực nông nghiệp, thủy sản, chế biến và xuất khẩu.

- Các mô hình HTX cần ứng dụng khoa học - công nghệ, chuyển đổi số, và phát triển kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, kinh tế tri thức. Tăng cường đổi mới sáng tạo và nâng cao năng lực hoạt động của các HTX, tạo việc làm và tăng thu nhập cho các thành viên.

- Củng cố bộ máy quản lý nhà nước về KTTT, tinh gọn và nâng cao hiệu quả bộ máy quản lý nhà nước về KTTT, HTX. Đào tạo và bồi dưỡng nguồn nhân lực, đặc biệt là cán bộ trẻ có chuyên môn sâu về quản lý, điều hành HTX.

- Xây dựng các chương trình tuyên truyền đa dạng và phong phú, như hội thảo, tọa đàm, cuộc thi tìm hiểu về HTX, triển lãm, hội chợ giới thiệu sản phẩm HTX. Tổ chức tôn vinh, khen thưởng và nhân rộng các mô hình HTX hiệu quả, giúp khẳng định vai trò của KTTT trong phát triển kinh tế - xã hội địa phương.

- Chủ động hợp tác với các tổ chức quốc tế, tổ chức phi chính phủ để học hỏi kinh nghiệm và tranh thủ hỗ trợ tài chính, kỹ thuật phát triển KTTT tại địa phương.

2. Hỗ trợ phát triển toàn diện mô hình HTX/LH HTX điểm và các mô hình HTX vệ tinh của HTX/LH HTX điểm

- Hỗ trợ thành lập mới và củng cố HTX/LH HTX.

- Thuê tư vấn hỗ trợ giải quyết các khó khăn về quy trình, thủ tục thành lập mới, sáp nhập, mở rộng, nâng cao hoạt động, đào tạo, tập huấn, kết nối kinh doanh...

3. Hỗ trợ nâng cao năng lực quản lý điều hành HTX, năng lực liên kết với doanh nghiệp

- Đối với 18 Mô hình HTX điểm và 02 liên hiệp HTX điểm: Hỗ trợ thuê mỗi HTX tối đa 02 lao động trẻ có trình độ từ cao đẳng trở lên về làm việc tại HTX, liên hiệp HTX.

- Đối với 54 Mô hình HTX vệ tinh, 18 HTX điểm: Hỗ trợ thuê mỗi HTX tối đa 02 lao động trẻ có trình độ từ cao đẳng trở lên về làm việc tại HTX, liên hiệp HTX (Ngân sách trả lương 1 lao động và doanh nghiệp trả lương 1 lao động).

4. Hỗ trợ nâng cao chất lượng nguồn nhân lực

- Đào tạo giám đốc HTX: 7 khóa x 30 học viên/khóa.

- Đào tạo kế toán HTX: 5 lớp x 30 học viên/lớp.

- Đào tạo Kiểm toán HTX: 3 lớp x 30 học viên.

- Hỗ trợ đào tạo trình độ từ cao đẳng trở lên đối với thành viên, người lao động đang làm công tác quản lý, chuyên môn kỹ thuật, nghiệp vụ của các HTX, liên hiệp HTX.

- Hỗ trợ đào tạo, hội nghị cho cán bộ quản lý nhà nước, cán bộ đoàn thể, mặt trận, khuyến nông, cán bộ cấp xã để hỗ trợ phát triển HTX.

- Hỗ trợ bồi dưỡng đào tạo HTX nâng cao năng lực tham gia tốt các chương trình và Đề án của Chính phủ⁴.

⁴ Đề án 1 triệu ha lúa theo Quyết định 1490/QĐ-TTg; Đề án vùng nguyên liệu lớn; đề án sản xuất lúa tằm...

- Hỗ trợ vận động tuyên truyền người dân tham gia thành viên HTX, mở rộng quy mô thành viên và quy mô kinh doanh của HTX.

5. Hỗ trợ nâng cao khả năng kinh doanh và tiêu thụ nông sản của HTX

- Hỗ trợ HTX/LH HTX xúc tiến tiêu thụ nông sản tại các thành phố lớn như: xe bán hàng, chi phí trưng bày, tham gia hội chợ, tham gia các phiên chợ.

- Hỗ trợ chi phí tư vấn xây dựng liên kết sản xuất và tiêu thụ cho HTX, LH HTX theo Nghị định 98/2018/NĐ-CP.

- Hỗ trợ thiết kế và mua sắm bao bì, nhãn mác sản phẩm của HTX, liên hiệp HTX tham gia đề án.

6. Hỗ trợ nâng cao khả năng sơ chế, chế biến, bảo quản và thương mại nông sản

- Hỗ trợ cho 02 liên hiệp HTX đầu tư xây dựng hạ tầng, trang thiết bị phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh, sơ chế, chế biến và thương mại sản phẩm.

- Hỗ trợ cho 18 HTX diêm và 54 HTX vệ tinh đầu tư xây dựng nhà kho, xưởng phân loại và đóng gói sản phẩm, xưởng sơ chế, chế biến, xây dựng công trình thủy lợi, giao thông nội đồng, xây dựng công trình kết cấu hạ tầng vùng nuôi trồng thủy sản và mua sắm trang thiết bị phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh.

- Hỗ trợ đầu tư xây dựng nhà kho, xưởng phân loại và đóng gói sản phẩm, xưởng sơ chế, chế biến, xây dựng công trình thủy lợi, giao thông nội đồng, và mua sắm trang thiết bị phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh cho mô hình HTX lúa.

- Hỗ trợ đầu tư xây dựng nhà kho, xưởng phân loại và đóng gói sản phẩm, xưởng sơ chế, chế biến, xây dựng công trình thủy lợi, giao thông nội đồng, xây dựng công trình kết cấu hạ tầng vùng nuôi trồng thủy sản và mua sắm trang thiết bị phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh cho mô hình HTX trái cây/thủy sản.

7. Hỗ trợ HTX sản xuất, xúc tiến thương mại và kinh doanh sản phẩm OCOP và du lịch nông thôn

- Hỗ trợ phát triển mới sản phẩm OCOP và nâng hạng sản phẩm OCOP gắn với xúc tiến thương mại nhằm tiêu thụ sản phẩm.

- Hỗ trợ HTX xây dựng mô hình khuyến nông; Hỗ trợ vật tư sản xuất theo hướng sinh học, vi sinh, hữu cơ, giống, thiết bị, vật tư xây dựng mô hình, đào tạo...; Hỗ trợ xây dựng mô hình du lịch nông thôn; Hỗ trợ giới thiệu, quảng bá du lịch nông thôn.

- Chi phí thuê, vận hành diêm giới thiệu, bán sản phẩm cho HTX, liên hiệp HTX.

8. Hỗ trợ nâng cao khả năng ứng dụng công nghệ số và các nền tảng trung gian

- Hỗ trợ HTX, liên hiệp HTX chuyển đổi số.

- Hỗ trợ kinh phí tư vấn ứng dụng khoa học công nghệ cho HTX, liên hiệp HTX.

- Hỗ trợ HTX mua sắm máy móc, thiết bị phục vụ sản xuất. Hỗ trợ sau đầu tư, mức hỗ trợ tối đa 80% giá trị và không quá 500 triệu/HTX/năm.

- Hỗ trợ đào tạo, tập huấn HTX thiết lập và điều hành các nền tảng bán hàng qua mạng.

9. Hỗ trợ HTX ứng dụng các tiêu chuẩn chất lượng nông sản

- Hỗ trợ HTX thực hiện, chi phí thuê tư vấn, chứng nhận các tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm: QF, ASC, GlobalGAP, BAP, AquaGAP, Naturland, VietGAP, GAP, FSC, Mã vùng trồng trong nước và xuất khẩu, SRP, dấu chân carbon, FDA, JAS, Hữu cơ...

- Hỗ trợ truy xuất nguồn gốc các sản phẩm của HTX, liên hiệp HTX và kiểm soát an toàn thực phẩm chuỗi liên kết.

10. Hỗ trợ xây dựng thí điểm mô hình kinh tế tuần hoàn hiệu quả trong sản xuất nông nghiệp

- Hỗ trợ giống, vật tư thiết yếu, máy móc, thiết bị, dụng cụ, xây dựng và lắp đặt hệ thống nuôi, trồng, sơ chế, bảo quản sản phẩm; hỗ trợ thay đổi, cải tiến quy trình sản xuất; Hỗ trợ sáng tạo sản phẩm theo hướng tuần hoàn... cho mô hình kinh tế tuần hoàn.

- Hỗ trợ chứng nhận tiêu chuẩn, truy xuất nguồn gốc, bao bì, nhãn mác; tập huấn, hội thảo đánh giá, tổng kết, nhân rộng mô hình kinh tế tuần hoàn.

11. Hỗ trợ ứng dụng cơ giới hóa

- Xây dựng mô hình cung ứng dịch vụ cơ giới hóa trong nông nghiệp.

+ Dự án đầu tư máy móc nông nghiệp, thiết bị, phương tiện cho Tổ cung ứng dịch vụ cơ giới hóa phục vụ sản xuất nông nghiệp.

+ Dự án đầu tư xây dựng kho chứa, máy móc, thiết bị, phương tiện của Tổ cung ứng cơ giới hóa phục vụ sản xuất nông nghiệp.

- Hỗ trợ HTX đầu tư máy móc, thiết bị cơ giới hóa trong sản xuất lúa; đầu tư hệ thống kho tạm trữ, sơ chế.

- Tham vấn ban hành cơ chế chính sách hỗ trợ cơ giới hóa.

12. Hỗ trợ HTX nâng cao năng lực cấp giống, nuôi, sơ chế, chế biến, làm đại diện cho thành viên để liên kết doanh nghiệp nhằm nâng cao chuỗi giá trị thủy sản (tôm, nghêu, cua, cá...)

Hỗ trợ HTX hạ tầng, công nghệ và thiết bị để HTX làm dịch vụ sản xuất cung ứng cho thành viên trong chuỗi thủy sản như: Bạt lót, ao nuôi, lồng/bè, bồn, hệ thống nuôi tôm 2 giai đoạn, chế phẩm sinh học,...). Đồng thời, làm dịch vụ mua chung, sơ chế, chế biến cho thành viên trong chuỗi thủy sản (tôm, nghêu, cua, cá...): Nhà xưởng, máy sấy, lò hấp, kho mát/lạnh/đông...

13. Hỗ trợ HTX xây dựng, thuê trụ sở làm việc, hạ tầng và trang thiết bị

- Xây dựng trụ sở làm việc như: Xây dựng mới/sửa chữa trụ sở, phòng họp, phòng làm việc, hội trường...

- Thuê trụ sở làm việc: Thuê trụ sở, phòng họp, phòng làm việc, hội trường, bàn ghế...

- Mua sắm thiết bị văn phòng làm việc: Máy vi tính, máy in, tivi, tủ hồ sơ, kết sắt và thiết bị văn phòng khác.

14. Hỗ trợ HTX phát triển dịch vụ cho vay nội bộ (tín dụng nội bộ)

- Hỗ trợ thiết bị, phần mềm, máy văn phòng phục vụ việc quản lý và cho vay nội bộ.

- Hỗ trợ vốn thực hành cho vay nội bộ cho thành viên HTX.

15. Hỗ trợ HTX phát triển dịch vụ đời sống, dịch vụ phi nông nghiệp trong HTX: Hỗ trợ thuê mặt bằng, thiết bị và hàng hóa khởi nghiệp.

16. Tuyên truyền, phổ biến nội dung, sơ kết, tổng kết, nhân rộng kết quả thực hiện Đề án

- Tổ chức tham quan học tập kinh nghiệm giữa các tỉnh và nước ngoài.

- Tổ chức hoạt động sơ kết, tổng kết Đề án.

III. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

1. Về cơ chế chính sách

- Áp dụng các cơ chế chính sách hiện hành để đầu tư, hỗ trợ phát triển các ngành hàng chủ lực của tỉnh, hỗ trợ phát triển HTX, cụ thể như: Chính sách khuyến khích đầu tư; chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm trong lĩnh vực nông nghiệp; chính sách hỗ trợ phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước; chính sách cơ giới hóa; chính sách hỗ trợ các hoạt động khuyến nông; chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa; chính sách hỗ trợ HTX; chính sách bảo hiểm nông nghiệp,... Bên cạnh đó, căn cứ vào tình hình thực tế địa phương, tham mưu ban hành chính sách đặc thù để khuyến khích, hỗ trợ, thúc đẩy và tạo điều kiện cho các HTX, THT phát triển nhanh, ổn định và bền vững (chính sách đất đai, chính sách tín dụng, chính sách nguồn nhân lực, chính sách cơ giới hóa,...).

- Tiếp cận có hiệu quả chính sách đất đai, nhất là tận dụng quỹ đất của địa phương để hỗ trợ các HTX, THT có đất làm trụ sở, làm cơ sở sơ chế, chế biến và đất để sản xuất kinh doanh. Cần tạo sự đột phá về chính sách đất đai để hỗ trợ cho HTX. Việc cho mượn đất đai cần được ưu tiên theo thứ tự đất xây dựng trụ sở, đất xây dựng cơ sở sơ chế, chế biến và tiêu thụ sản phẩm cho thành viên; đất sản xuất. Song song đó là linh hoạt thực hiện các giải pháp khác như: Tận dụng trụ sở các đơn vị cũ, không sử dụng ưu tiên cho HTX mượn để xây dựng trụ sở kèm một số điều kiện cụ thể phù hợp kèm theo.

- Ban hành các văn bản hướng dẫn tạo hành lang pháp lý vững chắc, rõ ràng, dễ áp dụng để các HTX triển khai có hiệu quả dịch vụ cho vay nội bộ, nhằm giúp thành viên tháo gỡ khó khăn kịp thời mà khả năng thu hồi vốn nhanh. Tận dụng nội lực của chính các HTX để tạo ra nguồn vốn ban đầu, từng bước thúc đẩy hoạt động kinh doanh phát triển. Bên cạnh đó, nếu thực hiện tốt dịch vụ này sẽ giúp người nông dân ít phụ thuộc vào thương lái, thúc đẩy cho liên kết sản xuất theo chuỗi. Ngoài ra, với dịch vụ tín dụng nội bộ trong HTX theo hình thức tín chấp sẽ giúp cho HTX có nhiều hộ thành viên làm được các công việc sơ chế, chế biến, kinh doanh nhằm tạo giá trị kinh tế cho từng hộ thành viên.

- Nghiên cứu ban hành các chính sách hỗ trợ HTX phát triển kinh doanh dịch vụ đời sống và dịch vụ phi nông nghiệp như: cung cấp nguyên liệu đầu vào, máy móc, thiết bị nông nghiệp, tiêu thụ nông sản, cung cấp dịch vụ tín dụng, bảo hiểm, y tế, tổ chức các cửa hàng bán lẻ, cung cấp đồ gia dụng, tổ chức các hoạt động văn hóa, thể thao, du lịch, các câu lạc bộ sinh hoạt cộng đồng... để thu hút thành viên và đảm bảo lợi ích thiết thực đúng bản chất HTX kiểu mới mà tỉnh đang triển khai.

2. Về tài chính

2.1. Đối với nguồn ngân sách Trung ương hỗ trợ

Trong quá trình xây dựng kế hoạch hàng năm kết hợp sử dụng các nguồn vốn từ Trung ương đầu tư hiện đại hóa công trình thủy lợi và ứng phó với biến đổi khí hậu, cơ sở hạ tầng phục vụ tái cơ cấu nông nghiệp, hạ tầng phát triển thủy sản gắn kết chặt chẽ với đầu tư cho hệ thống giao thông; các công trình hạ tầng hỗ trợ phòng chống thiên tai, hỗ trợ di dời dân cư ra khỏi khu vực nguy hiểm do thiên tai; các công trình hỗ trợ bảo tồn cảnh quan, môi trường tự nhiên.

2.2. Đối với nguồn ngân sách tỉnh, huyện

- Sử dụng nguồn vốn đã cấp cho các đề án sẵn có của tỉnh, huyện để tích hợp vào đề án này.

- Sử dụng vốn tích hợp từ các đề án sẵn có của tỉnh.

- Sử dụng các nguồn vốn từ các dự án trên địa bàn tỉnh.

- Ưu tiên đầu tư các công trình nằm trong khu vực hoạt động các HTX điểm.

2.3. Đối với nguồn vốn của HTX, doanh nghiệp và các thành phần kinh tế khác

- Thúc đẩy đầu tư theo hình thức đối tác công - tư đối với việc xây dựng hạ tầng giao thông; xây dựng hạ tầng các trung tâm hậu cần - vận chuyển; xây dựng hạ tầng các khu công nghiệp chế biến sâu sản phẩm và các phụ phẩm nông nghiệp tại các thành phố lớn; xây dựng hạ tầng tại các cụm công nghiệp - dịch vụ tại các vùng lõi của vùng chuyên canh chủ lực.

- Ưu tiên thu hút đầu tư các doanh nghiệp lớn, có năng lực quản trị và công nghệ cao, thân thiện với môi trường vào xây dựng liên kết chuỗi giá trị nông nghiệp

tại các vùng nguyên liệu chủ lực, phát triển các trung tâm hậu cần - vận chuyển, phát triển công nghiệp chế biến sâu tại các thành phố lớn.

- Ưu tiên thu hút đầu tư các doanh nghiệp vừa và nhỏ, doanh nghiệp địa phương vào các cụm công nghiệp - dịch vụ tại các vùng lõi của vùng chuyên canh chủ lực.

- Thúc đẩy doanh nghiệp khởi nghiệp, HTX, cộng đồng đầu tư vào các sản phẩm đặc sản theo mô hình OCOP gắn với phát triển du lịch, đặc biệt tại các vùng linh hoạt.

3. Về ứng dụng, chuyển giao khoa học công nghệ, chuyển đổi số và nhân rộng mô hình

- Tổ chức thực hiện thí điểm và nhân rộng các mô hình nông nghiệp thông minh thích ứng với biến đổi khí hậu, mô hình ứng dụng các kỹ thuật mới, công nghệ mới trong sản xuất (truy xuất nguồn gốc điện tử, kế toán điện tử, mã vùng trồng,...), chế biến nông sản, trong quản lý vùng chuyên canh, truy xuất nguồn gốc và liên kết chuỗi giá trị, mô hình kinh tế tuần hoàn sử dụng hiệu quả phụ phẩm nông nghiệp.

- Cải tiến kỹ thuật canh tác theo hướng hữu cơ, bền vững, thân thiện với môi trường, thích ứng với hạn, mặn, ngập úng.

- Lựa chọn các đối tượng cây trồng, vật nuôi, thủy sản thích nghi tốt với điều kiện tự nhiên ở địa phương để chuyển đổi nâng cao hiệu quả sử dụng đất.

4. Về đào tạo nguồn nhân lực

- Tập trung phát triển nguồn nhân lực cho khu vực KTTT của tỉnh, trong đó chú trọng công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, tạo lực lượng kế thừa cho lực lượng cán bộ quản lý các HTX, chú trọng con em Ban quản lý, các thành viên HTX, người địa phương để tạo điều kiện cho họ gắn bó lâu dài với HTX.

- Đào tạo đội ngũ cán bộ tham gia quản lý nhà nước về HTX.

- Đào tạo nguồn nhân lực quản lý trực tiếp tại các HTX; bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng lập kế hoạch sản xuất, tiếp thị, quảng bá sản phẩm của HTX.

- Đào tạo nâng cao tay nghề, kiến thức về sản xuất an toàn vệ sinh thực phẩm cho lực lượng lao động tham gia các chuỗi sản xuất nhằm đáp ứng yêu cầu cải tiến sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm.

- Chú trọng thực hiện chính sách thu hút lao động trẻ về làm việc có thời hạn tại HTX, tổ chức sơ, tổng kết, đánh giá tình hình triển khai Nghị quyết về vấn đề này để có cơ sở nhân rộng, tiếp tục phát huy hiệu quả giúp HTX nông nghiệp có được nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu trong thời đại mới.

- Về phía các HTX nông nghiệp cần thu hút những người có chuyên môn, có trình độ, kinh nghiệm tới HTX làm việc bằng cách triển khai thực hiện các chính sách thu hút, chế độ đãi ngộ và duy trì những người lao động giỏi; có chính sách riêng tạo điều kiện cơ hội học tập và tạo cho họ cơ hội phát triển, chú trọng việc tạo ra môi trường làm việc để họ phát huy và phát triển nghề nghiệp ổn định lâu dài.

5. Về xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường gắn với xây dựng thương hiệu, nhãn hiệu hàng hóa nông sản

- Đẩy mạnh các hoạt động quảng bá, xúc tiến thương mại đối với nông sản chủ lực của tỉnh.

- Tiếp tục đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động xúc tiến thương mại, quảng bá thương hiệu thông qua môi trường thương mại điện tử và các nền tảng công nghệ số.

- Tập trung tuyên truyền, quảng bá các sản phẩm OCOP, các sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu và sản phẩm, hàng hóa có thế mạnh của tỉnh như: lúa, tôm cua... đến với người tiêu dùng để tìm kiếm, duy trì và mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm.

- Tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp, HTX, cơ sở sản xuất kinh doanh đầu tư phát triển sản xuất, nâng cao năng lực cạnh tranh, mở rộng thị trường tiêu thụ hàng hóa, nhất là hàng hóa chủ lực của tỉnh, các mặt hàng có lợi thế cạnh tranh có khả năng thâm nhập và tạo thị trường ổn định, hướng đến xuất khẩu.

- Tổ chức các chuyến xe hàng nông sản Cà Mau tiêu thụ tại thị trường thành phố Hồ Chí Minh và các thành phố lớn để quảng bá và giới thiệu nông sản của tỉnh đến với người tiêu dùng.

- Thiết lập combo nông sản của tỉnh để cung cấp vào các bếp ăn tập thể, các chung cư ở các thành phố lớn.

- Tham gia các Hội chợ thương mại, các “Phiên chợ xanh tử tế”,...

- Nghiên cứu, tham mưu cho cơ quan có thẩm quyền từng bước kiện toàn hệ thống quản lý chất lượng, an toàn thực phẩm nông, lâm, thủy sản từ cấp tỉnh đến cấp xã. Đồng thời, đẩy mạnh việc xây dựng các mô hình chuỗi cung cấp thực phẩm an toàn, bền vững gắn với vùng quy hoạch tập trung, kết hợp xúc tiến thương mại, hỗ trợ tìm kiếm đầu ra cho sản phẩm thực phẩm an toàn, hỗ trợ xây dựng thương hiệu cho các sản phẩm thực phẩm nông sản đặc sản.

6. Về đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động các HTX

- Củng cố về mặt tổ chức, mở rộng quy mô thành viên và dịch vụ phục vụ lợi ích cho thành viên (chú ý mở rộng thực hiện các dịch vụ phục vụ đời sống).

- Cần tiếp tục tăng cường công tác tuyên truyền sâu rộng trong cán bộ, đảng viên và người dân về bản chất, vai trò của HTX kiểu mới. Đồng thời, có cơ chế, chính sách phù hợp đối với đội ngũ cán bộ HTX để đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong giai đoạn mới.

- Mạnh dạn triển khai thí điểm mô hình đưa cán bộ trẻ tốt nghiệp đại học, cao đẳng về làm việc có thời hạn tại HTX để bổ sung nguồn nhân lực có chất lượng cho HTX.

- Tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng nhằm nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, kinh nghiệm quản lý và tổ chức hoạt động sản xuất, kinh doanh cho cán bộ và thành viên các HTX nhằm đáp ứng nhu cầu công việc.

- Thực hiện các giải pháp để kết nạp thêm thành viên mới, nâng cao chất lượng hoạt động, nâng tầm hoạt động của HTX nông nghiệp, cụ thể: Thực hiện giá dịch vụ có sự chênh lệch giữa những người là thành viên và những người chưa là thành viên để khuyến khích mở rộng thành viên. Đẩy mạnh công tác truyền thông, tuyên truyền về bản chất, lợi ích của HTX kiểu mới, làm rõ sự khác biệt giữa HTX nông nghiệp kiểu cũ và HTX nông nghiệp kiểu mới mà ta đang xây dựng,... để người dân hiểu rõ và tự nguyện tham gia.

- Chú trọng và phát triển các dịch vụ phi nông nghiệp, ưu tiên các dịch vụ phục vụ đời sống cho thành viên. Phát huy "lợi thế dựa vào số đông", các HTX nông nghiệp cần mạnh dạn triển khai các dịch vụ như: cung cấp gạo sạch, gạo an toàn do chính HTX sản xuất; cung cấp nước sạch; gas; bán bảo hiểm xe gắn máy cho thành viên; kinh doanh chợ; dịch vụ thể dục thể thao,...

- Lựa chọn, thực hiện mô hình HTX nông nghiệp đa dịch vụ theo hướng: Trong sản xuất thì thực hiện hoàn thiện chuỗi giá trị ngành hàng (từ cung ứng vật tư đầu vào, tổ chức sản xuất, sơ chế, bảo quản, tiêu thụ), trong sinh hoạt đời sống thì phục vụ tốt nhu cầu đời sống các thành viên (cung cấp gạo an toàn do HTX sản xuất, cung cấp nước sạch, gas, bán bảo hiểm xe gắn máy,.. với giá thấp).

7. Về tăng cường hoạt động liên kết, phát triển chuỗi giá trị ngành hàng theo thế mạnh của tỉnh, phát triển HTX liên vùng, logistics

- Tiếp tục tham mưu cho UBND tỉnh ban hành các chính sách hỗ trợ, khuyến khích phát triển nông nghiệp, nông thôn; khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp; phát triển sản xuất nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp công nghệ cao.

- Tham mưu cho UBND tỉnh xây dựng các đề án nâng cao năng lực cạnh tranh cho sản phẩm nông nghiệp trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế; kế hoạch phát triển ngành công nghiệp chế biến nông sản, tiêu thụ nông sản theo hướng chế biến sâu, bền vững.

- Thực hiện tốt công tác quy hoạch; công khai quy hoạch sử dụng đất, khuyến khích xây dựng vùng nguyên liệu lớn, thực hiện đồng bộ nhóm giải pháp thu hút các thành phần kinh tế đầu tư xây dựng các chuỗi liên kết giữa sản xuất, chế biến với phân phối và tiêu thụ sản phẩm.

- Hỗ trợ doanh nghiệp trong các liên kết chuỗi khai thác tận dụng tốt các cơ hội để đẩy mạnh tiêu thụ sản phẩm trong nước và xuất khẩu. Chú trọng phát triển thị trường cho các sản phẩm xuất khẩu như lúa, tôm, thủy hải sản và nông sản chế biến,....

- Cải cách thủ tục hành chính để các doanh nghiệp dễ tiếp cận và thụ hưởng các chính sách ưu đãi. Triển khai thực hiện tốt pháp luật về nông nghiệp, chăn nuôi, thủy sản, chất lượng sản phẩm, an toàn thực phẩm. Khuyến khích hỗ trợ nông dân

và các chủ trang trại hợp tác thành lập HTX kiểu mới để cộng đồng sức mạnh, khắc phục điểm yếu của kinh tế hộ cá thể, nâng cao năng lực cạnh tranh khi tham gia thị trường có tính hội nhập cao.

- Tăng cường hỗ trợ các HTX xây dựng cơ sở hạ tầng, phối hợp đào tạo, tập huấn, nâng cao trình độ cho cán bộ HTX, đặc biệt là các kỹ năng về thị trường, hội nhập; tập huấn, hướng dẫn nông dân đẩy mạnh áp dụng khoa học kỹ thuật trong sản xuất. Hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi để doanh nghiệp liên kết với HTX và hộ sản xuất hình thành các chuỗi khép kín từ sản xuất nguyên liệu tới chế biến, tiêu thụ sản phẩm và chia sẻ rủi ro.

- Nhân rộng các mô hình liên kết hình thành các vùng sản xuất tập trung: cánh đồng lớn, cánh đồng liên kết; các trang trại, hộ chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản tập trung áp dụng quy phạm thực hành sản xuất nông nghiệp tốt VietGAP, các tiêu chuẩn chất lượng theo yêu cầu của thị trường và của nước nhập khẩu.

- Triển khai đồng bộ xây dựng chuỗi liên kết gắn với phát triển sản phẩm OCOP. Coi trọng xây dựng và quảng bá thương hiệu doanh nghiệp, thương hiệu sản phẩm kết hợp phát triển thị trường tiêu thụ các sản phẩm nông sản chủ lực của tỉnh ở trong nước và xuất khẩu.

- Gia tăng ứng dụng công nghệ, kỹ thuật tiên tiến vào sản xuất, chế biến để nâng cao chất lượng, giá trị gia tăng, khả năng cạnh tranh của sản phẩm và thích ứng với biến đổi khí hậu. Xây dựng mã số vùng trồng, vùng nuôi, mã số định danh, mã QR Code để đáp ứng nhu cầu truy xuất nguồn gốc sản phẩm, kết nối và minh bạch thông tin các vùng sản xuất, các sản phẩm nông nghiệp sản xuất theo chuỗi, tạo sự tin tưởng cho người tiêu dùng.

- Nghiên cứu thành lập liên hiệp HTX (liên vùng) để phát huy lợi thế, mở rộng vùng nguyên liệu. Đây sẽ là tổ chức vừa đại diện cho thành viên, vừa là tổ chức kinh tế có tư cách pháp nhân độc lập và tiến hành trực tiếp điều phối hoạt động của các HTX thành viên ở các vùng khác nhau, thực hiện các hoạt động kinh tế riêng, điều phối chuỗi cung ứng phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh của các HTX thành viên. Thành lập LH HTX vùng để hoàn thiện chuỗi giá trị nông sản, liên kết sản xuất, hướng tới sản xuất lớn, đồng bộ theo tất cả các khâu, truy xuất được nguồn gốc, quy hoạch vùng trồng, chế biến sâu... để giảm giá thành, nâng chất lượng, bán được giá cao.

- Chú trọng đầu tư hạ tầng logistic; rà soát, điều chỉnh quy hoạch, cơ cấu sản xuất gắn với phát triển hạ tầng và dịch vụ logistics để rút ngắn thời gian đưa sản phẩm đi tiêu thụ. Chú trọng đầu tư các tuyến đường đến trung tâm xã, vào các khu sản xuất nông nghiệp để giảm chi phí và tạo điều kiện dễ dàng cho người dân, HTX lưu thông hàng hóa nông sản...

IV. DANH MỤC CÁC NỘI DUNG HỖ TRỢ

1. Hỗ trợ xây dựng mô hình HTX điểm và LH HTX điểm.
2. Kế hoạch triển khai các chính sách đặc thù của tỉnh: tín dụng; đất đai; hỗ trợ hoạt động quản lý...

3. Tuyên truyền, phổ biến nội dung, tổng kết, nhân rộng kết quả Đề án.
4. Hỗ trợ phát triển toàn diện mô hình HTX/LH HTX điểm và các mô hình HTX vệ tinh của HTX/LH HTX điểm.
5. Hỗ trợ xây dựng thí điểm mô hình kinh tế tuần hoàn hiệu quả trong sản xuất nông nghiệp.
6. Hỗ trợ ứng dụng cơ giới hóa trong sản xuất tại HTX.
7. Hỗ trợ HTX phát triển dịch vụ cho vay nội bộ (tín dụng nội bộ).
8. Hỗ trợ HTX phát triển dịch vụ đời sống, dịch vụ phi nông nghiệp trong HTX: Thuê mặt bằng, thiết bị và hàng hóa khởi nghiệp.
9. Hỗ trợ xây dựng đề án chuyển đổi số trong quản lý HTX và hỗ trợ HTX trong ứng dụng công nghệ thông tin vào quản lý sản xuất và bán hàng.

V. KHÁI TOÁN TỔNG NHU CẦU VỐN

1. Vốn đầu tư

Tổng nhu cầu vốn thực hiện Đề án trong 6 năm giai đoạn 2025-2030 là 609.589,11 triệu đồng. Trong đó:

- a) Ngân sách Trung ương hỗ trợ 129.094 triệu đồng, gồm:
 - Vốn lồng ghép thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, Chương trình phát triển KTTT, HTX: 9.200 triệu đồng.
 - Vốn hỗ trợ thực hiện Nghị định số 62/2019/NĐ-CP: 126.594 triệu đồng.
- b) Ngân sách địa phương: 406.895,11 triệu đồng, gồm:
 - Vốn đầu tư và phát triển: 217.522 triệu đồng.
 - Vốn sự nghiệp: 189.373,11 triệu đồng.
- c) Vốn HTX, doanh nghiệp và nguồn vốn hợp pháp khác: 73.600 triệu đồng.

2. Cơ cấu nguồn vốn và phân kỳ đầu tư

Đính kèm chi tiết tại Phụ lục

VI. HIỆU QUẢ ĐỀ ÁN

1. Hiệu quả kinh tế

Đề án hỗ trợ toàn diện cho sự phát triển của 18 HTX điểm và 02 LH HTX điểm trong sản xuất, cơ sở vật chất, năng lực quản lý, điều hành, kỹ năng lập kế hoạch, định hướng phát triển và xây dựng nhãn hiệu, quảng bá sản phẩm. Từ đó nhân rộng mô hình cho các HTX còn lại trong tỉnh. Tạo nền tảng cho HTX phát triển mạnh về kinh tế, vững về tổ chức, nâng cao giá trị sản phẩm nông nghiệp và tăng thu nhập cho các xã viên, góp phần phát triển kinh tế xã hội của địa phương. Hỗ trợ HTX tăng doanh thu và tăng giao dịch nội bộ với thành viên từ 10%/năm trở lên.

Mô hình sản xuất nông nghiệp tuần hoàn giúp tận dụng được các phụ phẩm của các hợp phần trong chuỗi sản xuất khép kín, khai thác triệt để nguồn tài nguyên, tạo ra giá trị tăng thêm cho chuỗi, giúp nông dân tăng thu nhập trên đơn vị diện tích canh tác.

Dịch vụ cung ứng cơ giới hóa trong sản xuất nông nghiệp giúp HTX, nông dân sản xuất ở các vùng tập trung có điều kiện thuận lợi để tiếp cận và sử dụng dịch vụ với giá cả hợp lý, tiết kiệm thời gian, giảm chi phí thuê mướn nhân công lao động, khả năng mở rộng quy mô sản xuất được dễ dàng hơn.

Tại các vùng sản xuất tập trung được kết nối với Trung tâm thu gom, phân loại, sơ chế, đóng gói và phân phối nông sản là điều kiện rất thuận lợi để nông dân tổ chức sản xuất theo các tiêu chuẩn VietGAP, GlobalGAP... và tiêu thụ sản phẩm. Đây là cơ sở giúp tạo ra ngày càng nhiều sản phẩm giá trị gia tăng, nâng cao sức cạnh tranh và thương hiệu nông sản Cà Mau, góp phần tăng thu nhập cho nông dân và đóng góp không nhỏ vào tăng trưởng kinh tế của địa phương.

2. Hiệu quả xã hội

Thông qua các chính sách hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi cho các HTX phát triển hiệu quả, thu hút xã viên tham gia, giải quyết việc làm cho lao động nông thôn và hơn hết là giúp người nông dân tiếp cận với cách làm mới, công nghệ mới để thay đổi tư duy từ sản xuất riêng lẻ, quy mô nhỏ sang tư duy làm kinh tế nông nghiệp, hợp tác, liên kết sản xuất theo hướng hàng hóa lớn, tập trung, nâng cao chất lượng sản phẩm, xây dựng thương hiệu và kết nối, mở rộng thị trường tiêu thụ.

Đưa cơ giới hóa vào sản xuất nông nghiệp tạo điều kiện cho nông dân tiếp cận và sử dụng để thay đổi dần nhận thức và tập quán sản xuất trước đây (thủ công, quy mô nhỏ, không liên kết...), làm nền tảng đẩy nhanh tốc độ công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong sản xuất nông nghiệp, bắt kịp xu hướng phát triển của thế giới.

Trung tâm thu gom, phân loại, sơ chế, đóng gói và phân phối nông sản là đầu mối giúp nông dân tiêu thụ các mặt hàng nông sản, giúp nông dân dễ dàng tiếp cận, nắm bắt thông tin thị trường. Sản phẩm được cung ứng từ các Trung tâm được kiểm soát chất lượng, có bao bì, nhãn mác và thông tin nguồn gốc xuất xứ rõ ràng sẽ dần tạo niềm tin cho người tiêu dùng về độ an toàn của sản phẩm. Ngoài ra, còn giải quyết việc làm cho lao động nông thôn. Góp phần giữ vững ổn định tình hình an ninh chính trị; trật tự, an toàn xã hội ngay tại địa bàn cơ sở và xây dựng nông thôn mới theo sự chỉ đạo của tỉnh.

3. Hiệu quả về môi trường

Việc ứng dụng quy trình, công nghệ tiên tiến vào sản xuất, lựa chọn cơ cấu giống phù hợp... là những giải pháp hữu hiệu giúp nông dân thích ứng với biến đổi khí hậu trong sản xuất nông nghiệp, góp phần giữ gìn và cải thiện môi trường tại địa phương.

4. Đánh giá mức độ áp dụng của Đề án

Đánh giá mức độ áp dụng của Đề án thông qua việc triển khai thực hiện Đề án như sau:

- Năm 2025: Hoàn thiện các văn bản hướng dẫn.
- Năm 2027: Mức độ thực hiện giải ngân và hoàn thành các nhiệm vụ của Đề án đạt 30-40%.
- Năm 2030: Mức độ thực hiện giải ngân và hoàn thành các nhiệm vụ của Đề án đạt ít nhất 70%.

Thực hiện nhiệm vụ xây dựng “Đề án phát triển kinh tế tập thể trên địa bàn tỉnh Cà Mau giai đoạn 2025-2030” là cần thiết, nhằm đánh giá lại một cách đầy đủ, toàn diện về thực trạng, các tiềm năng thế mạnh của tỉnh trong việc phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã trong lĩnh vực nông nghiệp, xác định được những thuận lợi, khó khăn... Từ đó, đề ra phương hướng mục tiêu, nhiệm vụ giải pháp, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực để thúc đẩy phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã lĩnh vực nông nghiệp trên địa bàn tỉnh trong giai đoạn tới.

VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Tiến trình thực hiện

Đề án sau khi được thông qua sẽ được triển khai theo lộ trình 3 giai đoạn:

- *Giai đoạn 1:*

Thực hiện trong năm 2025 với các nội dung như:

(a) Thực hiện công tác truyền thông, tiến hành tuyên truyền, quán triệt nội dung đề án đến các địa phương, cơ quan, đơn vị, công chức, viên chức; phổ biến thông tin đề án đến người dân, HTX và doanh nghiệp.

(b) Xây dựng và ban hành kế hoạch 6 năm 2025 - 2030 và kế hoạch thực hiện qua các năm.

(c) UBND các huyện/thị/thành xây dựng kế hoạch chi tiết triển khai 18 HTX điểm, 54 HTX vệ tinh của HTX điểm và 2 liên hiệp HTX.

(d) Lập các dự án theo danh mục đề xuất trình phê duyệt, bố trí kinh phí và tổ chức thực hiện.

(đ) Tổ chức tập huấn, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý HTX và các thành viên HTX.

(e) Xây dựng dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về chính sách hỗ trợ phát triển KTTT tỉnh Cà Mau đến năm 2030.

- *Giai đoạn 2:*

Từ năm 2026 - 2027, xây dựng kế hoạch thực hiện hàng năm, tiếp tục bố trí kinh phí và triển khai các hoạt động và nội dung các dự án đã được phê duyệt; tổ chức sơ kết, đánh giá kết quả thực hiện, đề xuất điều chỉnh và xây dựng kế hoạch nhân rộng các mô hình có hiệu quả nhằm đạt mục tiêu định hướng đến năm 2030.

- *Giai đoạn 3:*

Từ năm 2028 - 2030 là giai đoạn nhân rộng các mô hình, hoạt động có hiệu quả và thiết thực của đề án.

2. Phân công thực hiện

2.1. Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Chủ trì tham mưu UBND tỉnh xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về cơ chế chính sách đặc thù hỗ trợ trong phát triển KTTT tỉnh Cà Mau đến 2030.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan trong tỉnh triển khai đề án; kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện đề án, định kỳ sơ kết hằng năm, tổng kết việc thực hiện đề án báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh; đề xuất các kiến nghị tháo gỡ khó khăn trong quá trình triển khai thực hiện.

- Tham vấn quy định các tiêu chí đánh giá HTX tỉnh Cà Mau phù hợp Luật HTX 2023 và mặt bằng chung của các HTX vùng ĐBSCL về: Bộ tiêu chí tự đánh giá và phát triển HTX; Bộ tiêu chí quy định quy mô thành viên HTX (phân theo quy mô siêu nhỏ, nhỏ, vừa và lớn).

- Tham mưu UBND tỉnh xây dựng và ban hành Kế hoạch thực hiện đề án giai đoạn 2025 – 2030.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính cân đối, tham mưu cấp thẩm quyền bố trí nguồn vốn đầu tư phát triển theo kế hoạch trung hạn và hàng năm để thực hiện.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xây dựng, điều chỉnh các chính sách thu hút đầu tư của doanh nghiệp vào nông nghiệp, chính sách hỗ trợ nguồn nhân lực cho các HTX điểm trong đề án.

- Chủ trì xây dựng kế hoạch và thực hiện đào tạo liên quan quản lý nhà nước về KTTT cho cán bộ quản lý nhà nước cấp huyện, xã và ấp; triển khai Luật HTX năm 2023.

2.2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Chủ trì và phối hợp Sở Kế hoạch và Đầu tư để lập các dự án theo danh mục được nêu trong đề án, lồng ghép, kết hợp với các dự án khác có liên quan.

- Chủ trì tổ chức thực hiện các hoạt động trong đề án liên quan đến HTX nông nghiệp tại các huyện/thành phố.

- Chủ trì triển khai các chính sách hỗ trợ phát triển HTX của Trung ương theo Nghị định số 98/2018/NĐ-CP về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp, Quyết định số 1490/QĐ-TTg về phê duyệt Đề án "Phát triển bền vững một triệu héct-a chuyên canh lúa chất lượng cao và phát thải thấp gắn với tăng trưởng xanh vùng ĐBSCL đến năm 2030"; chương trình OCOP, xúc tiến thương mại nông và các chính sách khác liên quan.

- Chủ trì và phối hợp với Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Liên minh HTX đề trình UBND tỉnh đề nghị sửa đổi và bổ sung Nghị quyết số 17/2019 ngày 6/12/2019 về ban hành chính sách hỗ trợ liên kết theo Nghị định số 98/2028 theo hướng, bổ sung định mức kinh tế kỹ thuật một số sản phẩm có tiềm năng của tỉnh, các chi phí còn thiếu trong chuỗi; ưu tiên áp dụng sản xuất theo các tiêu chuẩn chất lượng (GAP, hữu cơ, an toàn...), ứng dụng công nghệ số, định mức đối ứng của chủ thể....

- Chủ trì và phối hợp với các Sở, Ban, ngành liên quan đề xuất nội dung sửa đổi, bổ sung, xây dựng mới các chính sách thuộc thẩm quyền UBND, HĐND tỉnh, bảo đảm cho việc thực hiện các mục tiêu đề ra của đề án.

- Chủ trì xây dựng kế hoạch và thực hiện đào tạo các nội dung thuộc lĩnh vực quản lý.

2.3. Sở Tài chính

- Chủ trì ban hành Hướng dẫn thủ tục lập dự toán, triển khai và báo cáo quyết toán các dự án liên quan đến đề án KTTT tỉnh Cà Mau.

- Rà soát, tham mưu cấp thẩm quyền bố trí nguồn kinh phí để chi hỗ trợ phát triển KTTT tỉnh Cà Mau hàng năm.

2.4. Sở Tài nguyên và Môi trường

- Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các sở ngành liên quan và UBND các huyện, thành phố hướng dẫn, hỗ trợ cho các HTX thực hiện thủ tục, chính sách về đất đai và môi trường theo đúng quy định.

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành và cơ quan liên quan đề xuất sửa đổi chính sách về đất đai phục vụ sản xuất nông nghiệp hàng hóa quy mô lớn có sức cạnh tranh và hiệu quả cao, đặc biệt là nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ.

- Chủ trì phối hợp với UBND các huyện, thành phố để có chính sách hỗ trợ đất cho HTX như: Rà soát và hướng dẫn thủ tục đất đai cho 18 HTX điểm, 54 HTX vệ tinh và 02 LH HTX trong đề án về chính sách thuê đất, đất xây dựng, thuê đất mặt nước, đất làm trụ sở HTX...

2.5. Sở Khoa học và Công nghệ

- Hàng năm, ưu tiên thực hiện các nhiệm vụ phát triển nông nghiệp bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu; tư vấn, hướng dẫn các HTX đăng ký chất lượng sản phẩm, xây dựng nhãn hiệu hàng hóa cho sản phẩm nông sản.

- Chủ trì và phối hợp với UBND các huyện để thực hiện một số đề tài và dự án hỗ trợ phát triển các mô hình HTX điểm và HTX vệ tinh như: Chương trình thí điểm ứng dụng công nghệ sinh học vào nuôi tôm; thí điểm mô hình HTX nuôi tôm giai đoạn 1 tập trung và phân phối cho thành viên HTX trong vùng; Thí điểm công nghệ mới trong sản xuất nông nghiệp... thí điểm giúp HTX áp dụng sản xuất lúa giảm phát thải và thực hành theo dõi dấu chân carbon trong sản xuất lúa, thí

điểm các mô hình hỗ trợ HTX nâng cao năng lực lập dự án giảm phát thải và tham gia thị trường tín chỉ carbon...

2.6. Sở Công Thương

- Chủ trì, triển khai hỗ trợ sản xuất, mở rộng thị trường, xúc tiến quảng bá các mặt hàng nông sản và sản phẩm chế biến sau thu hoạch. Đồng thời, thực hiện tư vấn khuyến khích, hỗ trợ cơ sở, doanh nghiệp sản xuất và các HTX chuyển giao công nghệ và ứng dụng khoa học kỹ thuật tiên tiến, công nghệ xanh và lồng ghép với sử dụng năng lượng tái tạo vào sản xuất sản phẩm công nghiệp.

- Chủ trì và phối hợp với UBND cấp huyện đề rà soát, ưu tiên triển khai nguồn vốn theo chương trình Khuyến công cho các mô hình HTX điểm, HTX vệ tinh.

- Chủ trì và phối hợp với UBND cấp huyện xây dựng chương trình xúc tiến thương mại sản phẩm của HTX từ Cà Mau bán tại các trung tâm đô thị lớn.

2.7. Sở Thông tin và Truyền thông

Chủ trì thực hiện hợp phần chuyển đổi số trong quản lý KTTT tỉnh Cà Mau. Phối hợp với các đơn vị liên quan thực hiện tuyên truyền về nội dung đề án và các hoạt động của đề án trong quá trình triển khai thực hiện.

2.8. Sở Giao thông Vận tải

Phối hợp với các đơn vị liên quan triển khai thực hiện các nội dung về đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng giao thông.

2.9. Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch

Phối hợp các địa phương gắn các HTX vào các chương trình tham quan du lịch của tỉnh để thúc đẩy tiêu thụ sản phẩm thông qua hoạt động du lịch, đồng thời tạo thêm nhiều trải nghiệm cho du khách khi đến với Cà Mau.

2.10. Sở Nội vụ

- Phối hợp với Liên minh HTX, các sở, ban, ngành và UBND cấp huyện tổ chức khen thưởng, tôn vinh và nhân rộng các mô hình KTTT, HTX trên địa bàn tỉnh hoạt động có hiệu quả.

- Chủ trì và phối hợp với các đơn vị đề ban hành hướng dẫn chế độ cho cán bộ bán chuyên trách tham gia hỗ trợ và làm việc tại các HTX; kế toán ngân sách của các cơ quan nhà nước hỗ trợ HTX nâng cao công tác kế toán.

2.11. Sở Tư pháp

- Phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan và các địa phương xây dựng, trình ban hành các văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền của UBND, HĐND liên quan đến triển khai thực hiện đề án.

- Chủ trì và phối hợp Sở Kế hoạch và đầu tư trình HĐND tỉnh ban hành các Nghị quyết đặc thù hỗ trợ phát triển KTTT trên địa bàn tỉnh.

2.12. Hội LH Phụ nữ/Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh tỉnh

- Phối hợp các cơ quan, đơn vị liên quan và các địa phương hỗ trợ cho thành viên của Hội tham gia vào HTX nhiều hơn, đặc biệt là vai trò lãnh đạo của phụ nữ và thanh niên trong HTX.

- Đối với Hội LH phụ nữ tỉnh:

+ Chủ trì và phối hợp UBND các huyện để triển khai Quyết định số 01/QĐ-TTg ngày 03/01/2023 hỗ trợ HTX do phụ nữ tham gia quản lý, điều hành, tạo nhiều việc làm cho lao động nữ đến năm 2030 theo hướng khuyến khích hội viên các cấp tham gia vào Ban Giám đốc của các HTX, tham gia hội đồng liên kết kinh doanh của HTX.

+ Chủ trì xây dựng kế hoạch vận động hội viên tham gia thành viên HTX tại các ấp và xã. Đồng thời, xây dựng kế hoạch để hội viên Hội Phụ nữ cấp xã, ấp tham gia triển khai các dịch vụ nâng cao chất lượng đời sống của HTX

- Đối với Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh:

+ Chủ trì xây dựng kế hoạch thanh niên khởi nghiệp nông thôn tại các HTX.

+ Xây dựng kế hoạch đoàn viên thanh niên nhận đỡ đầu và hỗ trợ các HTX NN tỉnh Cà Mau ứng dụng công nghệ số trong sản xuất, tiêu thụ và quản lý HTX như: Nhật kí sản xuất điện tử, ứng dụng nền tảng số để bán hàng, tri thức hóa nông dân.

2.13. Hội nông dân tỉnh

- Phối hợp hỗ trợ đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động phát triển KTTT, HTX trong hội viên nông dân. Phát huy vai trò của lực lượng trí thức trẻ, cán bộ khoa học - kỹ thuật trẻ được đào tạo, nhiệt huyết tham gia phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn.

- Chủ trì xây dựng kế hoạch và thực hiện đào tạo liên quan, nâng cao chất lượng đời sống nông dân theo Nghị quyết số 19/2023/NQ-CP; vận động nông dân tham gia thành viên HTX và liên kết sản xuất theo chuỗi.

- Chủ trì xây dựng kế hoạch phát triển và đào tạo các THT của nông dân trên địa bàn huyện để các tổ hợp tác đủ năng lực làm vệ tinh cho các HTX và định hướng phát triển nhiều tổ hợp tác vào HTX.

2.14. Liên minh HTX tỉnh

- Chủ trì xây dựng 02 LH HTX điểm.

- Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và UBND các huyện hỗ trợ toàn diện 18 HTX và 02 LH HTX điểm; thực hiện tư vấn, hỗ trợ cho HTX trong hoạt động và phát triển; vận động HTX tổ chức sản xuất theo chuỗi giá trị, nâng cao chất lượng và tăng giá trị sản phẩm nông nghiệp, kết nối với hệ thống tiêu thụ trong và ngoài nước.

- Chủ trì xây dựng kế hoạch và triển khai đào tạo cho HTX về: Vận động người dân tham gia HTX, kế toán HTX, kiểm toán HTX.

- Chủ trì triển khai các chính sách hỗ trợ tín dụng đối với HTX giai đoạn 2024 - 2030; chủ động giải ngân nguồn vốn tín dụng cho các HTX từ Quỹ Hỗ trợ phát triển HTX tỉnh.

- Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, UBND các huyện, thị xã, thành phố tăng cường các hoạt động triển khai, hướng dẫn HTX tiếp cận các chính sách hỗ trợ, khuyến khích phát triển HTX trên địa bàn tỉnh.

- Huy động các nguồn lực và kinh phí để đẩy mạnh các hoạt động tư vấn, hỗ trợ HTX, như: đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản trị HTX, chuyển giao công nghệ, xây dựng cơ sở hạ tầng, máy móc, thiết bị trong sản xuất, chế biến cho các HTX; xúc tiến thương mại, xây dựng thương hiệu, liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm.

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ban quản lý dự án giao thông và nông nghiệp, các cơ quan, đơn vị liên quan và các địa phương lập dự án đầu tư xây dựng 03 Trung tâm sơ chế, phân loại nông sản.

2.15. Văn phòng điều phối nông thôn mới

Phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan và các địa phương hỗ trợ phát triển các sản phẩm OCOP, lồng ghép Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới để thực hiện các nội dung có liên quan trong đề án. Trong đó, ưu tiên triển khai xây hỗ trợ các HTX điểm và HTX vệ tinh tại mỗi huyện.

2.16. Mặt trận Tổ quốc và các thành viên

- Phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan và các địa phương tuyên truyền nội dung đề án, phản biện xã hội về các chính sách của đề án.

- Vận động các đoàn viên, hội viên tích cực tham gia các hoạt động của đề án khi được triển khai.

2.17. UBND các huyện, thành phố

- Tổ chức triển khai, cụ thể hóa các nội dung đề án thành các dự án để thực hiện theo lộ trình.

- Chủ trì xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện đề án theo hướng ưu tiên dành các nguồn lực để hỗ trợ phát triển KTTT. Trong đó, ưu tiên thành công ít nhất xây dựng 02 HTX điểm và 06 HTX vệ tinh tại mỗi huyện.

- Chủ trì xây dựng kế hoạch xây dựng thí điểm 1 mô hình HTX điểm theo 4 đặc điểm: i) HTX đa dạng mục tiêu theo hướng HTX cộng đồng; ii) Thành viên HTX đa dạng và nhiều (Thành viên chủ lực là người dân ở nhiều ngành nghề khác nhau; vận động công chức viên chức cấp xã, cấp ấp, thầy/cô giáo, tiểu thương, doanh nghiệp, cán bộ hưu trí... tham gia thành viên); iii) HTX kinh doanh đa dạng dịch vụ gồm cả nhóm dịch vụ sản xuất và nhóm dịch vụ đời sống. Các dịch vụ của HTX hướng đến phục vụ thành viên và HTX đóng vai trò “là tổ chức đại diện” cho nhiều

hộ dân để làm dịch vụ “mua chung” và “bán chung”; iv) HTX hoạt động đúng; v) Mục tiêu kinh doanh của HTX theo hướng hài hòa lợi ích và lợi nhuận.

2.18. Đảng ủy, UBND cấp xã

- Tổ chức triển khai cụ thể các nội dung đề án địa bàn của xã tới từng HTX trên địa bàn quản lý. Triển khai các chương trình, dự án phát triển HTX. Thực hiện công tác tuyên truyền, vận động tham gia thành lập, củng cố và phát triển HTX; khuyến khích thành viên của tổ chức tham gia HTX.

- Chủ trì xây dựng kế hoạch và triển khai đề án theo hướng nâng cao vai trò quản lý nhà nước của cấp xã đối với KTTT bao gồm các nhiệm vụ trọng tâm; gắn HTX vào các kế hoạch chung của xã, vận động cán bộ, công chức, viên chức, người dân tham gia và hỗ trợ HTX trong khả năng như: nhân lực, địa điểm làm việc, hợp đồng liên kết với người dân và doanh nghiệp.

2.19. Báo Cà Mau, Đài Phát thanh - Truyền hình Cà Mau

Phối hợp thực hiện tuyên truyền các nội dung và kết quả thực hiện đề án.

2.20. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh Cà Mau

- Chỉ đạo các ngân hàng thương mại, ngân hàng chính sách xã hội trên địa bàn tỉnh tạo điều kiện cho các tổ chức KTTT, HTX tham gia đề án được thuận lợi, tiếp cận các nguồn vốn vay theo quy định.

- Chủ trì xây dựng kế hoạch thí điểm hỗ trợ lãi suất cho các HTX có tham gia liên kết sản xuất và tiêu thụ nông sản theo chuỗi; vốn vay cho các doanh nghiệp có liên kết sản xuất và tiêu thụ nông sản với các HTX.

2.21. Sở, ban, ngành tỉnh địa phương

Các Sở, ban, ngành địa phương có nhiệm vụ gửi dự toán chi tiết cho Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp dự toán chung, phối hợp với Sở Tài chính lập dự toán kinh phí hàng năm để triển khai thực hiện đề án này. Trường hợp có khó khăn, vướng mắc, báo cáo đề xuất gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, giải quyết, trình cấp thẩm quyền xem xét, có ý kiến chỉ đạo thực hiện.

ĐƠN VỊ TƯ VẤN LẬP ĐỀ ÁN VÀ DỰ TOÁN Trường Chính sách công và Phát triển nông thôn

TÀI LIỆU THAM KHẢO

AID-COOP. (2010). Phát triển HTX ở Việt Nam: Một bước mới để phát triển nền kinh tế đất nước. Báo cáo tổng kết 20 năm thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 18/3/2002, Hội nghị lần thứ 5, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả KTTT.

Cục Kinh Tế Hợp Tác và Phát Triển Nông Thôn. (2022). Toàn cảnh HTX nông nghiệp Việt Nam 2022.

Đặng Kim Sơn. (2009). Kinh nghiệm phát triển HTX ở Nhật Bản, Đài Loan, Hàn Quốc. Tổng hợp tư liệu và dịch thuật: Vụ HTX, Bộ Kế hoạch và Đầu Tư.

Liên minh HTX Việt Nam. (2023). Thử điếm thành lập và hoạt động của liên đoàn HTX lúa gạo vùng ĐBSCL.

Quốc Hội. (2012). Luật HTX số 23/2012/QH13.

Quốc Hội. (2023). Luật HTX số 17/2023/QH15.

Niên giám thống kê tỉnh Cà Mau. (2021). Niên giám thống kê tỉnh Cà Mau năm 2021.

Phạm Quang Vinh. (2009). Kinh nghiệm từ mô hình HTX nông nghiệp của Cộng hòa Liên bang Đức. Dự án phát triển HTX tại Việt Nam của DGRV.

Ủy Ban Kinh Tế Của Quốc Hội và UNDP tại Việt Nam. (2012). Sự phát triển của HTX và vai trò của HTX đối với an sinh xã hội. NXB Tri Thức.

Trần Minh Hải và cộng sự. (2023). Nghiên cứu, đề xuất giải pháp xây dựng và hoàn thiện mô hình HTX nông nghiệp kiểu mới hoạt động có hiệu quả trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

UBND tỉnh Cà Mau. (2023). Báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2023 và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2024.

Ban Thường vụ Tỉnh ủy. (2019). Báo cáo số 461-BC/TU ngày 19/6/2019 về tổng kết 15 năm thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 18/3/2002 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả phát triển KTTT.

Ban Thường vụ Tỉnh ủy Cà Mau. (2021). Báo cáo số 138-BC/TU ngày 29/10/2021 về tổng kết 20 năm thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 18/3/2002 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả phát triển KTTT.

Hội đồng Nhân dân tỉnh Cà Mau. (2020). Báo cáo số 47/BC-HĐND ngày 27/8/2020 về kết quả giám sát tình hình đổi mới, phát triển KTTT trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

UBND tỉnh Cà Mau. (2020). Báo cáo số 204/BC-UBND ngày 13/7/2020 về định hướng chiến lược phát triển KTTT, HTX giai đoạn 2021 - 2030.

UBND tỉnh Cà Mau. (2021). Báo cáo số 296/BC-UBND ngày 02/11/2021 tổng kết 10 năm thi hành Luật HTX năm 2012.

UBND tỉnh Cà Mau. (2020). Kế hoạch số 93/KH-UBND ngày 01/9/2020 về phát triển KTTT tỉnh Cà Mau giai đoạn 2021 - 2025.

Ban Thường vụ Tỉnh ủy Cà Mau. (2021). Kế hoạch số 16-KH/TU ngày 08/02/2021 thực hiện Chương trình số 02-CTr/TU ngày 22 tháng 01 năm 2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XVI, nhiệm kỳ 2021 - 2025.

UBND tỉnh Cà Mau. (2023). Kế hoạch số 76/KH-UBND ngày 31/3/2023 về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả KTTT trong giai đoạn mới trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

UBND tỉnh Cà Mau. (2023). Kế hoạch số 182/KH-UBND ngày 02/8/2023 thực hiện Đề án nâng cao năng lực thích ứng với biến đổi khí hậu của HTX nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Cà Mau giai đoạn 2022 – 2025./.